

Nhóm nghiên cứu trang phục Á Đông

Tà áo Phượng Đông



Trên những chặng đường lịch sử
trang phục Á Đông.



Nhà xuất bản Đông Á





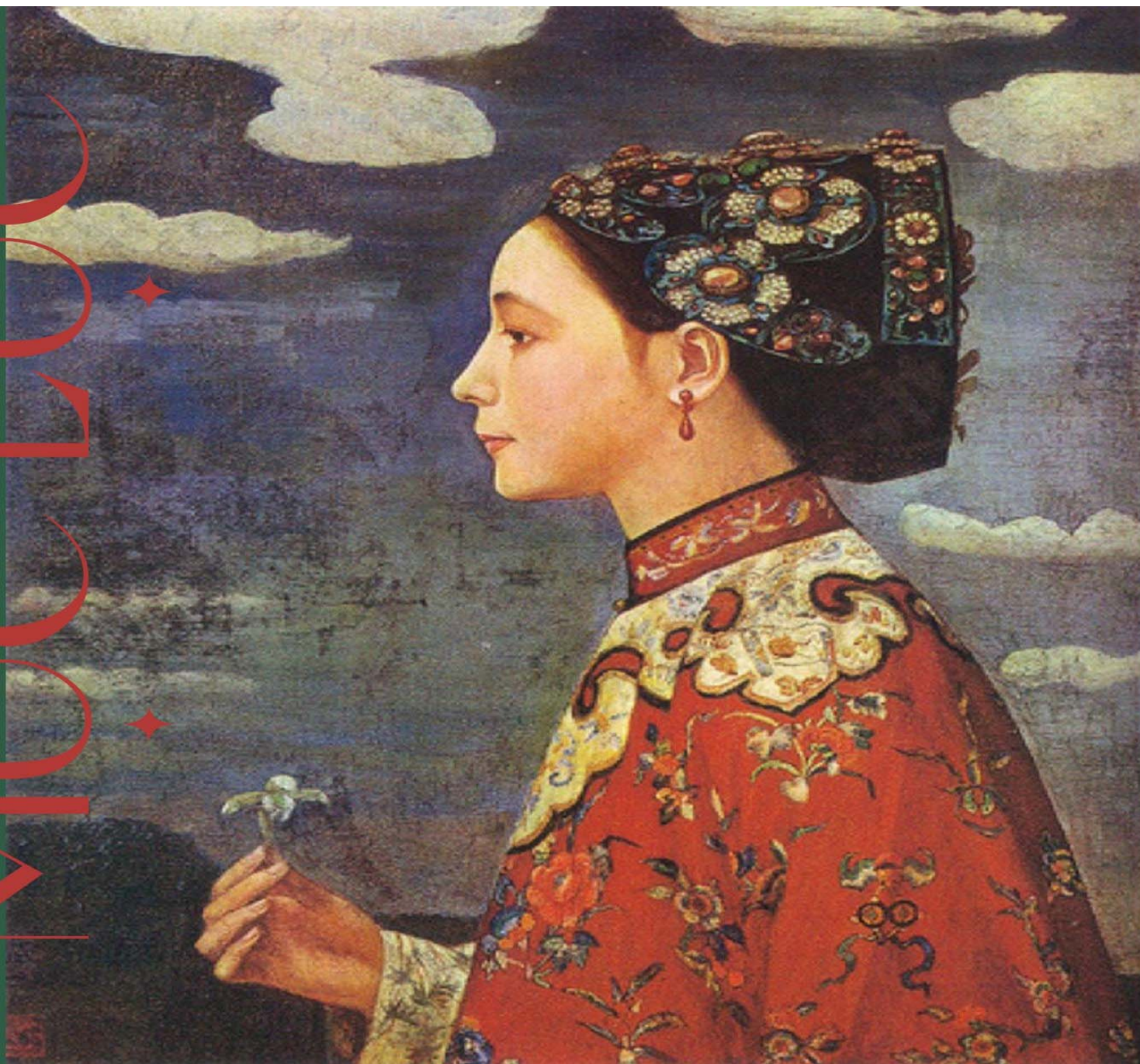
Lời giới thiệu

Những năm gần đây, xu hướng tìm hiểu giá trị văn hóa truyền thống ngày càng được nâng cao trong thế hệ trẻ. Sau hàng chục năm tìm kiếm và chạy theo nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giờ đây người trẻ cũng đã có thời gian nhìn lại những giá trị cổ xưa và nhận ra sự thú vị trong những câu chuyện lịch sử.

Đối với ngành đồ họa, màu sắc và họa tiết trong tranh truyền thống là hai vấn đề đặc biệt được quan tâm. Cảm hứng từ chất liệu, phối màu và họa văn được tái sử dụng trong những ấn phẩm hiện đại, tạo nên một màu sắc mới lạ nhưng vẫn rất thân thuộc. Các yếu tố trong cổ trang như hoa, mây, sóng, nước,... khi ứng dụng làm họa văn trang trí luôn mang lại cảm giác rất riêng.

Từ nguồn cảm hứng ấy mà chúng tôi, nhóm sinh viên ngành đồ họa của trường Đại học Văn Lang, quyết định chọn chủ đề cổ trang cho đồ án tập chí lần này và lấy tên chủ đề “Tà áo phương Đông – Trên những chặng đường lịch sử trang phục Á Đông”. Với tính chất uyển chuyển từ trang phục của phụ nữ phương Đông mà cụ thể là khu vực Á Đông, chúng tôi mong muốn mang lại cho bạn đọc một cái nhìn cụ thể và rõ ràng nhất về trang phục qua các triều đại của 4 nước đồng văn: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam. Từ đó giúp bạn đọc cảm nhận được không khí đương đại qua từng bộ trang phục và cách sinh hoạt của người dân từng nước.

MILC



Trung Quốc

Nhà Đường	06
Nhà Tống	14
Nhà Minh	20
Nhà Thanh	28

Nhật Bản

Kimono	78
Thời kì Phong kiến	104
Thời kì Edo	106
Đế quốc Nhật Bản	110

Việt Nam

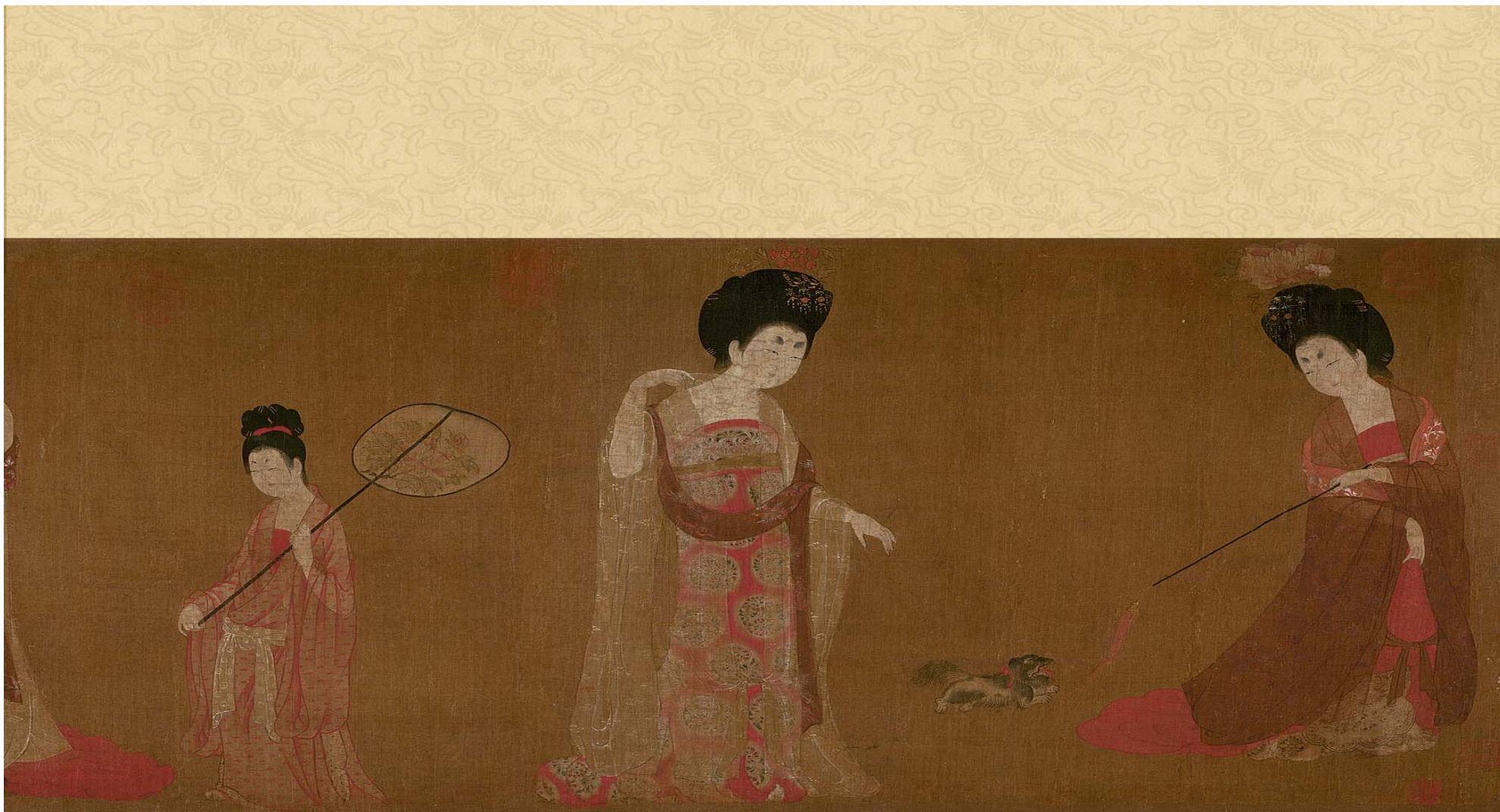
Sơ lược	48
Nhà Lý	50
Nhà Trần	56
Nhà Lê	62
Nhà Nguyễn	68

Hàn Quốc

Hanbok	116
Thời Tam Quốc	120
Tân La Thống Nhất	130
Cao Ly	132
Triều Tiên	136

Trung Quốc





Trung Quốc là một đất nước có nền văn hóa lâu đời, được coi là một trong những cái nôi văn minh của nhân loại với lịch sử hình thành và phát triển hàng nghìn năm qua các triều đại khác nhau.

Trang phục Triều Đường

Năm 618, Lý Uyên lên ngôi Hoàng đế lập ra nhà Đường, chấm dứt các cuộc nội loạn chia rẽ Trung Nguyên hàng trăm năm. Thời Đường, văn minh Trung Hoa phát triển vô cùng cường thịnh. Khi đó nghề tơ tằm có bước tiến dài. Con đường tơ lụa phồn thịnh giúp các dân tộc giao lưu mạnh mẽ hơn. Bởi thế trang phục thời kỳ này thực sự đạt đến mức độ sáng tạo nghệ thuật rất cao.

Văn minh thời Đường đạt đến đỉnh cao huy hoàng, trang phục nhà Đường đương nhiên cũng trở thành kiểu mẫu cho các vương triều khác học hỏi, noi theo. Đây chính là Thần Phật đã hữu ý lưu lại cho con người tương lai một khuôn vàng thước ngọc. Thời hiện đại, những yếu tố không lành mạnh, những kiểu trang phục, thời trang biến dị, phản cảm đã xuất hiện đầy rẫy ngoài xã hội. Hơn lúc nào hết, con người thực sự cần những quy chuẩn phù hợp với đạo đức từ ăn mặc, đi lại, ăn mặc, nói năng... Trở về với truyền thống chính là con đường duy nhất. Thời Đường, trang phục phụ nữ được coi là đặc sắc bậc nhất trong lịch sử. Người phụ nữ thời Đường trong những bộ trang phục truyền thống trở thành những bông hoa xinh đẹp khoe hương sắc truyền cảm hứng cho biết bao thi nhân, văn nhân.



"Người dâng lễ Phật" (張氏供養人) - Tranh lụa được tìm thấy trong hang Mo-kao

Trang phục phụ nữ phổ biến dưới thời Đường là loại "Tề Hung Nhu Quần - 齊胸襦裙" (là một kiểu "áo váy ngực" khi váy được kéo lên đến ngực khi quần vào ngang nách thì có luôn tác dụng là thay thế Yếm) vì mặc theo kiểu này nên rất nhiều phụ nữ thời Đường khi mặc thường mang lại vẻ gợi cảm (phần ngực phía trên bị o bế và hơi lộ ra) nhất là khi các quý cô tiểu thư mặc áo khoác ngoài mỏng hoặc loại áo khoác ngoài thả hai tà áo. Thực tế là từ giai đoạn Võ Tắc Thiên lên ngôi thì trang phục phụ nữ thời Đường có những thay đổi rõ rệt. Trang phục được thiết kế phóng khoáng hơn, thướt tha, lồi cuốn hơn và gợi cảm hơn. Trang phục phụ nữ thời Đường được thiết kế hết sức cầu kỳ với nhiều đường nét, họa tiết cũng như nhiều phụ trang đi theo, các kiểu dáng cũng được thay đổi thường xuyên nhằm tạo nên vẻ đẹp thanh lịch, quý phái. Trang phục của phụ nữ thời này là váy dài tới đất, áo mỏng. Áo ngắn bỏ thì trong váy, khoác khăn lụa trùm qua vai. Phụ nữ thời Đường coi cơ thể nở nang là đẹp, vì thân hình nở nang nên trang phục có xu hướng rộng rãi. Thông thường trang phục của nữ giới may bằng the, lụa, và đây là đặc điểm phục sức của phụ nữ thời Đường. Những điều trên quan hệ chặt chẽ việc giải phóng tư tưởng đương thời.

Trang phục

Phụ nữ thời Đường chủ yếu mặc ba loại trang phục sau: trang phục thời Hồ được du nhập từ con đường tơ lụa, trang phục truyền thống điển hình của vùng Trung Nguyên, ngoài ra họ còn dùng cảm phá bỏ quy tắc lễ nghi của Nho giáo để được mặc trang phục nam.

Trang phục truyền thống Trung Nguyên



Nữ nhân Hậu cung nhà Đường từ một bức tranh tường trong lăng mộ ở Li Xianhui



Người dâng lễ Phật trong trang phục nhà Đường, hang Mo-kae

Trước tiên phải kể đến trang phục truyền thống Trung Nguyên. Đây là loại trang phục áo trên váy dưới. Tuy kiểu dáng không mới, nhưng được thay đổi đôi chút trông khá mới mẻ, ví dụ như thân áo ngắn hoặc dài, cổ áo tròn hoặc vuông hoặc lệch hoặc thẳng hoặc hình tim và đều được cắt sâu để trễ ngực, đây là sự sáng tạo mà trước đó chưa từng có. Ban đầu chỉ có phi tần trong cung và các vũ nữ mặc, nhưng sau đó đã nhanh chóng thu hút sự chú ý của giới quý tộc. Điều đó cho thấy người thời đó có tư tưởng vô cùng phóng khoáng. Trong kinh điển Nho gia có quy định chặt chẽ về y phục, đó là trang phục phải che kín toàn thân, đặc biệt là phụ nữ phải tuân thủ nghiêm ngặt, nhưng với kiểu trang phục trễ ngực trên thì phụ trong các triều đại khác đều không dám nghĩ đến cũng không dám làm. Trang phục nữ ngoài kiểu áo và váy trên, còn có kiểu áo tay lửng – một loại áo ngắn tay mà thời nay chúng ta thường mặc vào mùa hè, nhưng thời đó, kiểu áo này thường được mặc bên ngoài áo dài tay, nó có tác dụng như áo sát nách. Nhưng vì tay áo cắt lửng đến khoảng giữa cánh tay nên được gọi là áo tay lửng. Khi mặc lên trông khá thoáng tha duyên dáng, đáng điệu uyển chuyển.

Trang phục thời Hồ du nhập từ con đường tơ lụa



Một vũ công nhà Đường từ một bức tranh tường trong các ngôi mộ Astana

Phá bỏ quy tắc mặc trang phục nam

Thời Võ Tắc Thiên ưa chuộng trang phục thời Hồ, trang phục này có đặc điểm tay áo nhỏ gọn, cổ bẻ ra ngoài, thân áo dài, kết hợp với giày vải mềm. Như cung nữ trong “Đào luyện đồ” của Chương Huyền, áo trên rất ngắn, eo váy cao đến dưới nách, sau đó có thể biến hóa các loại như đai quần buộc cổ, để hở cổ. Từ thời Thịnh Đường trở về sau này, trang phục rộng rãi hơn, dần dần thịnh hành tay áo rộng. Đây là một quần áo thịnh hành, giống như dáng tiên lúc ẩn lúc hiện, lụa quần quanh người bỗng bồng bềnh bay theo gió. Đầu thời Đường, sự giao thoa văn hóa diễn ra mạnh mẽ. Phụ nữ Trung Nguyên cũng có thêm nhiều lựa chọn trang phục đa dạng hơn theo kiểu Tây Vực (phía Tây) hoặc kiểu người Hồ (phía Bắc): Ống tay áo hẹp, cổ bẻ quần hoa, dày vải, đội mũ Hồ vành cong.



Kiểu áo người Hồ được phụ nữ thời Đường ưa chuộng (Cao Xuân Minh vẽ)

Đó chính là dụng ý “Thiên nhân hợp nhất” của người xưa. Trang phục nữ thời Đường rất giống với trang phục các tiên nữ trên trời, vừa thướt tha, kiểu diễm, lại vừa kín đáo, nhuần nhị. Con người cổ đại tôn thờ, sùng ngưỡng Thần, luôn lấy trang phục, hành vi, phẩm chất của Thần mà đối chiếu, noi theo. Vậy nên trang phục thời ấy cũng mang được những nét thần thánh như vậy.

Nếu như xiêm áo của phụ nữ hoa lá rườm rà thì trang phục nam giới hoàn toàn ngược lại. Thời nhà Đường, thanh niên thường chít khăn trên đầu, mặc áo cổ tròn, lưng thắt dây, chân đi boots da. Khi mặc kiểu trang phục này, trông người đàn ông trở nên phong độ, hoạt bát mà không mất đi sự nho nhã, còn người phụ nữ khi giả trang trông cũng không bị khô cứng mà vẫn mềm mại uyển chuyển. Mặc dù, trong kinh điển Nho gia từ lâu đã quy định “nam nữ không được mặc chung đồ”, nhưng hình ảnh nữ nhi mặc trang phục nam giới thời Đường rất phổ biến.

Phục sức thời Đường



Trong số những trang phục thịnh hành thời Đường, không thể không nhắc đến phục sức của phụ nữ. Phụ nữ thời đó rất chú ý ăn mặc, họ phát huy tối đa vẻ đẹp của trang phục không phải là dựa vào sở thích nhất thời của mình mà dựa vào bối cảnh xã hội.

Phụ nữ thời Đường rất thích khoác khăn choàng trên vai hoặc vắt dài lụa trên hai cánh tay. Khác với dải lụa dài và nhỏ, khăn choàng rộng và ngắn. Có thể tìm thấy dấu vết những chiếc khăn này trên các bức tượng gốm hình nữ thời Đường. Liên quan đến khăn choàng còn có một truyền thuyết thú vị sau: Truyền rằng, xưa có một lần trong bữa tiệc do Đường Minh Hoàng thiết đãi quần thần, bỗng có một cơn gió ào tới thổi chiếc khăn choàng của Dương Quý Phi bay lên mũ của Hạ Hoài Trí. Điều đó cho thấy, khăn choàng có thể được làm từ loại vải rất nhẹ, nhưng cũng không loại trừ khả năng có loại khăn choàng mùa đông được đan từ len. Dải lụa còn gọi là “phiêu đới”, nó dài và khá nhỏ, được choàng từ phía sau lưng ra phía trước, hai đầu dây quần qua cánh tay rồi thả dài xuống dưới. Người đời sau khi vẽ tiên nữ và những thiếu nữ thời xưa luôn vẽ thêm dải lụa thắt tha trên người họ.



Chân dung Võ Tắc Thiên đội Phượng quan được phục dựng vào thế kỷ 18

Trang điểm và kiểu tóc

Trang điểm trên khuôn mặt không phải do phụ nữ thời Đường phát minh ra, song họ đã đạt đến trình độ trang điểm điêu luyện, cách trang điểm của họ rất lộng lẫy và sang trọng.



Tượng điêu khắc một phụ nữ thời đường với lối trang điểm và kiểu tóc đặc trưng.



Tượng điêu khắc một phụ nữ thời đường với lối trang điểm và kiểu tóc đặc trưng.

Trang điểm

Phụ nữ thời đường trang điểm rất kỹ, không chỉ thoa phấn, kẻ chân mày, đánh phấn má hồng, thoa son môi, mà còn dán một miếng giấy vàng hình trăng khuyết trên trán, gọi là “ngạc hoàng” (hay còn gọi là “nha hoàng”). Tương truyền rằng đó là do mô phỏng theo cách trang điểm mặt vàng của dân tộc Tây Bắc. Cách vẽ chân mày cũng rất đa dạng, tương truyền vua Đường Huyền Tông từng ra lệnh cho 10 người thợ vẽ 10 cặp chân mày khác nhau, đây cũng là một câu chuyện của lịch sử phục sức gắn với vị vua phong lưu mà ít người biết đến. Cặp chân mày còn được gắn với những cái tên mỹ miều như “uyên ương”, “tiểu sơn”, “tam phong”, “ngũ nhạc”, “thụy châu”, “phát vân”, “nguyệt lãng” v.v... và những cái tên dân gian cũng rất đẹp như lông mày lá liễu, lông mày trăng khuyết, lông mày chữ bát v.v... Ngoài vẽ hai đường chân mày, ở giữa hai chân mày còn dán lông chim, giấy đen ánh bạc, vỏ ốc, giấy vàng, xương cá, đá vân mẫu v.v... hoặc dùng màu trực tiếp vẽ lên trán; đuôi chân mày còn vẽ một đường chỉ màu hồng. Dùng son tô môi thành nhiều hình khác nhau, ở gần khẻ miệng còn điểm hai hình tròn nhỏ màu hồng bằng hạt đậu, đó gọi là “diệp”. Sau thời thịnh Đường, hai hình tròn nhỏ này ngày càng được vẽ lớn hơn và sát hai bên cánh mũi, với nhiều hình thù khác nhau như hình đồng xu, hình hạnh đào, hình cánh chim, hình bông hoa v.v... Trên những bức bích họa trong 61 hang động ở Mạc Cao Quật thời kỳ Đôn Hoàng Ngũ Đại có thể thấy rất nhiều hình ảnh những người phụ nữ với “gương mặt trái xoan được trang điểm nhẹ và có rất nhiều hình hoa ngang dọc được vẽ trên mặt”.

Kiểu tóc

Cụ thể mà nói, kiểu cách thời trang của phụ nữ Đường triều thể hiện qua 5 phương diện: kiểu tóc, dáng lông mày, môi, ngực và y phục. Vào thời kỳ này, phụ nữ thường để tóc theo 3 kiểu chính: Tóc xỏa cho các thiếu nữ chưa chồng, tóc búi cao sát đầu cho người đã có chồng, và tóc búi cầu kỳ dành cho giới quý tộc. Lúc bấy giờ, những người phụ nữ có địa vị trong xã hội rất ưa chuộng các kiểu búi cao và lớn như: búi đôi, búi mây, búi hình hoa... Thậm chí, để tăng thêm độ “kỳ quái” cho mái tóc của mình, họ còn sử dụng thêm nhiều trang sức được chế tác vô cùng tinh xảo.



Trang phục nhà TÔNG

Trang phục của nhà Tống về cơ bản tuân thủ các nguyên tắc của trang phục thời nhà Đường, và đưa ra các quy tắc cụ thể hơn về kiểu dáng, màu sắc và trang trí. Trong đó, trang phục của Hoàng hậu và các phi tần của hậu cung nhà Tống là đẹp và cao cấp nhất trong những người phụ nữ lúc bấy giờ.



Trang phục Hoàng cung

Phong tục triều đình thường sử dụng màu đỏ cho quần áo của họ với giày và mũ da màu đen. Tất cả các quần áo đã được khai quật có các cạnh cổ áo và các cạnh tay áo của được trang trí bằng ren hoặc các mẫu thêu. Những bộ quần áo như vậy được trang trí với các hoa văn hoa mẫu đơn, hoa trà, hoa mạn, và hoa huệ,...

Một trong những kiểu quần áo phổ biến cho phụ nữ trong triều đại nhà Tống là Beizi (褙子), thường được coi là áo khoác và có thể được kết hợp với Ru hoặc Ku. Có hai kích thước của Beizi: cái ngắn là chiều dài đỉnh đầu và cái dài kéo dài đến đầu gối. Hoàng thái hậu, hoàng hậu mang long phượng tán hoa, mệnh phụ cài hoa trâm quan.

Từ Thánh Quang Hiến Tào hoàng hậu (慈聖光獻曹皇后)



"Avalokiteshvara as Guide of Souls",
tranh in trên lụa.



Hiển Thánh Từ Liệt hoàng hậu
惠聖慈烈皇后

Trang phục của phụ nữ nhà Tống được đánh giá là khá "thời trang", quần áo mỏng và dài, khác với thời kỳ trước đó. Cách phối màu trang phục cũng phá vỡ những quy tắc ăn mặc của nhà Đường. Thời Đường chuộng các màu sắc nổi bật như màu đỏ, tím và xanh lá cây. Ngược lại, phụ nữ nhà Tống lại chuộng những màu sắc thanh lịch và giản dị như đen, tím, trắng nhạt, xám bạc, màu trầm hương... và với những trang phục cao cấp hơn thì màu trung tính và xám rất được ưa chuộng. Hoa tiết trên quần áo cũng được thay đổi so với nhà Đường, từ những hoa tiết cầu kì phức tạp, sang họa tiết zigzag nét to, sống động và tự nhiên hơn. Áo khoác là loại trang phục phổ biến nhất. Hầu hết áo khoác của phụ nữ thời nhà Tống đều được trang trí bằng những đường thêu tinh xảo. Hầu hết trong số đó có cổ tròn, cổ chéo, cổ thẳng. Ngoài ra, các phần khác cũng có sự thay đổi như, thắt lưng mỏng và dài, nhiều nếp gấp, và đường xẻ tà dài.

Trang phục thường dân

Một trong những quy định về trang phục đó là màu sắc quần áo của phụ nữ tùy thuộc vào màu quần áo của chồng và phụ nữ ở những gia đình bình dân không được phép mặc váy hoa năm màu bằng satin. Mặc cho những quy định đó, rất nhiều phụ nữ đã không tuân thủ quy tắc này và sự bùng nổ thời trang tiếp tục, không có dấu hiệu suy giảm. Vào thời điểm đó, có một sở thích ăn mặc mới đó là “những trang phục lạ mắt” lấy cảm hứng từ quần áo nước ngoài. Sau đó, hoàng đế đã ra lệnh cho tất cả những người mặc kiểu trang phục này bị lên án.

Phụ nữ dân thường, đặc biệt là phụ nữ làm nông hoặc người giúp việc, vẫn mặc áo khoác tay hẹp. Nó chỉ mỏng hơn và dài hơn so với những người ở cuối thời Đường. Màu sắc chủ đạo là màu trắng, và được nhấn nhá bằng màu đỏ thắm và xanh nhạt. Váy lót cũng tương đối ngắn, với màu xanh và trắng là màu phổ biến nhất. Nói chung, quần áo của phụ nữ thời nhà Tống, ngoại trừ phần tay áo và váy rộng đã từng rất phổ biến ở thời Bắc Tống, thì nó có phần tỉ mỉ, mỏng, dài và thẳng hơn.



Beizi - Một kiểu áo khoác phổ biến của phụ nữ nhà Tống



Một trong bức tượng người hầu gái vào thời Tống ở Shengmu Hall

Quần áo trong và áo khoác ngoài là những kiểu quần áo tương tự nhau. Quần áo trong có hình dạng ngắn, thường dài đến thắt lưng, áo khoác, đường may viền bên hông, tay áo thanh mảnh và thân áo hẹp. Có một chiếc áo lót đơn, một chiếc áo lót ghép, một chiếc áo lót đơn tương tự như một chiếc áo Beizi, và một chiếc áo lót đôi tương tự như một chiếc áo khoác. Thông thường, quần áo của phụ nữ quý tộc chủ yếu là màu đỏ và vàng tía, được thêu bởi những người thợ thêu lành nghề. Phụ nữ bình thường chủ yếu là màu xanh lá cây, trắng và nâu, và phụ nữ lớn tuổi cũng thích mặc áo khoác dệt từ cây hoa vân anh.

Chiếc áo khoác này là một loại áo khoác mùa đông có lớp lót hoặc lớp lót bằng cotton. Nó có một chiếc áo khoác và đường may bên hông để thoáng khí. Nó còn được gọi là "áo khoác xoay" và có thể thay thế áo choàng. Vào thời nhà Tống, có những hạn chế trong việc sử dụng áo choàng. Ngoại trừ phụ nữ Hậu cung, hầu hết phụ nữ dân gian khác không được phép mặc chúng. Sau đó, màu áo choàng của người phụ nữ được quy định. Màu tím phía trên lớp ba được thêu hình Sếu và hoa. Màu vàng bên dưới lớp ba không được thêu. Đối với màu sắc của áo khoác, không có quy định chung trừ quy định màu trắng là dành cho "trang phục tội nhân", và có thể chọn theo sở thích của mình.

Quần áo tay hẹp là trang phục thường ngày phổ biến của phụ nữ thời nhà Tống. Phong cách là áo len dệt, đường viền cổ áo, tay áo hẹp, và chiếc váy dài đến đầu gối. Đặc điểm là nó rất mỏng và thậm chí sát với cơ thể hơn. Vì phong cách mới lạ và chi phí thấp, phong cách quần áo này nhanh chóng trở nên phổ biến. Không chỉ phụ nữ quý tộc cũng thích mặc nó, mà phụ nữ bình thường cũng đi theo. Điều này cũng cho thấy người thời nhà Tống chú ý đến kinh tế và tính thực tế. Ngoài búi tóc, mặc quần áo càng nhiều càng tốt, không chỉ dễ di chuyển mà còn làm toát lên vẻ đẹp đường của phụ nữ. Đồng thời, có một kiểu ve áo phổ biến với tay áo hẹp dài đến đầu gối. Trong quá trình sản xuất, hai đường viền thêu hẹp được thêm vào cổ áo. Các ve áo thường có hình tam giác, và đôi khi chúng cần được mặc bằng lụa, buộc ở thắt lưng và làm thành nhiều vòng khác nhau. Vào cuối thời nhà Tống, nó cũng phổ biến khi có tay áo hẹp quấn quanh cơ thể, và các đường xẻ ở mặt trước và mặt sau. Có nhiều nút quần áo ở các khe để trang trí. Quần của nữ nhân của nhà Tống nói chung không được lộ ra bên ngoài, thường sẽ mặc váy ở bên ngoài, hầu hết các váy che quần trong váy. Tuy nhiên, cũng có những người mặc quần dài và không mặc váy bên ngoài, nhưng đây là trang phục của phụ nữ thấp kém. Quần thời nhà Tống được thêu, và quần không đáy cũng được duy trì.

Trang điểm



Bức tranh miêu tả cuộc sống thường ngày của phụ nữ nhà Tống được tìm thấy trong một ngôi mộ ở thành phố Đặng Phong, Hồ Nam, TQ.

Thời nhà Tống thường có ba đến năm điểm nhấn trong lối trang điểm, như một món đồ trang sức đặc biệt trên khuôn mặt của phụ nữ (hai bên má, hai lông mày và một trên trán). Mặc dù cách trang điểm của nhà Tống có những điểm tương đồng với các triều đại trước, nhưng vẫn có một số đặc điểm độc đáo tách biệt triều đại này với những vương triều trước đó.



Tranh của họa sĩ
Qian Xuan 钱选



Hán phục nhà MINH

Sau khi Chu Nguyên Chương thống nhất thiên hạ, triều Minh bắt đầu khôi phục lại trang phục theo kiểu dân tộc Hán, kiểu dáng trang phục có nét nhiều tương đồng với thời nhà Đường.

Phụ nữ quý tộc thời Minh thường mặc áo choàng dài với tay áo rộng màu đỏ, phụ nữ tầng lớp thường dân chỉ được mặc trang phục có màu nhạt, màu hồng đào, màu tím biếc. Thường ngày họ mặc áo ngắn và váy dài, phần eo có thắt dây lụa, váy xòe rộng và có nhiều kiểu dáng như váy xếp ly, váy đuôi phượng.

Trang phục của nhà Minh được thừa hưởng phong cách của các triều đại Tống và Nguyên. Ví dụ, quần áo dốc phổ biến trong triều đại nhà Minh được thừa hưởng từ áo khoác thắt lưng của người Mông Cổ, nhà Nguyên. Ở thời kỳ giữa và sau này, thậm chí còn có các hình dạng và kiểu dáng không được nhìn thấy ở thế hệ trước, chẳng hạn như cổ áo đứng và số lượng lớn các nút được sử dụng trong phần dễ thấy của một bộ quần áo. Trong triều đại nhà Thanh, nó đã dần bị cấm, nhưng vẫn còn một vài phong cách và đặc điểm đã lan rộng cho đến ngày nay. Trang phục dân tộc từ Hàn Quốc (Hanbok), Nhật Bản (Ryukyu) và Việt Nam (Việt phục) cũng chịu ảnh hưởng bởi trang phục của nhà Minh.



Hiếu Nguyên Trinh hoàng hậu
孝元貞皇后

Y phục Hoàng Hậu

Phàm tế trời, đến tông miếu, đến nơi thờ cúng, lên triều hoàng hậu sẽ mặc lễ phục, thiết yến thì mặc thường phục.

Lễ phục (địch y)

Lễ phục của Hoàng hậu nhà Minh gồm: mũ phượng, địch y, áo trong, miếng che đầu gối, ngọc khuê, đai ngọc, đai lưng, băng lụa, ngọc bội, giày và tất màu xanh.

Địch y: Có màu xanh thẫm, cổ áo, tay áo, vạt áo hai bên và vạt áo dưới chân màu đỏ thêu hoa văn rồng bay trong mây. Mặt trên thêu bốn mươi cặp chim trĩ.

Băng lụa: Lấy năm màu chủ đạo là: hồng nhạt, xanh lục, đỏ, vàng, trắng dệt thành.



Mũ phượng: Loại mũ phượng trên hình là “Cửu long cửu phượng quan”. Mũ phượng lấy trúc được sơn qua làm khuôn, sau đó gắn thủy phi, rồng vàng, phượng hoàng bằng ngọc bích, hoa ngọc, ngọc Lục bảo, trân châu lên để trang trí.

Ngọc khuê: Dài bảy tấc, phía trên chuốt nhọn, phía dưới bọc vàng, trên thân có hoa văn khắc nổi.

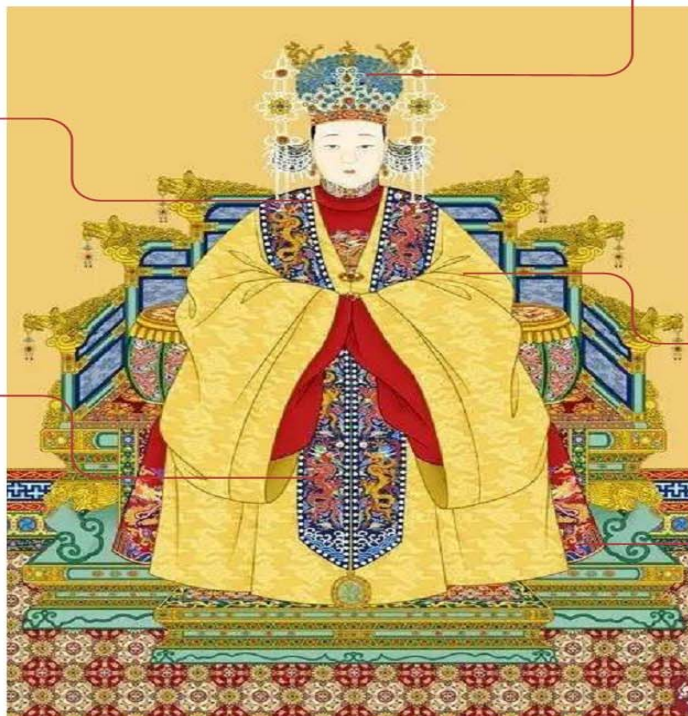
Miếng che đầu gối: Cùng màu, viền đỏ, ở giữa thêu bốn vòng hoa nhỏ, mỗi bên thêu ba con chim trĩ. Viền thêu hoa văn rồng mây.

Thường phục

Thường phục của Hoàng hậu nhà Minh gồm: Mũ phượng, áo ngoài, áo trong, áo lót (màu vàng, thêu vân chim rồng vờn mây), hà bí, đai lưng (màu đỏ, có khi có thêm màu xanh hoặc lục), đai ngọc (màu xanh lục sáng, thêu hoa văn rồng mây bằng chỉ vàng. Khảm mười viên ngọc, bốn miếng vàng.), ngọc hoa kết thành dải, xâu bằng chỉ đỏ thắt nút, váy, giày và tất.

Áo trong: Màu đỏ, trước ngực thêu hoa văn vàng rồng, đính ngọc trang trí.

Hà bí: Quàng song song bên người, buông xuống trước ngực, có móc cài giữ. Màu xanh sẫm, thêu hoa văn rồng vàng, mây tía, viền ngọc. Đằng sau có mảnh vải hình tam giác giữ hà bí cố định.



Mũ phượng: Thường phục trong tranh được đội "Lục long tam phượng quan" (sáu rồng, ba phượng). Từ trước ra sau là hoa mẫu đơn bằng ngọc, có lá nhỏ bằng ngọc phi thủy. Mỗi bên là ba lá mấn, trên có thêu rồng vàng ngân ngọc, đính trên châu rủ xuống.

Áo ngoài: Màu vàng, hai cổ áo may đứng, ở giữa có ba cúc áo. Vạt sau dài hơn vạt trước, khi đi thì được gấp lên, giữ bằng hai cúc áo được giấu kín, khi quỳ lại mở ra.

Váy: Màu đỏ, viền xanh lục, thêu vân chim rồng vờn mây.

Bỉ Giáp

Cổ vuông, hai tà bằng nhau. Trước ngực và lưng thêu hình rồng, hoa văn như ý bên mép biên, hoa văn mây “tốt lành” lấp đi những chỗ trống, phía dưới có thêu thêm sóng biển và rồng con. Áo trong màu vàng thêu hoa, đều dùng cúc áo màu có vàng.

Mũ bằng sa đen còn gọi là tông mạo, nhọn đầu, kết hợp với búi tóc (tiêu dịch), phía trên có thể cắm thêm thoa, trâm cài.



Phục sức

凤冠霞帔 – fèng guān xiá pèi hay “Phượng quan hà bí” là một dạng thức phục sức cực kì quan trọng của phụ nữ dưới thời phong kiến, nhất là khi người Hán còn làm chủ nhân Trung Quốc.

Phượng Quan

Phượng Quan (Mũ phượng) : Là loại lễ quan - mũ đội trong dịp lễ tiết trang trọng mà phụ nữ cổ đại đội. Tại hai triều Minh Thanh, có một loại mũ gọi là Thái Quan của phụ nữ cũng được gọi là Phượng Quan, phần lớn được dùng trong hôn lễ. Tại triều Minh, mũ phượng là loại lễ quan mà Hoàng Hậu đôi khi thụ sắc phong, tế lễ tông miếu, tham dự triều hội. Hình dáng và quy chế của nó được kế thừa từ Phượng Quan thời Tống và phát triển càng hoàn thiện, càng xinh đẹp hơn. Các phụ nữ quý tộc cổ đại cũng hay lấy hình tượng Phượng Hoàng làm vật trang sức trên mũ, trâm cài...



Chiếc mũ phượng “Tam long nhị phượng quan”

Mũ Phượng được gọi tên như vậy là vì trên mũ lấy hình ảnh chim Phượng Hoàng để trang sức. Phượng Hoàng là loài chim đứng đầu của các loài chim (Vạn điều chi vương) cho nên chỉ có Hoàng hậu, Công chúa hoặc mệnh phụ mới có thể đội nó (theo quy chế khác nhau). Họ cũng chỉ đội Phượng Quan ở những dịp lễ tiết long trọng hoặc lễ mừng như Hôn lễ, còn bình dân thì không được đội Phượng Quan. Theo quy chế thời Minh thì trên Mũ (trong lễ phục của Hoàng Hậu) có “Cửu Long Tứ phượng”. Khi khai quật Định Lăng của Minh Thần Tông phát hiện 4 chiếc mũ phượng lại có cấu tạo không giống nhau về số lượng long phượng. Đó lần lượt là “Thập nhị long cửu phượng quan”, “Cửu long cửu phượng quan” “Lục long tam phượng quan” và “Tam long nhị phượng quan”.

Chiếc mũ phượng
“Lục long tam phượng quan”



Hiếu Ý Trang hoàng hậu (孝懿莊皇后),
 Trên đầu đội "Thập nhị Long cửu phương quan"



Hình ảnh phục
dùng một phụ nữ
quý tộc thời Minh
đang quàng Hà Bí

Hà bí

Hà Bí (Khăn quàng vai): Là một loại phục sức khoác trên vai của người cổ đại. Nó giống như một chiếc áo khoác đặc biệt chỉ có duy nhất phần cổ áo rất lớn và vạt giữa cân xứng hai bên. Từ thời Tống trở về sau, nó trở thành một bộ phận trong trang phục mệnh phụ (Mệnh Phục); tùy theo phẩm cấp cao thấp ra sao thì Hà Bí có sự khác nhau về màu sắc và hoa văn. Thời Minh có quy định cực kì chi tiết về cấu tạo của Hà Bí; từ nhất phẩm cho đến cửu phẩm có sự khác biệt rõ rệt.



Mình họa một chiếc Hà Bí
của mệnh phụ



Mình họa mặt cắt phía
trước của chiếc Hà Bí dành
cho Hoàng Hậu nhà Minh



Chiêu Hiến Đỗ Thái Hậu
(昭憲杜太后) - bà mặc
thường phục với Hà bí màu
xanh thêu phượng đặc trưng.



Nhà Thanh dưới sự thống trị của người Mãn Châu, Hán phục biến mất thay vào đó là Mãn phục với tay áo ngắn và hẹp, thân áo thường hình chữ nhật và khá thanh mảnh. Cổ áo hình yếm ngựa, không có thắt lưng. Nút được đặt trên mặt trước, bên phải là trang trí.

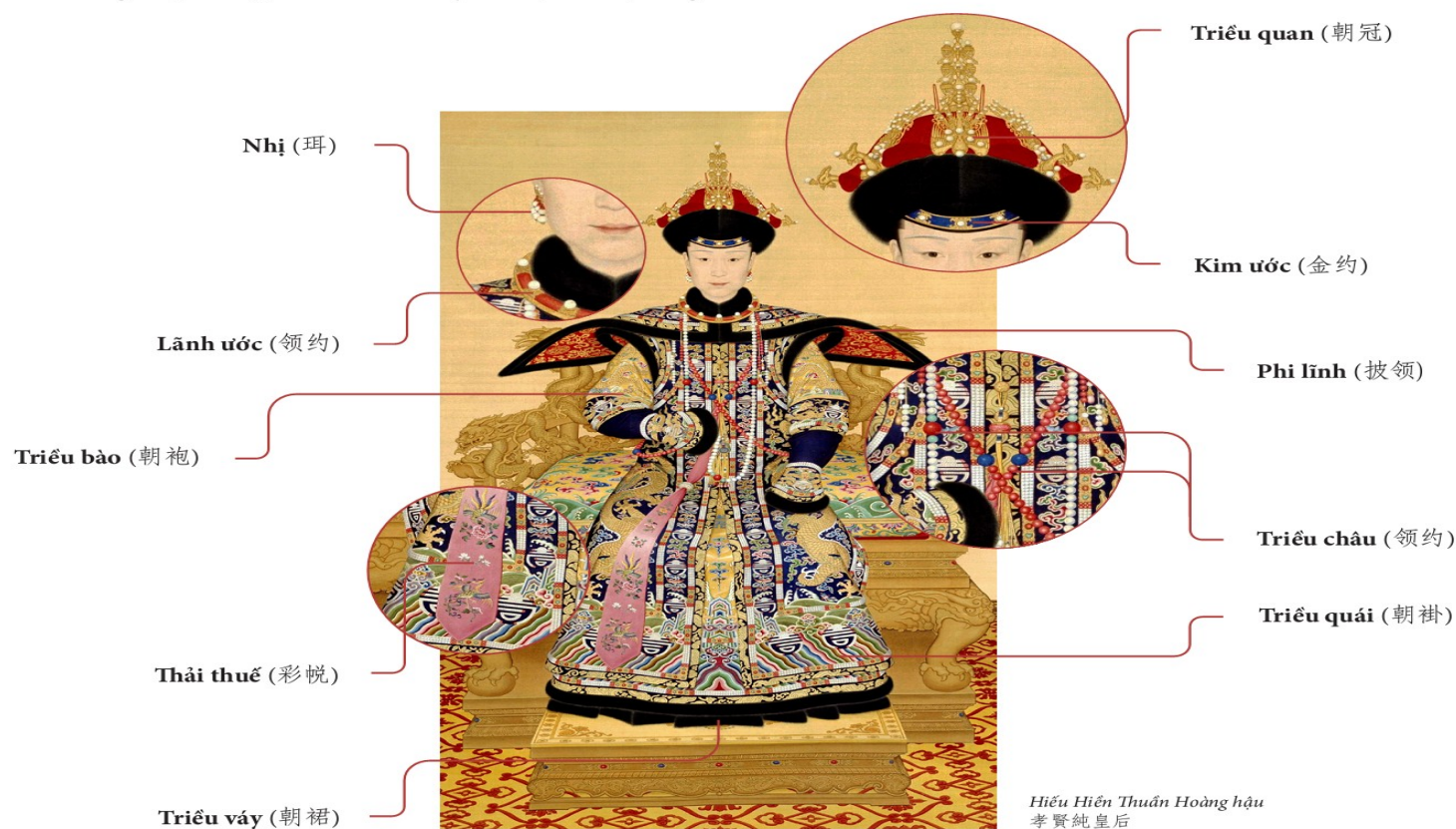
Trang phục

Với một nữ nhân trong hậu cung, về cơ bản có 3 loại phục trang được mặc. Thứ nhất “Triều phục”, thứ 2 “Cát phục”, và thứ 3 là “Thường phục”. Thường phục là loại mặc thường ngày, không có quy định cụ thể. Nhưng với Triều phục và Cát phục thì luôn cần phải chuẩn chỉnh, bởi điều đó thể hiện vinh hiển của Đại Thanh. Và dù là trang phục nào thì cũng là yếu tố thể hiện địa vị, nên sẽ có sự khác biệt nhất định với từng người.

Thư phi Diệp Hách Na Lạc Thị (舒妃) - Họa sư cung đình Lang Thế Ninh (郎世宁)

Triều phục

Đối với một hậu phi nhà Thanh, trang phục vào dịp sắc phong hoặc đại lễ luôn được yêu cầu, không chỉ thể hiện vinh quang của nhà Thanh, mà còn thể hiện địa vị của vị phi tần đó. Theo quy định bộ triều phục của một hậu phi thời nhà Thanh là tương đối phức tạp, với ít nhất là 10 yếu tố tạo thành, bao gồm:





Triều quan (朝冠): là một dạng mũ dùng cho Triều phục, ở giữa có một vật trang trí có tầng Kim phượng, xung quanh còn gắn một vòng những con Kim phượng và một con Kim địch ở sau gáy mũ. Mặt sau của Triều quan, ở dưới đuôi Kim địch có gắn chuỗi Rũ châu làm trang sức. Phía sau của Triều quan có 1 tấm Hộ Lân - nguyên liệu dùng giống vành Triều quan rũ xuống phía dưới. Có hai loại Triều quan, 1 cho mùa hè còn một cho mùa đông. Tùy Theo cấp bậc mà Triều quan của từng cấp bậc sẽ khác nhau về hình thức và kiểu dáng.



Lãnh ước (领约): là cái kiềng bằng lụa ty vàng đeo trên cổ Triều quái, bên trên có đính trân châu, mã não tùy theo cấp bậc, thời tiết mà có sự thay đổi để phù hợp lễ nghi và quy tắc.

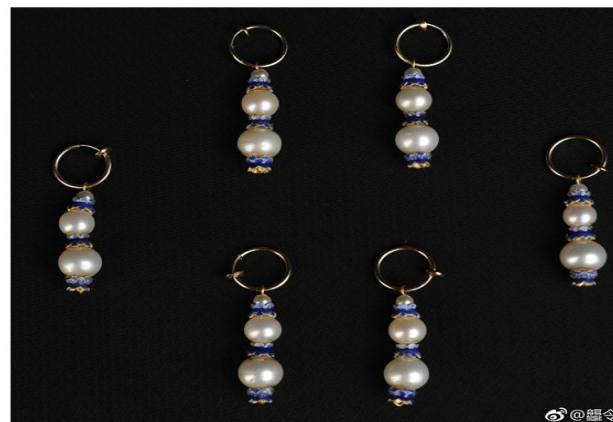


Triều châu (领约): một bộ dây ngọc khoác bên ngoài Triều quái, thành phần gồm 3 bộ, trong đó có 1 chuỗi dây bằng đá và 2 chuỗi san hô (màu đỏ), dây cột có màu. Hoàng hậu và Phi tần dựa theo chất liệu của Triều châu cùng màu của dây cột mà phân định.





Thải thuế (彩帨): dây rũ bằng vải trước ngực của các bộ Triều quái. Thải thuế của Hoàng hậu, Hoàng quý phi thường có màu xanh biếc, thêu Ngũ cốc được mùa, dây cột màu Minh hoàng. Quý phi, dây cột màu Kim hoàng, còn lại như Hoàng quý phi. Phi, thêu hình Vân chi thủy bảo, còn lại như Quý phi. Tấn không thêu hoa văn, còn lại như của Phi.



Nhị (珥): tức là trang sức đeo ở lỗ tai, theo truyền thống người Mãn, hậu phi đều xỏ 3 lỗ ở tai và đeo 3 viên trang sức hoa tai vào khi mặc Triều phục. Theo quy chế, hình hoa tai của tấn phi đều có hình rồng làm bằng vàng, ngoài ra còn sức trâm châu mỗi bông 2 viên, tuy nhiên chất lượng trâm châu tùy cấp bậc mà khác biệt.



Kim ước (金约): dây đeo trên trán, để giữ Triều quan.



Triêu quái (朝褂): là một loại áo khoác mặc bên ngoài Triêu bào ở dưới Phi lĩnh. Theo “Khâm định Đại Thanh hội điển sự lệ” ghi lại thì: “Sắc dùng thanh, trường vạt vô mệ, dệt kim long văn, dệt kim lụa hoặc dệt kim lụa nạm biên”. Triêu quái không có tay áo, cân vạt và dài. Loại áo này có cơ bản 4 thể, loại đầu tiên có thể thấy trên tranh vẽ Hiếu Kính Hiến hoàng hậu của Ung Chính Đế và một số tranh hậu phi đời trước, đều cùng một loại mẫu để vẽ. Thể thức này tay áo màu lam, vạt áo xẻ tà đằng trước, viền áo nạm kim, trước ngực là một hình rồng chính long, vạt áo có 2 hành long (*), phía dưới vạt áo có thể thức bát bảo bình thủy. Có thể tạm xem đây là thể thức thời Khang-Ung thường dùng, vì bức họa các vị Hoàng hậu trở ra trước đều như vậy.



Triêu bào (朝袍): là áo mặc chính trong bộ lễ phục của hậu phi. Bộ triều phục gồm hai yếu tố quan trọng là: Mã đề tỵ (马蹄袖; ống tay hình móng ngựa) cùng Phi lĩnh (披领; loại cổ giả khoác lên vai, còn gọi “Khoát lĩnh”), sau đó còn có cổ áo tròn (viên lĩnh), tay áo hẹp nách rộng có viền, hai sườn mở vạt, có hoa văn rồng, đều lấy hình thức cửu long. Hoàng thái hậu, Hoàng hậu và Hoàng quý phi đều dùng Triêu bào màu “Mình hoàng sắc” (明黄色)



Triều váy (朝裙): có hai loại, một là có áo hai là không dựa theo hiện vật thật. Triều váy của phi tần rất ít khi sử dụng, chỉ ở trọng các đại lễ, nghi lễ mới sử dụng, ví dụ như: Đông chí, Nguyên Đán, vạn thọ, sắc phong,... và duy nhất lễ hiến tế tẩm đàn của Hoàng hậu chủ trì. Hoàng Hậu triều váy, mùa Đông dùng phiến kim thêm hải long duyên, trên dùng hồng dệt kim thọ tự lụa, xuống dùng xanh đá hành long trang lụa, toàn dùng chính phúc, có bích tích. Mùa hè, triều váy dùng phiến kim duyên. Từ Hoàng hậu đến tần đều có quy chế như nhau.

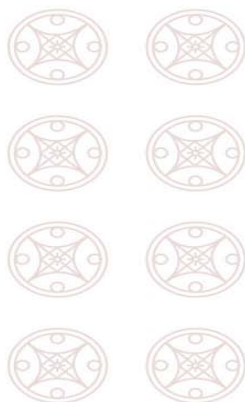


Triều ủng (朝靴): giày có màu minh hoàng hoa văn rồng, đính trân châu.



Cát phục

Khác với Triều phục phải dịp trọng đại vinh hiển mới được mặc, còn thì những việc hỉ hay cần trang trọng một chút, các hậu phi đều mặc một thứ phục sức gọi là **Cát phục** (吉服). Trong các triều đại Trung Quốc, chỉ có nhà Thanh là chính thức quy định loại phục sức này, dù trước đó nhà Minh đã hình thành khái niệm này. Loại phục sức này cơ bản giống loại tiếp theo gọi là Thường phục, nhưng hoa văn trang sức mỹ lệ, nên còn gọi là **Thải phục** (彩服) hay **Hoa y** (花衣). Một bộ Cát phục bao gồm: **Long quái** (龙褂) mặc ngoài và **Long bào** (龙袍) mặc bên trong:



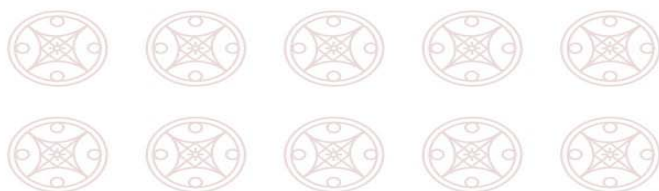
Long quái (龙褂): là áo mặc ngoài Long Bào, có xẻ vạt, thân áo dài, ống tay tương đối dài, đều có màu xanh đen (tức là Thạch Lam sắc). Long quái của Hậu phi chỉ xẻ đằng sau, trong khi của Đế vương là xẻ cả phía trước và sau.



Long bào (龙袍): mặc bên trong, cũng là áo chính của bộ Cát phục. Áo cổ tròn, ống tay áo dạng Mã đề tự, xẻ vạt trái phải, thân áo dài, viền cổ áo có hoa văn. Có thể chỉ cần mặc Long bào, không cần khoác Long quái. Có thể thấy, cụm từ “Long bào” cũng được dùng với Cát phục của các nữ nhân chứ không chỉ Hoàng thượng. Nhưng tất nhiên, màu sắc phải khác nhau, tùy theo địa vị. Thái hậu, Hoàng hậu và Hoàng quý phi có Long bào màu “l minh hoàng”. Kể đến tước vị Quý phi và Phi dùng màu “kim hoàng”, còn Tần thì dùng màu Hương (màu có tone nâu đất, trầm ấm). Với Long quái, tùy vào địa vị mà hoa văn sẽ có khác biệt. Long quái có thêu rồng vàng năm móng (Ngũ trảo kim long) được dành cho Hoàng hậu, Hoàng quý phi, quý phi và phi. Riêng tước vị Tần, phần vạt áo phải theo Quý ong – hình rồng lượn trong 1 hình tròn nhưng không quay về phía chính diện).



Bức tranh "Vạn quốc lai triều đồ" (万国朝图)
 vẽ hậu phi của Càn Long Đế. Trên người đang mặc
 "Cát phục" có phần Long quái bên ngoài.





Tắc Yến Tứ Sự Đồ (塞宴四事图) - trong tranh là
Lệnh Ý Hoàng quý phi của Càn Long để, đang
mặc Long bào nhưng không khoác Long quái.

Phục sức nhà Thanh

Không chỉ quần áo trang phục, mà các phụ kiện cũng là yếu tố thể hiện địa vị của người đeo một cách rõ ràng. Hơn nữa, một số phụ kiện được yêu cầu có mặt trên Triều phục, nên hiển nhiên phải thực hiện theo quy định.



Hộ giáp

Hộ chỉ, hay còn có tên đầy đủ là Hộ chỉ sáo 指甲套 (hộ = bảo vệ, chỉ = ngón tay, sáo = bao bọc, bao lại, vật gói lại, bao lại). Nó còn có các tên khác là hộ giáp (đồ vật bảo vệ móng tay). Hộ chỉ là một loại phụ kiện trang sức đeo trên ngón tay nữ giới. Nó đã xuất hiện từ thời Minh nhưng phải đến thời Thanh mới thực sự thịnh hành và trở nên phổ biến. Quý tộc triều Thanh, cả nam lẫn nữ thường đều có thói quen để móng tay dài, trong đó nữ giới để dài hơn cả. Hộ chỉ chính là thứ đồ hữu hiệu để bảo vệ móng tay, kiêm luôn trang sức trang trí trên bàn tay. Thường thì Hộ chỉ được làm từ kim loại hoặc đồng, đặc biệt có xuất hiện họa tiết bằng ngọc. Nhìn vào các hiện vật thật còn để lại thì đa số chúng được làm bằng kim loại như vàng, bạc, đồng, bạc mạ vàng...; có thể chạm rồng hoặc không. Hộ chỉ thường được khảm nạm rất nhiều châu ngọc hoặc Điểm Thủy để trang trí và tăng giá trị của chúng.





Một bức tranh vẽ Từ Hi Thái hậu
đeo hộ giáp vàng ở hai bàn tay.



Kì hài

Kì hài, hay còn được biết đến với cái tên “Hoa bốn đế”, có gót ở chính giữa, đế và gót giày làm bằng gỗ bọc vải lụa. Phụ nữ quý tộc thường thích thêu hoa hay đính đá quý quanh đế giày làm trang sức. Để đi được đôi Kì hài một cách thuần thục và có dáng đi đẹp mắt, người đi cần có sự rèn luyện dài lâu: thắt lưng và cổ cần phải thẳng, hai tay dùng đưa vừa phải, không thể đi nhanh, rất cần người đỡ để tránh bị ngã. Nói chung, đi đôi Kì hài khá bất tiện nếu không quen, nhưng nó lại khiến cho người đi có dáng vẻ khoan thai, uyển chuyển đẹp mắt, hiệu quả gần giống như phụ nữ ngày nay đi giày cao gót vậy.

Kì hài chia làm 2 loại là “bình đế” (đế bằng) và “cao đế” (đế cao):

Bình đế thường có mũi vuông, đế giày bằng phẳng và to rộng, lại chia làm 2 loại nhỏ là Miên và Kép.

Cao đế dựa vào hình dáng đế hài chia làm: Mã đế hài- vó ngựa; bốn hoa hài; nguyên bảo hài- đế giày hình như nén bạc nguyên bảo. (xem minh họa một số kiểu đế giày cuối bài.)

Kì hài cao từ 10-25 cm, những đôi giày này thường cao khoảng 10-13 cm, những đôi giày gót cao hơn thường là các cô gái trẻ hoặc người có thân phận đặc biệt cao quý đi.



Hoa bốn đế (cao đế)



Hoa bốn đế (bình đế)



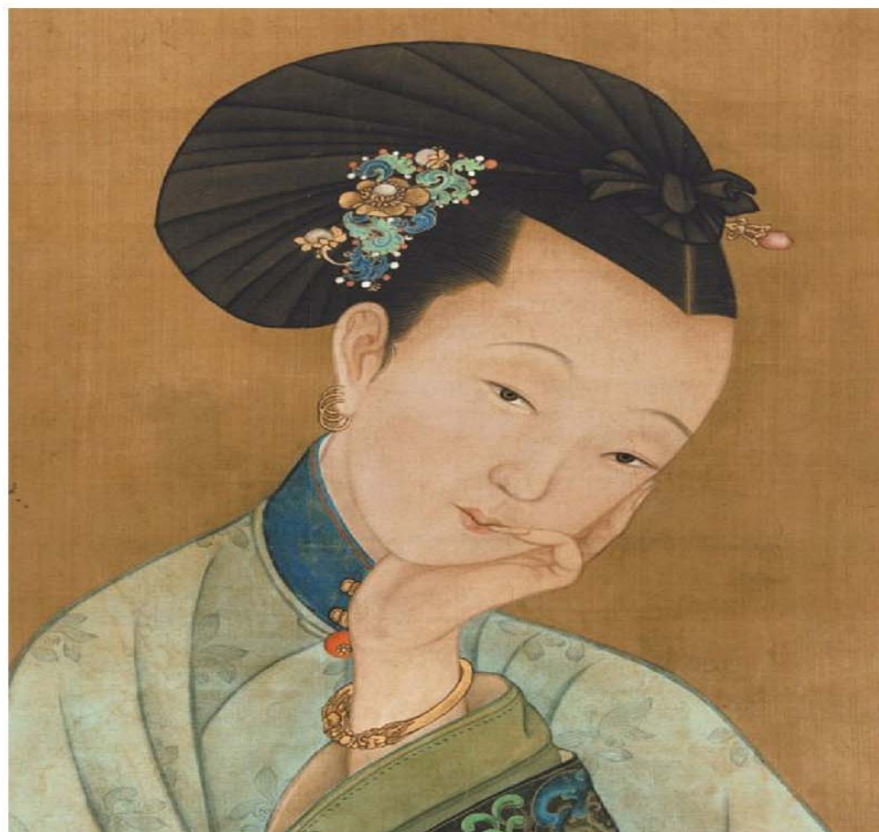
Hình chụp một thiếu nữ quý tộc Mãn
Thanh mang đôi “bốn hoa hài”.

Bàn phát

Thời kì đầu của nhà Thanh, khi người Mãn mới đánh bại nhà Minh và tiến vào làm chủ Trung Quốc đến thời kì Hoàng đế Ung Chính, kiểu tóc của phụ nữ Mãn Châu còn rất đơn giản. Từ quý tộc cho đến bình dân, đều bện và búi gọn tóc trên đỉnh đầu, cơ động và gọn gàng; nhất là phù hợp với đời sống du mục săn bắn trên thảo nguyên của tổ tiên họ. Thời điểm đó, phụ nữ Mãn Châu cưỡi ngựa rất giỏi, vì phương tiện đi lại chủ yếu trên thảo nguyên chính là ngựa, dù là đi săn hay hái lượm hoặc trao đổi đồ vật đều dùng ngựa di chuyển là chính.

Cụ thể thì “Bàn Phát” và “Khăn Trùm” là hai khái niệm khác nhau. “Bàn Phát” là chỉ một kiểu tóc của phụ nữ Bát Kỳ, Khăn Trùm lại là một loại vật trang sức. Khi “Bàn Phát” xong lại dùng “Khăn Trùm” thì sẽ thành kiểu tóc “Bàn phát trùm khăn”.

Từ thời hoàng đế Ung Chính về sau, lấy kiểu tóc “Bàn phát trùm khăn” làm cơ sở, vì để cho phụ nữ có thể cài càng nhiều trang sức hơn, người ta mới phát triển và cho ra đời một loại vật trang sức mà chỉ người Mãn mới có, đó chính là “Điển tử”. Cho nên, có thể nói, kiểu tóc “Bàn phát trùm khăn” chính là tiền đề để sinh ra Điển tử và Điển Tử đầu.



Tranh vẽ một phụ nữ Bát Kỳ ở thời kì đầu nhà Thanh, đang dùng kiểu tóc “Bàn phát trùm khăn”

Điền tử

“Điền Tử đầu” thực chất là một kiểu búi tóc gọn gàng, có thể có Yến Vĩ hoặc không, sau đó đội thêm một cái mũ đặc biệt gọi là “Điền Tử”, có thể cài trâm xuyên qua mũ cho chắc chắn. Nếu thích có thể tiếp tục cài thêm trâm hoa từ ngoài mũ xuyên vào búi tóc trong mũ để trang điểm.

Điền Tử thường có khung làm từ tre, trúc, đồng hoặc dây tơ lụa đan thành. Đỉnh mũ phía sau sẽ may từ tơ lụa. Mặt trên của Điền Tử cùng sau mũ sẽ được gắn các khối trang sức tinh xảo gọi là Hoa Điền. Điền Tử sẽ được phân loại theo hình dáng, cấu tạo của nó như: Mãn Điền, Bán Điền, Hoa Điền, Phượng Điền...

Điền Tử sẽ được mặc với cát phục trong các ngày lễ hội, việc vui mừng hoặc với thường phục cũng được nhưng trang sức sẽ đơn giản đi.

Một kiểu “Điền tử” có thật được sử dụng kết hợp với “Cát phục”, “Triều châu” trong bộ phim “Hậu cung Như Ý truyện”



Ảnh chụp phía sau của một phụ nữ chải Giá Tử Đầu khá cao và Yến Vĩ bằng tóc thật của mình.



Giá Tử đầu

Thời gian mà “Giá Tử đầu” xuất hiện hẳn là từ thời Hoàng đế Đạo Quang, nó được phát triển từ “Hai thanh đầu” mà thành. Lý do gọi là “Giá Tử đầu” là vì để chải được kiểu tóc này người ta cần một cái giá để đỡ và tạo kiểu tóc. Đôi khi, vẫn thấy có tài liệu gọi nó là “Hai thanh đầu” vì nhìn chung phương pháp búi và tạo kiểu của nó chỉ khác “Hai thanh đầu” một chút xíu. Để chải được kiểu tóc Giá Tử đầu thì cần chải tóc lên cao, buộc chặt, sau đó chia 2 và buộc tóc làm 2 bó ở hai bên. Đặt cái giá đỡ tóc vào giữa búi tóc và chải hai dải tóc này vắt qua Biển Phương cùng giá tóc để tạo kiểu, hai bên đuôi tóc thừa ra sẽ quấn quanh để giá và dùng tiều trâm ghim chặt lại. Với kiểu tóc này thì phụ nữ Mãn có thể mang thêm rất nhiều trang sức tóc. Càng về sau, “Giá Tử đầu” sẽ phát triển theo hướng càng ngày càng cao và lớn hơn. Lúc này sẽ cần nhiều tóc giả hơn để lấp đầy mặt giá đỡ nếu tóc thật không đủ.



Ảnh chụp phía trước của một phụ nữ Mãn Thanh chải Giá Tử Đầu.

Đại lập sí

Kiểu tóc này đến tận những năm tháng cuối cùng của vương triều Mãn Thanh mới xuất hiện. Tương truyền kiểu tóc này là do Từ Hi Thái Hậu phát minh ra. Túc này bà đã già, tóc rụng và thưa đi nhiều, không thể chải được kiểu đầu “Giá Tử đầu” với tóc thật nữa, cũng không muốn dùng tóc giả nặng nề, vì vậy “Tiêu Lưu cánh” đã được ra đời và trở thành kiểu tóc yêu thích của phụ nữ Mãn Thanh lúc bấy giờ.



Từ Hi thái hậu năm 1890



Tiêu Lưu cánh còn gọi là “Đại Kinh dạng”, “Đại lập sí”, “Đạt kéo cánh”, “Kì bản nhi”... tùy từng địa phương. Tiêu Lưu cánh mặt trên không cần tóc; hoàn toàn lấy tơ lụa màu xanh đen hoặc màu đen cùng một giá đỡ (tương tự như giá đỡ tóc của “Giá Tử đầu”) để làm thành một vật trang sức có hình dáng tương đối giống như khi chải tóc kiểu “Giá Tử đầu”. Vì vậy, người Bắc Kinh lúc đó vẫn gọi “Tiêu Lưu cánh” là “Hai Thanh đầu”. Khi muốn dùng chỉ cần búi tóc tròn trên đỉnh đầu làm chân giá đỡ, đặt Tiêu Lưu cánh lên trên và dùng trâm cài cố định chắc, sau đầu có thể chải Yến Vĩ nếu thích. Khi không dùng thì tháo ra và cất nó như một chiếc mũ. Kiểu trang điểm này ngay lập tức được lưu hành rộng rãi trong giới quý tộc và phụ nữ Mãn Châu vì nó thực sự tiện dụng, tiết kiệm thời gian so với chải “Giá Tử đầu” lại có thể mang được càng nhiều trang sức (gắn trực tiếp lên bề mặt của Tiêu Lưu cánh). Nhất là với sự ảnh hưởng của Từ Hi Thái Hậu lúc đó nên Tiêu Lưu cánh đã trở thành một trào lưu thời trang lan rộng khắp.

Việt Nam





Nước Việt ta đã trải qua vô số thời kỳ lịch sử gắn với các giai đoạn phát triển cụ thể về bản sắc văn hóa, phong tục tập quán đặc biệt trang phục của người Việt trong từng giai đoạn đã tạo nên những dấu ấn rất riêng, đặc biệt là trang phục của người phụ nữ.

Y phục Việt Nam xưa

Tuỳ vào tầng lớp và địa vị mà y phục của người Việt xưa có thể đơn giản, tiện dụng, hoặc cầu kỳ, phức tạp. Song về căn bản, đa số có những phần sau:

Yếm

Là tên gọi nội y thượng thể của nữ giới thời xưa. Tên gọi này đã có từ triều Nguyễn, nhưng chưa rõ xuất hiện từ bao giờ và các triều đại trước có dùng từ này để chỉ nội y phụ nữ không. Yếm thời Nguyễn là một mảnh vải hình thoi, ôm kín lấy phần thân trước của các cô gái, hai bên có hai dải lưng, được cuộn mấy vòng quanh eo rồi buộc lại phía trước, thả buông thông. Yếm xưa có cổ rất cao và ôm rất kín, không để lộ xương cổ và hai bên eo như một số kiểu yếm ngày nay, khi khoác áo vào thì không lộ vai. Cổ yếm có 2 loại phổ biến: Cổ nhọn và cổ xây. Cổ nhọn còn được gọi là cổ xẻ, có dạng chữ V, ở viền còn có khâu nổi 3 gạch như vết chân chim, vừa để yếm không bị bụi rách, vừa để trang trí. Cổ xây là cổ tròn. Chưa có nhiều tư liệu để rõ về nội y phụ nữ các thời tiền Nguyễn, nhưng có thể cũng là một dạng áo có cổ tròn như thấy trên các tượng thời Lê.

Áo trung đơn

Với nữ giới đây có thể là lớp áo mặc ngoài yếm. Với nam giới, đây có thể là lớp áo trong cùng. Áo trung đơn từ triều Lê về trước thường là dạng giao lĩnh, nhưng cũng có thể là đoàn lĩnh (cổ tròn). Áo trung đơn triều Nguyễn thường là dạng thụ lĩnh (cổ đứng). Khác với áo ngoài, áo trung đơn chỉ được may bằng 1 lớp vải (gọi là “đơn”).





Các lớp bên trong của áo nữ quan - Hình ảnh trong sách "Dệt nên triều đại"

Quái, bào

Quái và bào là từ dùng gọi những chiếc áo mặc ngoài. Dạng cao sang (thường rộng và dài) thì được gọi là bào, dạng kém cao sang thì được gọi là quái. Tại Việt Nam và Trung Quốc, quái và bào thường được may bằng hai lớp vải chập vào nhau, nên mặt trong và mặt ngoài thường có màu khác nhau. Quái và bào có thể là dạng giao lĩnh, đoàn lĩnh, hoặc thụ lĩnh, tùy theo tầng lớp và thời đại. Thỉnh thoảng người ta còn khoác thêm một chiếc áo tứ thân bên ngoài quái và bào. (Những chiếc áo tứ thân này có thể được gọi là đối khâm, bối tử, phi phong, hoặc nhật bình).



Áo giao lĩnh tay chèn quần thường - Vietnam Centre

Quần/ Bí/ Váy

Những từ trên đều được dùng để chỉ hạ y dạng tròn, không đáy. Từ "váy" rất có thể là dạng Nôm hoá của bí (帔). Đây là lớp hạ y bên trong của nữ giới xưa, được buộc bằng dải gút. Nam giới thì mặc hạ y hai ống (trong tiếng Hán gọi là 褲 "khố"). Vào thời Nguyễn, cả nam lẫn nữ đều mặc hạ y hai ống. Chữ "quần" từ đây không còn được dùng để chỉ thứ hạ y không đáy nữa.

Thường

Thường là chiếc váy quần ngoài y phục xưa. Cả nam giới lẫn nữ giới đều dùng. Điểm khác biệt giữa thường (裳) và váy (còn gọi là 帔 bí, 裙 quần) là váy được may kín còn thường thì không. Nữ giới xưa mặc váy ở trong, sau đó quần thường bên ngoài. Nam giới thì mặc hạ y hai ống ở trong rồi quần thường bên ngoài. Ở các dạng áo vạt ngắn, thường (裳) được quần ngoài áo. Ở các dạng áo vạt dài, thường (裳) được quần dưới áo. Lưu ý: ở nhiều thời đại, thường (裳) và quần (裙) không phân biệt. Quần đôi khi cũng được dùng để chỉ loại váy quần như thường. Ngược lại loại váy đụp của phụ nữ Bắc bộ thời Nguyễn cũng được gọi là viên thường.

Phục trang THỜI LÝ

Triều đại nhà Lý (1009 – 1225), kinh đô từ Hoa Lư dời về thành Đại La và gọi là Thăng Long. Năm 1054, đặt tên nước là Đại Việt.



Tranh minh họa người Việt năm 1368-1644 trong "Boxer Codex"

Xét riêng diện trang phục người Việt sống trong đô thành, Chu Khứ Phi cho biết :
 “Người nước ấy áo thâm, răng đen, búi tóc chuy kể, đi đất, sang hèn đều như vậy. Vua ngày thường cũng vậy, song cài trâm vàng, trên mặc áo Sam vàng, dưới mặc thường tía. Những người còn lại, ngày thường trên thì vận áo Sam đen cổ tròn bó sát bốn vạt như áo Bối tử, gọi là áo Tứ Điền, dưới thì vận thường đen. Hoặc có kẻ cài trâm sắt, có kẻ đi dép da, tya cầm quạt lông hạc, đầu đội nón hình ốc [...] Đàn bà trắng trẻo, khác hẳn đàn ông. Thường đen là phục sức quây bên ngoài của đàn ông.” Mã Đoan Lâm tham khảo ghi chép của Chu Khứ Phi, đồng thời chú thích: “Những người còn lại đều mặc áo cổ tròn bốn vạt, áo Sam đen không thắt lưng, dưới áo Sam thắt thường đen, cài trâm bạc hoặc sắt, đi dép da, cầm quạt lông hạc, đội nón ốc. Dép da, dùng da làm đế, gia thêm trụ nhỏ, lấy ngón chân kẹp lại mà đi. Quạt, tết từ lông chim hạc, để tránh rắn. Nón ốc, trông tinh xảo nhất. Phụ nữ nhiều người trắng trẻo, khác hẳn đàn ông, thích mặc áo trực lĩnh màu lục thụng tay, đều thắt bằng thường đen.”

Việc thường xuyên mang theo quạt có thể coi là một trong những đặc điểm nổi bật của người Việt trải từ thời Lý đến Nguyễn. Như năm 1621, Cristophoro Borri cũng miêu tả người Việt Đàng trong: “Cả đàn ông đàn bà đều ưa cầm quạt rất giống như ở châu Âu. Họ cầm là cầm lấy lệ thôi.”

Đối với trang phục của nữ giới, qua miêu tả của Mã Đoan Lâm, phụ nữ Đại Việt đều thích mặc áo trực lĩnh màu lục, thụng tay, đều thắt bằng váy đen. Khái niệm áo trực lĩnh thường được hiểu là áo giao lĩnh (cổ tròn). Thích danh định nghĩa: “Trực lĩnh, cổ áo chẻch thẳng xuống, giao nhau ở phía dưới.” Vào thời Lê, loại áo trực lĩnh hết sức phổ biến, áp dụng cho cả đàn ông và đàn bà. Năm 1744, nhà Lê sau khi đặt nha môn Trấn phủ ở Thuận Hóa liền xuống chỉ dụ buộc người xứ Đàng Trong phải thay đổi y phục, quay về tục lệ của miền Bắc, tờ dụ này viết: “Y phục bản quốc vốn có chế độ [...] Những loại quần áo kiểu người Khách thường mặc mà nay vẫn thấy nên đổi theo thể chế của nước nhà (chỉ tục nhà Lê, miền Bắc) [...] Đàn ông đàn bà dùng áo trực lĩnh ngắn tay (tay áo chấm đến cổ tay), ống tay rộng hẹp cho được tùy tiện.” Có điều, sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, một trong những lệnh cấm y phục thời Minh Mạng cũng bao gồm điều cấm áo giao lĩnh đối với phụ nữ.



Kết cấu trang phục phổ thông của phụ nữ Đại Việt thời Lý - Trần và đặc biệt là Lê Trung Hưng với áo giao lĩnh ở phía trên và quần thường (hay còn gọi là nhu quần) ở bên dưới.

Ngoài ra, chúng tôi tán đồng ý kiến của TS. Đoàn Thị Tình khi cho rằng dạng áo dài Tứ thân của phụ nữ Việt có nhiều nét tương đồng đối với áo Bối tử của phụ nữ nhà Tống, đồng thời cho rằng dạng áo Tứ thân đã được lưu hành và phổ biến vào thời kỳ này. Xét về kiểu áo, áo Bối tử và áo Tứ thân đều là loại áo xẻ tà hai bên sườn, có vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Áo Bối tử thịnh hành vào thời Tống, trên từ hoàng hậu phi tần, dưới tới ca kỹ, tỷ thiếp trong các buổi lễ tiếp, yến hội đều mặc. Loại áo Tứ thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng. Bên cạnh đó, qua các hình vẽ người Giao Chỉ trong Boxer Codex (niên đại 1590), có thể thấy trang phục váy, yếm kết hợp với chiếc áo cộc tương tự như trang phục phụ nữ Mường thời nay cũng là dạng trang phục phổ biến của phụ nữ Việt thời Lê, thậm chí có thể truy tới thời Lý Trần.

Thời Lý Trần, áo cổ tròn là kiểu áo phổ biến của cả đàn ông và đàn bà. Đàn bà chuộng mặc áo giao lĩnh cổ lớn. Thời kỳ này, áo tứ thân được may bằng 4 khổ vải, hai vạt song song buông dài xuống phía trước đã xuất hiện, đây cũng là một trong những kiểu áo phổ biến của phụ nữ VN được kế thừa qua suốt thời Trần, Lê. Bước sang thời Lê, kiểu áo chung của đàn ông và đàn bà là áo giao lĩnh (cổ áo vạt chéo, còn gọi là áo tràng vạt). Đàn bà duy trì bộ trang phục yếm-váy, áo tứ thân. Từ khi chúa Nguyễn cát cứ phương Nam, nước Việt phân làm Đàng Trong và Đàng Ngoài, năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh thay đổi toàn bộ trang phục Đàng Trong. Tại thời điểm này, kiểu dáng áo dài cổ đứng cài khuy được phổ biến trong suốt thời Nguyễn về sau, loại áo này không ngừng thay đổi về độ dài rộng của ống tay, vạt áo, cổ áo, dần dần thay thế trang phục áo cổ tròn và áo giao lĩnh của các triều đại trước đây.

Tháng 8 năm 1499, vua Lê Hiến Tông xuống chiếu cấm “trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêu Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu”; năm 1696, 1717, 1727 nhà Lê liên tục cấm người trong nước không được mô phỏng trang phục, tiếng nói và đầu tóc của người Thanh, những người Thanh cư ngụ tại nước Việt nhất nhất tuân theo phong tục bản quốc, ai vi phạm sẽ bị trục xuất (Lịch triều tạp ký. Tr.143-145).

Tóm lại, một phần do sự bảo thủ của người Việt, một phần do quy định của triều đình mà lối ăn vận trong dân gian qua các triều đại không biến đổi nhiều. Chỉ đến thời Nguyễn, đặc biệt dưới thời vua Minh Mạng, người dân Việt Nam mới lần đầu tiên bị ép phải thay đổi trang phục thường ngày, bị cấm sử dụng các loại áo tứ thân, váy đụp, khăn vuông, khố v.v. bất kể nam nữ nhất nhất đều phải mặc áo dài năm thân cài khuy. Tuy nhiên ngoài chiếc áo dài năm thân được đặt định năm 1744 mà đến thời Nguyễn trở thành quốc phục - tiền thân của chiếc áo dài như ta thấy ngày nay - các loại áo cổ tròn, tràng vạt, tứ thân còn hiện diện đến đầu thế kỷ XX đều là những dạng thức trang phục dân gian lưu hành phổ biến qua các thời kỳ trước đó.

Kiểu tóc



Người Việt có câu tục ngữ “Cái răng cái tóc là góc con người” thể hiện sự coi trọng rằng tóc như phần diện mạo trực tiếp biểu hiện nhân cách. Theo thẩm mỹ quan của người Việt xưa kia, mái tóc dài mượt, hàm răng đen nhánh mới được coi là đẹp. Tuy nhiên, khác với tính ổn định của tục nhuộm răng đen, kiểu tóc Việt trải qua nghìn năm đã có nhiều biến đổi, không phải thời nào cũng có mô típ đơn nhất “Đàn ông búi tóc, đàn bà vấn khăn” như ấn tượng chung của người Việt hiện đại về tổ tiên trong quá khứ. Qua khảo sát tư liệu hình ảnh và

văn tự tương quan, có thể thấy người Việt từ thời Lý đến Nguyễn đã từng để nhiều kiểu tóc khác nhau, song nhìn chung có bốn cách để tóc phổ biến, bao gồm: búi tóc chuy kể, cạo trọc, cắt tóc ngắn, xõa tóc dài. Trong đó, búi tóc chuy kể (búi tóc củ hành) là kiểu tóc thịnh hành vào thời Lý, và là kiểu tóc đơn nhất của nam giới Việt thời Nguyễn; tục cạo trọc đầu thường thấy ở thời Trần; mái tóc ngắn chấm vai phổ biến vào thời Trần và Lê sơ; tóc xõa dài được ưa chuộng vào thời Lê - Trịnh.



Chức cống đồ họa quyển (rộng 29,5 cm, dài 580 cm, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cổ cung Bắc Kinh) được vẽ bởi họa sĩ cung đình nhà Minh, Cừu Anh (1494? - 1552). Trong họa quyển này xuất hiện các đoàn công sứ của nước Tây Hạ, Đại Liêu, Tam Phật Tề... đều là các nước tồn tại vào thế kỷ XIII. Bức họa trên xuất hiện dòng chữ “An Nam hạ” (Nước An Nam mừng) trên lá cờ nên chúng tôi nghĩ rằng, đoàn công sứ này có thể là đoàn công sứ của nhà Lý. Cừu Anh có lẽ đã chép lại một bức tranh đã có từ trước đó. Cần lưu ý rằng, các nhân vật thể hiện trong bức họa này hầu hết đều vẫn khỏa.

(China: The Three Emperors 1662 – 1795).

Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, kiểu tóc chuy kế không phải kiểu tóc của riêng người Việt. Đây cũng là kiểu búi tóc chung của nhiều tộc người, trong đó có người Chân Lạp (6), Chiêm Thành v.v. Xét danh xưng chuy kế (7), “chuy” có nghĩa là cái vổ, phần lớn có đầu khá to hoặc hình tròn (8), “kế” là búi tóc. Nhân Sư Cổ giải thích chuy kế là “búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vổ”(1). Kiểu búi tóc này phần lớn được búi ở sau đầu, thậm chí dời xuống gáy. Trương Thăng trong Doanh nhai thẳng lâm tập (thế kỷ XV) miêu tả kiểu tóc của người Chăm “đàn ông đầu bù tóc rối, đàn bà búi tóc chuy kế ở phía sau, dùng lụa đỏ sẫm thắt quanh trán, sức thêm nhạc bằng vàng (3), đồng thời miêu tả người man ở vùng Tây Nam Trung Quốc “trai gái đều búi tóc chuy kế, dùng lụa đỏ thắt lại, ngã xuống phía sau”(4). Riêng búi tóc của nam giới thời Nguyễn, Mai Viên Đoàn Triển cho biết: “Đàn ông búi tóc ở sau đỉnh đầu, sau đó vấn khăn”(5)

Kết hợp những ghi chép trên đây với hình ảnh người đàn ông thối kèn trên cán muôi Đông Sơn, hình ảnh người phụ nữ trên trống đồng Động Xá, đầu tượng người men nâu sẫm thời Lý và hàng loạt tư liệu ảnh chụp người Việt Nam thời Nguyễn, có thể thấy búi tóc của người dân Việt hầu hết to cỡ nắm tay chéch sau đỉnh đầu, thậm chí dời xuống gần gáy. Búi tóc chuy kế vào thời Nguyễn được gọi là búi tóc củ hành, củ kiệu, hay đơn giản là búi tó. Vào thời Lý, ngoài búi tóc củ hành, người Việt còn cắt tóc ngắn hoặc xoa tóc. Đến thời Trần, thời Lê, những ai để tóc xoa dài khi nào cần thuận tiện lại búi một búi tóc ở sau đầu, như chúng ta có thể thấy ở hai pho tượng lính hầu thế kỷ XVIII tại lăng Đình Hương, tượng lính đồng đình Thổ Hà, Bắc Giang v.v. Tuy nhiên, vào thời Lê sơ, búi tóc chuy kế từng được coi là biểu hiện của sự lạc hậu, là phong tục của những sắc dân biên viễn. Thời Lý có lệnh cấm người dân mặc áo màu vàng (giai đoạn năm 1182), con gái trong dân gian không được bắt chước kiểu búi tóc như cung nhân. Người Việt thời Lý thường bỏ tóc dài và đội khăn quăn. Người trung niên và có tuổi búi tóc ở phía sau gọi là búi tóc củ hành, sau đó quăn khăn bao quanh ra ngoài nhiều vòng. Người lao động quăn khăn buộc đầu riu hoặc buộc lệch ở thái dương, cắt tóc ngắn, hoặc buông xoa hai vai hoặc quăn vòng quanh cổ. Có nhiều loại khăn quăn thời đó: khăn ngắn dài khoảng một thước ta (0,6m), quăn vòng từ sau gáy choàng qua búi tóc hoặc qua tóc tới trước trán phía trên chân tóc, rồi buộc thắt nút, để hai đuôi khăn vênh lên (kiểu quăn khăn đầu riu); khăn quăn dài là lối quăn khăn truyền thống của người Việt khi làm việc gì có tính trang trọng và chỉnh tề.

1. (Trung) Chân Lạp phong thổ ký. Tr.17. Nguyên văn: 男女皆[...]椎髻跣足 “trai gái đều búi tóc chuy kế, đi chân đất”
2. Chuy kế có ba cách viết: 椎結, 椎髻, 魑結 Trong đó 椎結, 魑結 đều là cách dùng giả tá. Cách viết chuẩn là 椎髻
3. Hiện đại Hán ngữ từ điển. Tr.217.
4. (Trung) Hán thư - Lý Lăng truyện. Nguyên văn: “Hai người đều mặc y phục của người Hồ, búi tóc chuy kế”. Nhân Sư Cổ chú thích: Kết (ở đây) đọc là Kế, búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vổ. Dẫn theo zdic.net mục từ chuy kế 椎髻
5. (Trung) Ký lục vịnh biển - Q.63 - Doanh nhai thẳng lâm tập - Chiêm Thành. Nguyên văn: 男蓬頭,女椎髻于後
6. (Trung) Cựu Đường thư - Chí đệ cửu - Âm nhạc nhị - Cao Ly nhạc. Nguyên văn: 舞者四人,椎髻於後,以絳抹額,飾以金璫
7. (Trung) Cựu Đường thư - Liệt truyện đệ nhất bách tứ thập thất - Nam man - Tây Nam man. Nguyên văn: 男女椎髻,以緋束之,後垂向下
8. (Việt) An Nam phong tục sách. Nguyên văn: 男子束髮於頂後,然後加巾

Phân biệt tầng lớp xã hội bằng... chất liệu

Váy phụ nữ Việt thời đó gồm 3 phần: cặp váy, gấu váy và thân váy. Loại váy dày thường dùng trong lễ phục thì buồng trùng tới mu bàn chân. Người giàu mặc váy bằng lụa linh, loại lụa dệt dày láng bóng. Tầng lớp quý tộc mặc áo dài năm thân bằng chất liệu cao cấp như: gấm, vóc, đoạn sa, thường mặc kép với một áo lót bằng lụa màu mỏng. Cũng có một số áo năm thân dùng trong giới quý tộc làm bằng các loại vóc, the, các sợi dệt trên vải dày hơn để khi mặc áo kép càng lộ rõ hoa văn của áo phía trong tạo sự duyên ẩn, không phô trương.

Áo năm thân của lớp bình dân thường là áo the đen mặc kép với áo vải quế màu trắng (áo lương). Áo tràng vạt dành cho nam giới vừa dài vừa rộng nên còn được gọi là áo thụng, đây là áo phổ biến triều Lý dùng cho các tăng nhân Phật giáo. Đặc điểm là tay áo dài quá cả bàn tay, độ thụng lớn tới hàng thước tấc. Áo này được dùng trong các nghi lễ tế thần ở đình chùa, lễ hội; áp thường màu nâu, đen, xanh chàm.

Cùng với những hoa văn, họa tiết trang trí trên trang phục, những hoa văn, họa tiết thời Lý ở các hiện vật khác không chỉ là yếu tố trang trí nghệ thuật mà còn có nhiều ý nghĩa tượng trưng. Qua đó ta thấy từ xa xưa, người Việt đã có chuẩn mực thời trang mang bản sắc rất riêng, có ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy phục trang của cả một dân tộc đến ngày nay.





Trang phục phụ nữ người Việt cổ bao gồm khăn đội đầu, (khăn vuông), khăn vấn tóc, yếm, thắt lưng, áo cánh, váy, áo tứ thân, áo năm thân. Chiếc yếm của phụ nữ là một miếng vải hình vuông khoét một góc tạo thành cổ, phần vải còn lại tạo thành chiếc yếm ở trước ngực làm đồ lót mặc sát người của phụ nữ Việt Nam. Yếm thường được may bằng lụa hoặc vải nỉ sồi nhỏ hoặc vải quế đủ các màu sắc trừ màu đen. Thắt lưng trong trang phục phụ nữ thời Lý thường được dệt bằng lụa sồi có độ dài thắt quanh người hai vòng, mà vẫn còn dài để có thể thắt nút giọt lệ, buông rủ dài thắt lưng xuống phía trước.

Độ dài thắt lưng khoảng 1,5-2m, rộng chừng 15-20cm. Hai đầu thắt lưng người ta chừa khoảng sợi dọc (còn gọi là sợi canh) không dệt, để tết tua cho đẹp. Thắt lưng được nhuộm theo màu cầu vồng năm sắc sặc sỡ. Phụ nữ thường thắt hai lưng, làm lộ ra nhiều màu sắc đẹp thêm cho trang phục.





Phục trang THỜI TRẦN

“ Đất An Nam có họ Trần, phong tục không theo người Nguyên, áo mũ theo chế độ nhà Chu, lễ nhạc như vua tôi nhà Tống. ”



Năm 1225, Trần Thủ Độ ép nhà Lý chuyển giao quyền làm chủ xã tắc sang tay họ Trần thông qua cuộc hôn phối giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh. Hơn 50 năm sau ở phương Bắc, triều đình nhà Tống bị quân Nguyên Mông tiêu diệt...

Sự xuất hiện của quân Nguyên Mông tại Trung Quốc vô hình trung thúc đẩy mối quan hệ Việt - Tống thêm hữu hảo. Sau khi quân Nguyên xâm chiếm vô số đất đai của nhà Tống, vua tôi nhà Tống bị buộc phải dời xuống Giang Nam bó gối trong phần đất chật hẹp, khiến giao thông Bắc Nam trở nên ách tắc. Năm 1242, “vua Trần Thái Tông sai tướng sang đánh chiếm biên giới để thông hiếu với nước Tống.”

Lý Tử Tấn, quan văn thư thời Lê sơ bàn luận: “Từ sau khi người Nguyên vào Trung Quốc, thiên hạ đổi ra nói tiếng Hồ, mặc áo Hồ cả. Không thay đổi thì chỉ có nước ta cùng họ Chu ở Kim Lăng, họ Triệu ở Kim Sơn mà thôi. Đến khi Thái tổ nhà Minh lên ngôi, sai Dịch Tế Dân sang thông hiếu, vua Dụ Tông sai Doãn Thuấn Thần sang thăm nhà Minh. Vua Minh ủy lạo hỏi quốc sử, khen phong tục và y phục vẫn là văn minh Trung Hoa, ban cho bài thơ ngự chế rằng: ‘Đất An Nam có họ Trần, phong tục không theo người Nguyên, áo mũ theo chế độ nhà Chu, lễ nhạc như vua tôi nhà Tống’. Rồi tặng cho bốn chữ ‘Văn hiến chi bang.’”

Như vậy có thể thấy, chế độ áo mũ Đại Việt dưới thời vua Trần Dụ Tông mang đậm sắc thái của lễ lối Trung Hoa cổ đại mà vua Minh phiếm chỉ chế độ của nhà Chu, nhà Tống. Theo Toàn thư, vào những năm Đại Trị (1358-1369), pháp độ, y phục, nhạc chương của triều đình Đại Việt liên tiếp được sửa đổi mà kết quả của những cuộc sửa đổi này khiến “phép cũ của tổ tông hướng hết theo tục phương Bắc” (chỉ tục nhà Tống).



Cổn chùa Thái Lạc, Hưng Yên

Riêng kiểu tóc của phụ nữ Việt thời Trần, ngoài búi tóc chuy kế, theo Trần Cương Trung, phụ nữ Đại Việt thời này còn “cắt tóc ngắn, lưu lại ba tấc, buộc ở đỉnh đầu, uốn ngọn tóc rồi thắt lại như bút, không có tóc mai và tóc thừa ở đằng sau” Qua mô tả trên, chúng tôi hình dung mái tóc ngắn của phụ nữ thời Trần bấy giờ nếu buông xõa cũng dài quá vai, dài hơn mái tóc ngắn của đàn ông quãng mười xen ti mét (ba tấc), sau đó được buộc lại ở đỉnh đầu, hơi gấp lại uốn ra phía sau, thắt lại như ngọn bút lông, không để tóc thừa ở gáy và hai bên mai.



Tranh “Trúc lâm đại sĩ xuất sơn đồ”

Trang phục dân gian thời Trần vẫn tiếp tục kế thừa trang phục thời Lý với áo Sam cổ tròn bốn vạt, thường màu đen, quần lụa trắng. An Nam chí lược cho biết: “Vương hầu và thứ dân thường mặc áo cổ tròn, thường màu đen huyền, quần bằng là trắng, hài chuộng loại bằng da”. “Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt, cổ tròn làm bằng là. Phụ nữ cũng mặc áo đen, song áo trắng bên trong lộ rõ ra ngoài, ôm lấy cổ, rộng bốn tấc là khác biệt. Các màu xanh, đỏ, vàng, tía tuyệt nhiên không có.” Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng toàn bộ người Đại Việt, ai nấy đều mặc cùng một kiểu áo. Ngoài loại áo cổ tròn, chắc chắn vẫn còn có các loại áo tứ thân, giao lĩnh mà qua bức tranh Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ chúng ta vẫn bắt gặp.

Đối với một số chất liệu vải vóc thời Trần - Hồ, Cao Hùng Trưng nhận xét: “Vải vóc nước ấy thì có các loại the Cát Liễu, the hoa tím tảo sợi thẳng, the hợp, lụa bóng, bông, ý (the lụa có hoa bóng chằng chịt không dùng sợi thẳng, đều gọi là ý), lĩnh, là, hài tơ khá lạ mà tốt. Hai thứ gai, tơ chuối thì được chấp lại làm vải, mịn như lụa nồn, rất hợp mặc vào mùa hè.” Cũng như tục cạo trọc, năm 1414 sau khi sáp nhập nước Việt vào bản đồ Trung Quốc, triều đình nhà Minh đã ra lệnh “cấm trai gái (người Việt) cắt tóc [...] đồng hóa theo phong tục phương Bắc”.



(Trung) An Nam chí lược (Trần): “Quốc chủ ngày thường đội mũ Đường Cân, thường phục coi màu trắng là màu sang quý. Người trong nước ai mặc màu trắng tức là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm”. Năm 1291, khi vua Trần Thánh Tông mất, vua Trần Anh Tông nói với sứ thần nhà Nguyên: “Ta để tang cha, mặc áo đen, ăn rau cỏ, trai giới trong năm năm.” Phần Phong tục lại viết: “Quy chế tang lễ và đồ dùng trong cung thất khá giống Trung Quốc.”

(Trung) Doanh nhai thắng lâm tập: (Chiêm Thành) cho phép được mặc màu tía, riêng vua mặc đồ trắng, cấm mặc các màu đen huyền, màu vàng, kẻ nào làm trái thì bị tội chết.

(Trung) Minh thực lục (Trần - Hồ): Năm 1419, Lư Văn Chính, Giao Chỉ bố chính ty tâu lên vua Minh: “Người Giao Chỉ...khi cha mẹ mất chỉ mặc áo đen... Xin đem tang lễ do quốc triều đặt định ban bố khắp dân gian, để họ biết mà tuân theo.”

Trong “Minh thực lục” có ghi chép lời của Giao Chỉ Bố chính ty Lư Văn Chính tâu lên năm 1419: “Người Giao chỉ khi cha mẹ mất chỉ mặc áo đen. Xin đem tang lễ do quốc triều đặt định ban bố cho khắp dân gian, để họ biết”. Nước ta thời Lý – Trần trang phục lúc để tang chủ yếu là màu đen, ít dùng màu trắng và không coi đó là điểm gở.

Trang phục cư tang và quan niệm về màu đen trắng

Tới thời Trần trang phục dân gian của nước ta vẫn tiếp nối các loại trang phục dân gian của thời Lý và còn phát triển hơn nữa

Trong “An Nam chí lược” Lê Tắc viết: “Vương hầu và thứ dân thường mặc áo cổ tròn, thường bằng màu đen huyền, quần bằng là trắng, hài chuộng loại bằng da” Sứ thần nhà Nguyên Trần Cương Trung trong Sứ Giao thi tập miêu tả: “Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen có bốn vạt, cổ tròn bằng là.

Phụ nữ cũng mặc áo đen, song áo trắng bên trong lộ rõ ra ngoài, ôm lấy cổ, rộng bốn tấc là khác biệt. Các màu xanh, đỏ, vàng, tía tuyệt nhiên không có” hoặc “Dân đều đi chân đất (...) da chân họ rất dày, leo núi như bay, gai góc cũng không sợ” Ông Đại Uyên người Nguyên trong Đảo di chí lược miêu tả người Việt hạng giàu có khá giả :” Mặt trắng răng đen, thắt đai, đội mũ, mặc áo Đường, có áo trùm bên ngoài màu đen, tất tơ giày vuông (...) khi ở nhà họ để đầu trần, thấy khách thì đội mũ, đi đâu xa thì một người bưng mũ mang theo (...) thứ dân ngày thường ở nhà không đội mũ”



Về chất liệu may trang phục trong “An Nam chí nguyên”, tác giả Trung Quốc Cao Trùng Hưng thời Minh có đưa ra ghi nhận: “Vải vóc nước ấy (Nước ta thời cuối Trần – đầu hồ Hồ) thì có các loại the Cát Liều, the hoa tim táo sợi thẳng, the hợp, lụa bóng bông, ý (Loại the lụa có hoa bóng chẳng chịt, không dùng sợi thẳng), lĩnh, là, hải tơ khá lạ mà tốt. Hai thứ gai, tơ chuối thì được chấp lại làm vải, mịn như lụa nồn, rất hợp mặc vào mùa hè” Có thấy rõ tục đi chân đất, nhuộm răng đen của người nước ta vẫn tiếp tục tồn tại Trang phục nam Có thể thấy kiểu áo cổ tròn 4 vạt thời Lý tới thời Trần vẫn được sử dụng, và kiểu áo này thậm chí còn được dùng tới tận thời Lê – Trịnh.

*Minh họa phụ nữ thời Trần - Tiền Lê
của lilsuika*



Như vậy thời Trần người Việt cũng có tục vấn khăn tuy nhiên không phải kiểu vấn khăn xếp giống thời nhà Nguyễn vì kiểu vấn khăn đó chỉ xuất hiện cuối thế kỷ XVII.

Thông qua các miêu tả có thể thấy trang phục nữ thời Trần vẫn là dạng áo cổ tròn 4 vạt đi với thường và váy hoặc áo giao lĩnh vạt chéo đi với thường và váy.

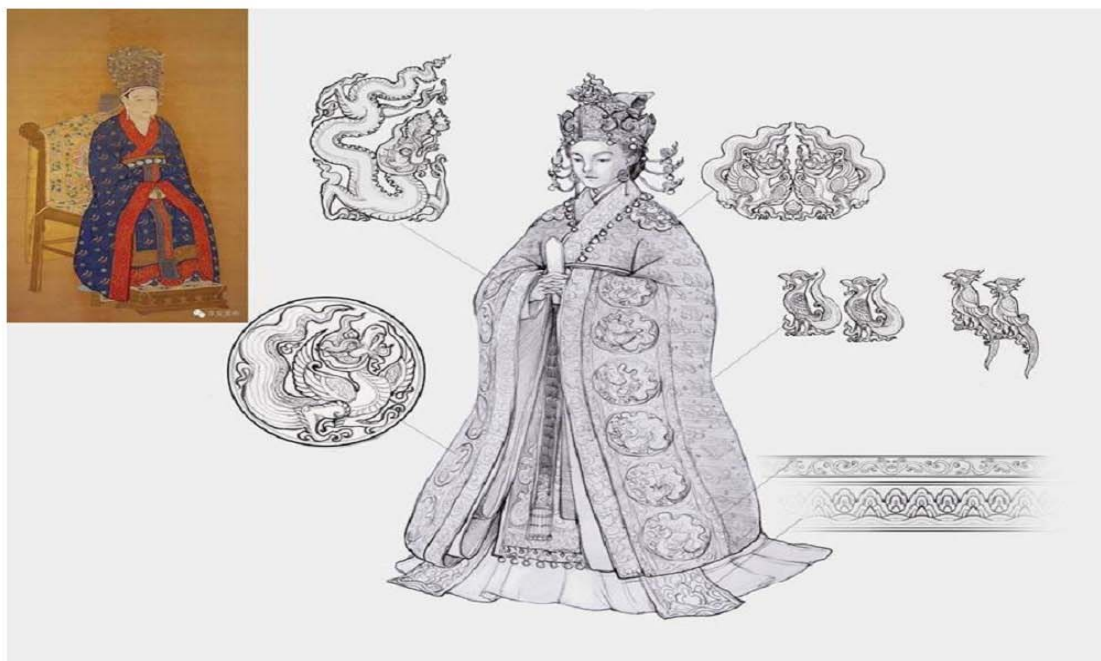
Nhìn nhận chung, trang phục thời Lý -Trần có những sắc thái đặc biệt, nó không tách rời ảnh hưởng của một nguyên lý thẩm mỹ xuất phát từ tinh thần thượng võ Đông A, bắt nguồn từ truyền thống dựng nước, giữ nước oanh liệt của dân tộc. Với lòng yêu nước nồng nàn, với sức mạnh đoàn kết chặt chẽ, với trí thông minh sáng tạo, đã phải thường xuyên cảnh giác, thường xuyên rèn luyện, liên tục chiến đấu ngoan cường và đã giành được thắng lợi huy hoàng.

Minh họa phụ nữ thời Trần - Tiên Lê của ILSUIKA

Phục trang

THỜI LÊ

Đặt trong bối cảnh sau khi Chu Nguyên Chương đánh đổ chính quyền Mông Thát, lập nên triều đình Đại Minh với khao khát khôi phục chính quyền của người Hán, lập lại trật tự Hoa di...



Thông tin duy nhất liên quan đến Lễ phục của hậu phi triều Lê sơ là những dòng miêu tả của Nguyễn Trãi trong tờ chế ban tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái phi. Trong tờ chế ông viết: “Than ôi! Lễ phục Vĩ Địch, vẻ vang không kể mất còn; nắm mộ tuyến đài, trang trí sáng ngời trời đất.” Theo Chu lễ, Vĩ Địch là Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương với trang phục Cốn Miệng của hoàng đế. Bộ trang phục này vừa là Tế phục kiêm Triều phục, đồng thời cũng là cát phục của hoàng hậu, phi tần sử dụng trong các dịp đại lễ sách phong và hôn lễ.

Tranh phỏng dựng Hoàng hậu thời Lý trong lễ phục Vĩ Địch, mặc Địch y (có màu xanh sẫm) và đội Phượng quan.

Trang phục của phụ nữ cung đình cũng được phản ánh trên những tượng chân dung hay ở các bức chạm gỗ, như tượng các vợ vua Lê, tượng người hầu trong cung.

Trong hệ thống tượng chân dung các bà vợ vua Lê Thần Tông (1607 - 1660) tại chùa Mật (Đông Sơn, Thanh Hóa), chùa Trạch Lâm (Bỉm Sơn, Thanh Hóa), chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), ta thấy có những nét chung như: hầu hết mặc yếm cổ tròn ở trong cùng. Ngoài yếm là lớp áo cổ nẹp to bất chéo; vạt bên trái đè lên vạt bên phải, được một dải thắt lưng buộc giữ không cho buông xuống. Ngoài cùng là tấm áo thụng mở giữ nếu có nẹp thì nẹp viền hai tà cũng rất rộng và dài. Đặc biệt có một tượng (tượng bà chúa Ngà - Trương Thị Ngọc Chữ) nửa phần thân trên để trần, không mặc yếm, áo gò.

Một vài tượng đeo vân kiên thêu đẹp. Tiếp dưới là những dải vải thêu (hoặc bằng gấm?) mũi nhọn, xếp cạnh nhau, thành mấy lớp chờm nổi lên nhau phủ kín phần bụng, dài xuống đến đùi người mặc. Đều có trang trí hoa văn đẹp.

Mũ ở mỗi tượng có những khác biệt (có lẽ là để nói lên ngôi thứ). Như mũ của tượng Chính cung Hoàng Thái Hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Mật, Thanh Hóa) và tượng của một vài bà hoàng khác, có hình Phật tọa thiền giữa vòng cân mây xoắn (hay hình ngọn lửa?) bay lên, trong khi ở các tượng khác thì không có. Phần đỉnh mũ cũng không giống nhau. Dù vậy, tất cả các mũ đều được chạm khắc tinh vi cho ta cảm giác được làm bằng vàng, đính trên châu bảo ngọc sang trọng. Các mũ đều có hai dải lụa từ sau tai buông xuống hai bên vai. Trường hợp mũ không có hai dải lụa thì ở tượng ấy có một dải lụa rộng bản buộc lấy búi tóc đỉnh đầu rồi buông xuống cùng mớ tóc dày và dài xõa kín lưng rất đẹp. Có tượng không đội mũ kiểu vương miện mà đội mũ bịt ốc hoặc để đầu trần, hoặc là một chuỗi tràng hạt, hạt khá to, đeo ở cổ tượng. Ngoài ra có những dây anh lạc đeo trước ngực.



Tượng Hoàng Thái Hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, Vợ vua Lê Thần Tông (Thanh Hóa)



Cô dâu thời Lê sơ mặc áo màu xanh thanh cát
Tranh vẽ của họa sĩ Minh Anh Nguyễn

Để phân biệt đẳng cấp và để phòng những hiện tượng tiếm lãn, triều đình ra lệnh yết biểu cấm dân gian mặc áo màu vàng, đi hài, mang giày và dùng đồ đạc chạm rồng, vẽ phượng.

Cấm dẹt mũ mát vì cho rằng nhiều người cắt trộm lông đuôi ngựa của triều đình để làm mũ này.

Cấm nhân dân dùng nón thủy ma và nón sơn đỏ là các đồ đội của quân lính bảo vệ kinh thành. Lại cấm làm và bán thứ nón sắc trắng như phấn. Hiện tượng cạo trọc đầu trong nhân dân đã bị hạn chế, chỉ có sư sãi mới được gọt tóc. Lệnh của triều đình: người không phải sư sãi không được gọt tóc. [...]

Cấm nhân dân ở ven biển mặc theo kiểu trang phục phương Bắc. Năm 1776, Lê Quý Đôn ở chức Hiệp trấn tham tán quân cơ tại Thuận Hóa cũng nhắc nhở: "... Chính trị và phong tục phải nên thống nhất. Nếu còn có người mặc quần áo kiểu người khách thì nên đổi theo thể chế nước nhà..., mà thông dụng vải lụa, duy quan chức mới cho dùng xen the là trầu đoạn, còn gấm vóc và các thứ hoa rồng phượng thì nhất thiết không được dùng càn. Thường phục đàn ông, đàn bà dùng áo cổ đứng, ngắn tay, cửa ống tay rộng, hẹp tùy tiện. Hai bên nách áo trở xuống phải khâu liền cho kín, không được để hở hang. Đàn ông muốn mặc áo cổ trong và hẹp tay cho tiện làm việc cũng được. Lễ phục, dùng áo cổ đứng, tay dài, vải xanh chàm, vải đen hay vải trắng, tùy nghi.

Một thời kỳ, kẻ sĩ, thứ dân đi việc công hay mặc áo màu xanh thanh cát, lúc thường mặc áo màu thâm (truy y). Dân quê mặc áo vải mộc. Đến giai đoạn sau ít người mặc áo màu thâm và trắng mộc mà hầu như chỉ mặc áo xanh thanh cát. Áo thanh cát có màu hỏa minh (xanh đậm), màu vi minh (xanh nhạt) và màu quì, tục gọi là màu sừng. Người sang mặc màu hỏa minh, hạng thứ mặc màu vi minh, hạng hèn mặc màu sừng. Song lại đến giai đoạn người sang kẻ hèn đều chuộng màu sừng và cho rằng hai màu kia là quê mùa nên không dùng.

Đàn bà lao động thường mặc yếm cổ xây, cánh tay để trần, mặc váy ngắn, thắt lưng thả múi phía trước. Đầu dùng khăn lượt để cuốn tóc, lúc yết kiến bậc tôn trưởng lại xoa tóc xuống để làm kính lễ.



Ngoài tượng các hoàng hậu, công chúa, quận chúa, phi tần, thời này còn để lại những tác phẩm điêu khắc chân dung mà phần trang phục được thể hiện khá chân thực như đôi tượng Thị giả, nữ mang yếm đỏ cổ xây, nam mặc áo không tay, cánh tay và một phần bụng để hở, tai đeo hoa, cổ tay đeo vòng, bụng thắt hai dây lưng buộc múi. Và đặc biệt là ở chùa Dầu (Bắc Ninh) có pho tượng Ngọc Nữ cả người (to gần bằng người thật); đầu vấn khăn, tóc rẽ đường ngôi giữa, chải mượt sang hai bên, áo dài, cổ áo cao từ phía sau gáy, hạ thấp dần hai bên xuống đến giữa cổ, tay áo chặt. Vân kiềng quàng trên vai, lưng, ngực.. Váy dài rộng, phần eo có một tấm quây quanh bụng phủ lên phần đầu của những dải vải nhón mũi, nhiều màu, viền nổi, chờm lên nhau (như ở những dải phướn nhà chùa), nối dài xuống đến tận chân. Ngoài tấm quây là dây lưng buộc múi trước bụng buông xuống hòa quyện cùng các dải màu trang trí. Đây là hình tượng khá rõ nét về người phụ nữ thời Lê có những chi tiết áo, váy gần gũi với hình thức nữ phục các thời đại sau đó cho tới ngày nay. Còn có thể kể đến một số tượng hậu ở các chùa để giới thiệu cung cách trang phục của một lớp người phụ nữ. Như tượng hậu Phật ở chùa Bối Khê (Hà Tây): tượng được chạm trực tiếp vào một khối đá lớn (gần như phù điêu). Đầu đội một diềm trang trí hình hoa lá và thắt một dải có nổi lên những núp tròn ngay phía dưới. Tai đeo nụ hoa tròn, áo dài mặc rộng rãi, hai vạt trước có nếp to nơi ngực vòng qua cổ, buông phủ xuống phần váy. Bên trong áo, mặc yếm cổ xây. Thắt lưng buộc múi thả hai dải dài trước bụng.

1. Tượng Bồ tát Quán Thế Âm trong động Hương Tích



“Mặc vải lụa là phong tục tập quán của Đàng Trong. Đối với phụ nữ, tôi nghĩ trang phục của họ là khiêm tốn nhất Đông Dương; vì ngay cả khi thời tiết cực kỳ nóng, họ không bao giờ lộ bộ phận cơ thể nào; họ mặc 5-6 lớp váy, mỗi lớp 1 màu khác nhau, lớp thứ nhất chạm đất, bay bổng, nhưng ngón chân họ không bao giờ lộ ra; lớp thứ 2 ngắn hơn thứ 1 một nửa; lớp thứ 3 còn ngắn hơn nữa; và mỗi lớp đều chồng lên như vậy để nhiều màu sắc xuất hiện và đây là thói quen của phụ nữ từ eo xuống, vì trên thân họ mặc áo ngắn (yếm) với mẫu ô vuông nhiều màu. Trên tất cả thì họ có màn che mặt nhưng rất mỏng, vì mặc dù nó che hết, trong suốt, và ẩn giấu nụ cười của họ với sự thù mị và cho họ 1 hình dáng rất tuyệt đẹp cho đến khi họ không thấy được 4-5 bước đi trước mặt. Những chiếc mũ này được liên kết lụa và vàng kim, tùy theo phẩm chất của từng người. Khi phụ nữ gặp người khác, họ sẽ đẩy chiếc mũ lên và để lộ khuôn mặt của mình.” - Christoforo Borri.

Xứ Thuận-hóa hưởng thái bình đã lâu ngày, công sở và tư gia đều giàu có, đồ ăn mặc và đồ dùng đều xa hoa. Trải qua đời Hiếu Vương hào phóng, kẻ dưới bắt chước thành thói quen. Từ quan to đến quan nhỏ, nhà cửa khắc chạm, tường xây bằng đá bằng gạch, màn dùng bằng sa bằng đoạn, khí dụng bằng đồng bằng thau, bàn ghế làm bằng gỗ đàn gỗ trắc, cốc chén bằng đồ sứ, yên ngựa dây cương nạm vàng bạc, quần áo là lượt, nệm hoa chiếu mây, lấy sự xa xỉ khoe khoang lẫn nhau. Những người có chức vị ở dân làng cũng mặc áo đoạn vẽ kiểu bát ty và áo hương, áo sa, áo địa đều là áo mặc thường. Ăn vận áo vải mộc mạc thì cho là đáng hổ thẹn. Ngay đến binh sĩ cũng ngồi chiếu mây, dựa gối xếp, ấp lò hương cổ, uống nước trà ngon, chén sứ bịt bạc, ống súc bằng thau, chén bát đĩa dùng để ăn uống đều là đồ sứ của Trung Quốc. Một bữa ăn ba bát sứ to. Đàn bà con gái vận áo sa, áo lụa đỏ, thêu hoa ở cổ áo. Quen thói hoang phí, coi tiền bạc như rác, thóc gạo như bùn.
-Phủ biên Tập lục của Lê Quý Đôn.

Trang phục của phụ nữ cung đình cũng được phản ánh trên những tượng chân dung hay ở các bức chạm gỗ, như tượng các vợ vua Lê, tượng người hầu trong cung.

Trong hệ thống tượng chân dung các bà vợ vua Lê Thần Tông (1607 - 1660) tại chùa Mật (Đông Sơn, Thanh Hóa), chùa Trạch Lâm (Bỉm Sơn, Thanh Hóa), chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), ta thấy có những nét chung như: hầu hết mặc yếm cổ tròn ở trong cùng. Ngoài yếm là lớp áo cổ nẹp to bất chéo; vạt bên trái dề lên vạt bên phải, được một dải thắt lưng buộc giữ không cho buông xuống. Ngoài cùng là tấm áo thụng mở giữ nếu có nẹp thì nẹp viền hai tà cũng rất rộng và dài. Đặc biệt có một tượng (tượng bà chúa Ngà - Trương Thị Ngọc Chử) nửa phần thân trên để trần, không mặc yếm, áo gì.

Một vài tượng đeo vân kiên thêu đẹp. Tiếp dưới là những dải vải thêu (hoặc bằng gấm?) mũi nhọn, xếp cạnh nhau, thành mấy lớp chõm nổi lên nhau phủ kín phần bụng, dài xuống đến đùi người mặc. Đều có trang trí hoa văn đẹp.

Mũi ở mỗi tượng có những khác biệt (có lẽ là để nói lên ngôi thứ). Như mũi của tượng Chính cung Hoàng Thái Hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Mật, Thanh Hóa) và tượng của một vài bà hoàng khác, có hình Phật tọa thiền giữa vòng cân mây xoắn (hay hình ngọn lửa?) bay lên, trong khi ở các tượng khác thì không có. Phần đỉnh mũi cũng không giống nhau. Dù vậy, tất cả các mũi đều được chạm khắc tinh vi cho ta cảm giác được làm bằng vàng, đính trên châu bảo ngọc sang trọng. Các mũi đều có hai dải lụa từ sau tai buông xuống hai bên vai. Trường hợp mũi không có hai dải lụa thì ở tượng ấy có một dải lụa rộng bản buộc lấy búi tóc đỉnh đầu rồi buông xuống cùng mớ tóc dày và dài xỏa kín lưng rất đẹp.

Có tượng không đội mũ kiểu vương miện mà đội mũ bịt ốc hoặc để đầu trần, hoặc là một chuỗi tràng hạt, hạt khá to, đeo ở cổ tượng. Ngoài ra có những dây anh lạc đeo trước ngực.

Tranh Văn quan vinh quy đồ
(文官榮歸圖)





Phục trang nhà NGUYỄN

Triều Nguyễn, vương triều cuối cùng của giai cấp phong kiến nước ta, càng về sau càng tỏ ra bất lực với bộ máy thống trị hoàn toàn phụ thuộc vào sự chỉ huy của thực dân Pháp...

Hoa văn
Phượng Hoàng



Áo dài nậm thân của Hoàng Thái Hậu đầu thế kỷ XX

Theo tác giả G. Dumoutier trong quyển “Những biểu tượng trong văn hoá An Nam” xuất bản năm 1891, Phượng Hoàng là loài chim xuất hiện nhiều nhất trên các tác phẩm điêu khắc của người An Nam. Đây là loài chim linh thiêng, cao quý, chỉ về đậu trên cây ngô đồng khi có minh quân hoặc thánh hiền xuất hiện, tạo nên an lạc thái hoà cho thiên hạ. Tính chim phượng hoàng rất khó, chỉ đậu cây ngô đồng và ăn quả trúc. Sách Đại Nhã của Trung Quốc viết “Phượng hoàng chỉ tính phi ngô đồng bất thể, phi trúc thực bất thực.” (Tính phượng hoàng không phải ngô đồng, không đậu, không phải quả trúc không ăn). Hình ảnh phượng hoàng đậu ngô đồng được ví như người hiền tài tìm được tri kỉ và địa vị xứng đáng. Vì thế mà các vua Nguyễn đã trồng ngô đồng quanh điện Thái Hoà, để phượng hoàng về đậu, hiền tài tụ đến.

Vì là loài chim đại diện cho đức hạnh, thái bình, và tài sắc mà phượng hoàng đã trở thành biểu trưng của hoàng hậu cùng những cô gái cao quý, xuất hiện khắp nơi trong các công trình do người Việt tạo tác, như trên áo mũ của các hoàng hậu, công chúa hay trên kiến trúc các đền đài, cung điện. Phụng trên phụng bào của công chúa, hoàng hậu thường là hình ảnh phụng bay múa, hay vũ phụng. Phụng trên tứ linh bào và những sản phẩm điêu khắc thường là hình ảnh phụng ngậm một dải lụa có treo cuộn giấy, hộp vuông, hoặc thẻ bài. Theo một số người những vật này đại diện cho “cổ đồ” trong huyền thoại của Phục Hi. Những motif phụng ngậm dải lụa treo cổ đồ được gọi chung là “phụng hàm thư”.



Áo của Hoàng Quý Phi thời Nguyễn

Chim phụng và chim loan khởi đầu là 2 loài chim khác nhau, nhưng có tạo hình giống nhau, cũng như kì lân và long mã, bí hỉ và rùa, nên từ đây dẫn đến nhầm lẫn trong dân gian. Về phượng hoàng thì thời Hán, con trống gọi là Phượng, con cái gọi là Hoàng, đến thời Nguyễn lại nhập hai chữ lại thành Phượng Hoàng. Phượng là vua các loài chim nên được dùng tượng trưng cho hoàng hậu, còn rồng thì được dùng tượng trưng cho vua. Sư tử, kì lân, hổ, báo, khổng tước, cẩm kê v.v. lại dùng tượng trưng cho quan tướng. Các truyền thuyết liên quan đến loan cũng có khá nhiều dị bản. Có thuyết nói rằng Phi Long sinh ra Phượng, Phượng sinh ra Loan. Có thuyết nói rằng Loan mới sinh ra giống Phượng, nhưng khi lớn lên thì lông vũ có năm màu. Sách Sơn Hải Kinh thì nói rằng Loan nhìn giống con chim trĩ, nhưng có vằn ngũ sắc. Sách này cũng gán cho Phượng và Loan nhiều đặc tính và hành vi giống nhau. Loan và Phượng đều biểu trưng cho sự hòa hợp, thái bình nên người ta thường dùng “loan phượng” (loan phượng hòa minh) để chỉ cặp vợ chồng hòa thuận. Lâu dần có sự đánh đồng rằng Phượng là con trống, Loan là con mái. Tác giả sách “Les motifs de l'Art annamite” cũng nhầm lẫn việc này và đã được dịch giả đính chính lại.



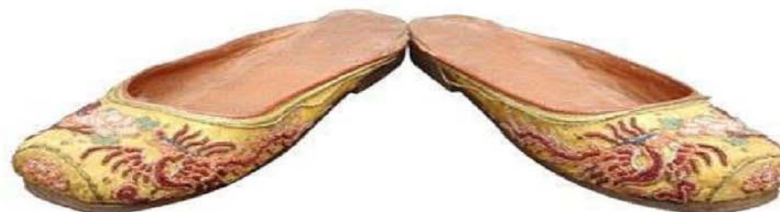
Trang phục của hoàng hậu

Mũ cửu phụng (9 con phượng), thân mũ làm bằng lông đuôi ngựa. Trán mũ có 9 hình rồng, 9 hình phượng bằng vàng, 9 miếng bốn khoan bằng bạc, 1 cặp tóc trang trí mây, hoa, 1 miếng hình núi, 12 hình hoa, con bướm và nhiều hình hoa dây để trang sức chỗ chân tóc. Phía sau là hình 1 con phượng bằng vàng, 4 trâm bạc cùng các dải kết bằng 198 hạt trân châu nhỏ. Các hạt pha lê được khảm ở mũ là 231 hạt. Khăn bịt trán bằng đoạn thiên thanh trong lót lĩnh màu vàng đều trang sức 4 khoen vàng, 4 sợi dây tơ. Hoàng bào bằng đoạn màu vàng, thêu hoa đoàn phượng (hoa tròn trong có 2 hình chim phượng), phía dưới thêu thủy ba. Cổ áo bằng nhiều màu tuyết trắng; áo lót bằng trầu, họa tiết hoa, chim phượng... Xiêm bằng đoạn màu tuyết, thêu hoa đoàn phượng màu vàng, lót và dây lưng bằng lụa màu trắng. Đai bằng sa trúc bọc đoạn màu vàng, trang sức 18 mảnh vuông màu vàng, có mặt kính khảm hoa vàng và hai móc vàng. Hài bằng tơ màu đỏ, thêu hình phượng màu lục. Tắt bằng lĩnh bóng màu tuyết trắng.



Trang phục của hoàng thái hậu

Mũ cửu phụng (9 con phượng), ở trán có 1 vòng đai bằng vàng. Mũ cũng được trang trí, trang sức bằng châu ngọc kim kính rất sang trọng. Bào bằng sa mỏng màu vàng, thêu chữ thọ bằng vàng, thêu hoa, thủy ba, có điểm ngọc san hô kim kính, trong lót trầu hoa màu đỏ. Xiêm bằng đoạn hoa màu đỏ, thêu đoàn phượng, thủy ba, điểm kim kính...Tắt bằng lĩnh trắng bóng lót trầu nồn hoa đỏ... Hài bằng tơ vàng thêu phượng có trang sức ngọc san hô, trân châu. Khăn quàng bằng đoạn gấm tàu màu vàng thêu hoa mẫu đơn, phượng, lót lụa vàng.



Hài của Hậu phi

Khánh



Khánh là một trong những đồ cụ có ý nghĩa quan trọng đối với văn hóa người Việt thời xưa. Xuất phát từ một loại nhạc khí cổ của Trung Quốc, khánh đã đi vào văn hóa của người Việt, được người Việt cải biến và phát triển, dần mang nhiều ý nghĩa và công năng khác nhau: nhạc cụ, huy chương, đồ trang sức...

Đây vốn là một trong những nhạc cụ quan trọng của Việt Nam cổ đại, thường được làm bằng đá hoặc bằng đồng. Nó có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng hình dạng của nó đã thay đổi đáng kể khi đưa vào văn vật chất người Việt. Hình vẽ của chiếc khánh (磬) tìm thấy trong những cuốn sách cổ Trung Quốc gần giống hình vuông trong khi khánh Việt thường có hình lưỡi liềm. Theo Dumoutier trong quyển “Les Symboles, Les Emblèmes, et Les Accessoires de Culte chez les Annamites,” đây là những “huân chương” mà vua trao tặng cho quan lại và sĩ quan nước ngoài, những người có đóng góp cho nước An Nam và xứng đáng được tôn vinh. Một sắc phong, viết trên giấy màu vàng dành cho hoàng đế và có chữ ký và con dấu của vua hoặc các phó vương (viceroy), hoặc thậm chí các thống đốc (governor) dưới sự ủy thác của nhà vua, kèm đồ trang sức đó. Huân chương bằng vàng có kích thước khác nhau tùy thuộc vào phẩm cách và tầm quan trọng của chủ sở hữu; đã có một số hiện vật không nhiều hơn một cm chiều rộng; cạnh dưới được gắn ba chùm tua làm bằng vải lụa, có màu đỏ, màu xanh lá cây, ngoài ra còn có màu vàng.

Ngoài ra, còn có loại khánh trang sức được đeo quanh cổ, treo bằng một sợi dây lụa đỏ.



Hình ảnh từ bảo tàng
Quai Branly (Pháp)



Hình ảnh tư liệu từ bảo tàng Quai Branly (Pháp)

Trang phục nhân dân

Đối với dân chúng, năm trị vì thứ 5 (1806), vua Gia Long qui định cho các hạng thứ dân dùng phong cân (một loại khăn chít đầu) màu đen, không được trang sức gì; áo cổ chéo màu đen, hải, tất đều màu đen.

Năm 1838, vua Minh Mạng ra chỉ dụ: đây tớ trong các nhà quyền quý nơi vương phủ hay quan lại đều không được mặc sang, chỉ được mặc như dân chúng. Những người làm ca nhạc, chèo hát, cho phép đội mũ trang trí hình giao long và hoa, áo bào dùng màu đỏ hoặc các màu sắc sỡ, họa tiết mây, giao long, duy không được trang sức mũ rồng và áo bào màu vàng. Nếu xảy ra sai trái thì người vi phạm cũng như các quan cai quản địa phương, tổng lý, sở tại, nhà chủ... đều bị nghiêm phạt bằng nhiều hình thức (như đánh hàng trăm roi, bãi chức, đóng gông bêu diếu, v.v...)

Đặc biệt, kể từ Minh Mạng năm thứ 8 (1827) cho đến Minh Mạng năm thứ 18 (1837), trong vòng 10 năm, vua Minh Mạng đã 4 lần ra chỉ dụ bắt nhân dân miền Bắc phải thay đổi trang phục theo kiểu của nhân dân từ Quảng Bình trở vào Nam, với lý do: “nhà nước ta, cội đất hợp làm một, văn hóa cùng nhau” nên phải thống nhất ăn mặc để nêu ý nghĩa “vâng theo văn hóa”, “vâng theo phép vua”. Lời dụ lúc thì cứng rắn: “Nếu không chịu thay đổi, khi phát giác ra sẽ khép vào tội trái qui chế”, lúc thì ôn hòa “thiết tha xuống lời dụ này”, lúc thì rất thông cảm với tình trạng “đàn gian nghèo giàu không đều...tất nên rộng hạ cho ngày tháng”... Thậm chí sẵn sàng nghiêm trị “nha lại viên dịch nào nhân việc này hống hách, gây phiền hà tệ hại” đối với dân... Lúc thì kích động “Người miền Bắc con trai đóng khổ, đàn bà thì trên mặc áo giao lĩnh, dưới mặc váy (so với ở miền Nam áo quần chỉnh tề...) đẹp xấu chẳng rõ rệt dễ thấy ư?”... Nhưng sau 10 năm, kết quả vẫn không đạt được như mong muốn, nhà vua quyết định “sang năm mới (1838), nếu vẫn còn theo thói cũ không đổi, tức thì trị tội nặng.”



Dưới triều Nguyễn - Pháp thuộc, trong lao động, các bà các cô ở miền Bắc và Bắc trung Bộ thường mặc áo cánh ngắn bằng vải giấn nâu, cổ tròn, viền nhỏ, tà mở, đa số không cài cúc trước ngực. Bên trong là tấm yếm màu vàng tơ tằm hay vải màu hoa hiên hoặc nâu non. Yếm là một miếng vải vuông đặt chéo trên ngực người mặc. Ở một góc (trên) khoét hình tròn làm cổ yếm (loại yếm này có tên là yếm cổ xây), hoặc khoét hình chữ V (gọi là yếm cổ xẻ hay yếm con nhận). Thường là xẻ nông nhưng cũng có ba đường khâu nổi như hình chân chim có tác dụng trang trí, đồng thời giữ cho cổ yếm lâu bị rách. Hai dải ở hai góc bên cạnh sườn buộc ra sau lưng. Có loại yếm, hai dải này là hai miếng vải hình tam giác dài cắt chéo ngang ở sau lưng rồi lại buộc ra phía trước. Hình thức loại yếm này kín cả ngực, bụng và một phần lưng, do đó người phụ nữ có thể không mặc áo ngoài, tay để trần. Váy (có nơi ở Bắc Trung Bộ gọi là mấn) thường mặc ngắn đến ống chân. Khi làm ruộng, xắn váy cao lên trên đầu gối rồi buộc túm gấu váy trước và sau vào nhau. Họ thường quần thắt lưng bằng vải màu (ở nhiều vùng gọi là bao ruột tượng), một hoặc hai vòng ngoài cạp váy. Hoặc khi cùng một lúc họ dùng hai thắt lưng khác màu nhau. Khi làm việc, đầu thắt lưng giắt gọn lên cạp váy cho đỡ vướng. Mùa rét, phụ nữ nông thôn thường mặc thêm tấm áo cánh hoặc mặc một kiểu áo cộc tay bằng vải thô, buộc một sợi dây quanh bụng cho gọn gàng. Áo tơ làm bằng lá cọ khô là trang phục chống mưa, chống rét; ở một số địa phương, còn dùng để chống nắng, nóng. Ngoài ra còn có loại áo năm thân (vạt ngoài, còn gọi là vạt cả, rộng gấp đôi vạt trong, còn gọi là vạt con, nằm bên phải). Thường chỉ cài một hai cúc bên sườn rồi dùng thắt lưng thắt ngang bụng giữ không cho vạt áo trễ xuống. Thắt lưng màu buộc múi, hai đầu buông phía trước. Khi cần gọn gàng thì xắn ống tay lên cao, giắt cả mấy vạt và đầu thắt lưng bên cạnh sườn. Người nào cũng đều nuôi tóc dài và vấn khăn. Khăn vấn tóc là một miếng vải dài khoảng 80cm, rộng chừng 15cm-20cm, màu đen, nâu hoặc tím tam giang. Để vấn tóc được tròn và chặt, người ta phải độn thêm vào tóc một cái độn tóc (bằng vải nhồi bông), trông hình như con rắn (dài khoảng 50cm). Ở phía đầu độn tóc có thêm một sợi dây nhỏ dài hơn thân độn. Khi vấn khăn, trước hết rẽ đường ngôi (giữa), dồn tóc sang cả bên phải (hoặc bên trái, tùy theo sự thuận tay của mỗi người). Đặt độn tóc vào

Trang phục đàn bà (Bắc – Trung – Nam)

giữa mở tóc làm cốt, dùng sợi dây cuốn nhiều vòng ra ngoài tóc cho chặt. Lấy khăn vấn bọc tóc lại, cầm một chiếc đinh ghim (hoặc dùng dây buộc vòng) ở đây khăn để giữ cho khăn khỏi tuột. Dùng tay lấn lấn vấn, vuốt xuôi cho tròn đều và chặt đến hết chiều dài của khăn. Đặt vành khăn từ trước ra sau đầu một vòng, phần còn lại luồn xuống dưới đoạn đầu khăn, vắt lên ngang đầu sang bên trái. Có lối vắt phần còn lại lên trên đầu khăn rồi kéo chéo qua đầu vắt xuống vành khăn phía bên kia. Nếu là bộ tóc dài thì đuôi tóc bao giờ cũng dài hơn chiều dài của khăn, sẽ rủ xuống cạnh tai trái của người phụ nữ, gọi là tóc đuôi gà. Về mùa rét, phụ nữ miền Bắc và Bắc Trung Bộ còn đội trên đầu một chiếc khăn vuông màu thâm (thường gọi là khăn vuông hoặc khăn thâm). Đó là một miếng vải vuông mỗi cạnh từ 70cm đến 80cm. Khi chít, gấp chéo khăn lại thành hình tam giác, đặt lên đầu (có thể chỉ đặt ngang trên đỉnh đầu), hai góc khăn buộc vào dưới cằm, tai được trùm kín. Cũng có kiểu đặt mép khăn xuống gần trán, kéo hai bên khăn về hai phía cho thành một hình mỏ quạ ở giữa rồi buộc hai đầu khăn xuống dưới cằm hoặc quặt đầu khăn buộc ra sau gáy, gọi là chít khăn mỏ quạ. Trường hợp này mép khăn vuông trùm sát vành khăn vấn ở trong làm nổi hình tròn lẩn của vành khăn. Nhiều cô gái, trong mùa nắng to, đã dùng lối đội khăn này nhưng trùm thấp méo khăn vuông xuống đến lông mày, quặt chéo hai đuôi khăn che kín mũi và miệng, buộc ra sau gáy, chỉ còn để hở hai con mắt, nhằm che nắng cho khỏi rám làn da. Phụ nữ lao động ở miền Nam và Nam Trung Bộ ưa mặc màu đen. Áo cánh cài cúc giữa, không có túi. Vạt áo sau dài trùm mông. Áo ngắn chỉ mặc trong nhà. Đi chợ, đi cấy mặc áo dài năm thân cài cúc. Người nghèo mặc áo dài bằng vải, cũng có khi áo rách, chị em dùng cái thay vào, thường là vải khác màu, gọi là áo vá quàng. Mặc quần, không mặc váy. Tóc chải ngược lên (không có đường ngôi) và búi gọn sau gáy. Phụ nữ miền Nam dùng khăn vải màu sáng hoặc kẻ ô gấp dọc lại, vắt lên đầu để tránh nắng là chủ yếu. Trời lạnh, phụ nữ Nam Trung Bộ quàng khăn vuông rộng. Trong khi phụ nữ miền Nam ưa dùng màu đen, thì phụ nữ miền Bắc thời đó ưa chuộng màu nâu sồng. Màu sắc và kiểu áo phù hợp với điều kiện lao động, thời tiết từng miền, nhưng dù là trang phục ngày thường, các kiểu quần áo vẫn được các bà các cô quan tâm sửa đổi ngày một gọn gàng, ưa nhìn hơn.



Hình ảnh phục trang của cô dâu miền Nam



Trang phục hội hè, lễ Tết. Trang phục thành thị

Ngày hội, ngày tết, chị em đã biết may mặc các kiểu trang phục truyền thống, khéo léo sử dụng nhiều màu sắc tự nhiên gần gũi với cuộc sống, biểu lộ rõ một xu hướng thẩm mỹ. Khi mặc những chiếc áo dài, các cô gái thường chỉ cài cúc cạnh sườn, còn đoạn từ nách lên đến cổ thì lật chéo để lộ ba màu áo ra ngoài. Bên trong là chiếc áo cánh trắng không cài cúc cổ, tôn màu yếm hoa hiên hoặc đỏ thắm. Cổ yếm có hai dải bơi chèo buộc ở sau gáy để lộ ra phía ngoài những lớp áo. [...] Tắm váy lưới trai bảy bức bằng lĩnh hay sồi đen dài chấm gót, cạp váy bao giờ cũng may rộng bản, khoảng từ 8cm đến 10cm, đặc biệt dùng làm màu sáng như xanh, vàng chanh hay hồng điều. Màu đen của tấm váy làm nền cho những dải thắt lưng bằng vải sồi hoặc lụa tơ tằm màu mỡ gà, hồng đào, hoa lý... thắt so le buộc múi, buông rủ dịu dàng. [...]

Đội đầu là chiếc nón quai thao (còn gọi là nón thúng hay nón ba tấm). Nón hình tròn bằng lá gồi, khâu dây móc, mặt trên bằng, xung quanh có thành dày khoảng 10cm đến 12cm. Mặt dưới, ở giữa có gắn một hình ống tròn bằng tre đan làm chỗ dựa đội cho cân gọi là khua nón. Quanh chũm nón có những vòng tre chuốt nhỏ, khâu bằng chỉ tơ, đan chéo sợi rất công phu, lại được trang trí bằng những hình bướm hay những bông hoa bằng chỉ nhiều màu. Quai nón làm bằng dây thao đen (do đó gọi là nón quai thao), gồm từ một đến ba dây chập lại buông vòng xuống đến thắt lưng (có khi quai nón là một dải vải dài). Hai đầu quai nón mỗi bên có năm, bảy đến mười nhóm tua nhỏ, dài khoảng 25cm - 30cm kết lại, buông xuống đầu vai người đội. [...]



Phụ nữ miền Bắc (Hà Phòng)

Ở thành thị miền Bắc, những người phụ nữ ít phải lao động vất vả thường mặc váy đen dài chấm gót, áo cánh ngắn bằng vải trắng hay lụa tơ tằm. Yếm màu trắng hoặc hoa viên hay vàng tơ tằm. Thắt lưng bằng lụa màu. Khi có khách đến nhà hoặc có công việc ra đường phố, bao giờ cũng mặc thêm áo dài. Mùa nóng mặc áo dài tứ thân hai vạt trước hoặc phía sau. Mùa rét mặc hai hoặc ba chiếc áo dài cùng một lúc gọi là áo mớ ba. Vắn khăn nhiều, để tóc đuôi gà. Đầu đội nón ba tấm. Chân đi dép cong. Ngoài ra còn có áo kép (áo có một lần lót bằng vải khác màu), áo mề (kiểu áo kép nhưng ở giữa có thêm một lần dựng bằng vải thô), áo bông ngắn, áo bông dài chần quân cờ, mắt sàng, mắt na hoặc hạt lựu[...]



Phụ nữ miền Trung (1879)

Phụ nữ miền Trung, mặc áo dài năm thân, kín cổ. Người nhiều tuổi hay mặc áo đậm, các cô gái mặc màu nhẹ xanh da trời hoặc trắng... Màu tím được dùng nhiều ở Huế. Đôi khi mặc áo mớ ba nhưng khác miền Bắc là cài cúc kín, cổ áo trong cao hơn cổ áo ngoài chút ít, để lộ ba màu. Thường mặc quần trắng chít ba (nghĩa là hai bên mép cạp quần được may ba lần gấp, mỗi lần khoảng 1cm, để khi đi lại quần sẽ xòe rộng cho đẹp), hân hữu mới mặc quần đen. Các bà để tóc dài, chải ngược lên (gọi là chải lẳng), rồi búi gọn sau gáy. Trẻ tuổi thì để tóc dài, cặp lại phía sau hoặc để tóc ngang vai. [...]



Phụ nữ miền Nam (Sài Gòn)

Phụ nữ miền Nam, các cô gái mặc áo bà ba trắng. Có việc, mặc áo dài phủ lên chiếc quần lĩnh đen. Các bà nhà giàu mặc nhiều áo dài, áo trong cùng dài hơn hơn cả, những chiếc áo ngoài gấu ngắn dần lên một chút để khoe màu sắc khác nhau. Tóc chải ngược lên rồi búi gọn sau đầu, cài trâm vàng hoặc cài hai cái lược cong ở hai bên để giữ búi tóc cho khỏi tuột. Ngoài ra còn đeo dây chuyền nấc. Đầu đội nón cụ, cũng là loại nón đình bằng, đường kính hẹp nhưng thành nón lại khá cao. Riêng quai nón bằng lụa hoặc bằng những sợi tơ ngũ sắc chập lại, từ hai bên hai dải được buộc chung lại ở đoạn giữa ngực người đội rồi thả xuống đến gấu áo dài. [...]

Nhật Bản

Mỗi quốc gia đều có những trang phục truyền thống riêng thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc. Và đối với người Nhật Bản, Kimono chính là niềm tự hào và biểu tượng vô cùng độc đáo của xứ Phù Tang.





糸代田大桑新見

楊海



Sơ lược KIMONO

Đối với Nhật Bản kimono là hình ảnh “duy ngã độc tôn”, nhắc tới Kimono ai cũng biết đó là trang phục truyền thống của đất nước Phù Tang.



Quần áo Nhật Bản (wafuku) là quần áo có nguồn gốc từ Nhật Bản. Trong những năm gần đây, nó còn được gọi là quần áo dân gian ở Nhật Bản. Nó cũng được gọi là kimono.

Trong lịch sử phát triển Kimono có rất nhiều nguồn gốc tạo ra Kimono. Có một số tài liệu cho rằng Kimono xuất xứ từ Triều Tiên vào thế kỉ thứ 7 với áo lót hình dạng Kimono tên là Hitoe. Váy và áo cổ của trang phục này chéo lại, tay áo rộng và nịt lại dưới ngực.

Một số tài liệu khác lại cho rằng Kimono là trang phục phỏng theo trang phục thời Đường của Trung Quốc vì lúc bấy giờ người Nhật đang thịnh hành phục trang theo trang phục “Đường”. Theo tài liệu chung được tạm chấp nhận hiện nay thì Kimono là trang phục được ra đời vào thời Heian. Thời này vào khoảng năm 794 đến 1185. Vào trước thời đại này người Nhật thường mặc trang phục tách liền quần áo và váy ra. Nhưng do ảnh hưởng của phật giáo từ Trung Quốc. Theo gương của các hoàng đế Trung Quốc, thái tử Nhật Siotoku đã áp dụng nghiêm ngặt chế độ trang phục cho quan lại. Tiến thân Kimono bây giờ.

Phòng trưng bày kimono

*Chi tiết chính của cuộn treo; mực và màu trên lụa, 1804
Bản 30, Nhật Bản, của nghệ sĩ Utagawa Toyohiro*



Cô gái Gashu đi bộ và biểu diễn thu pháp.

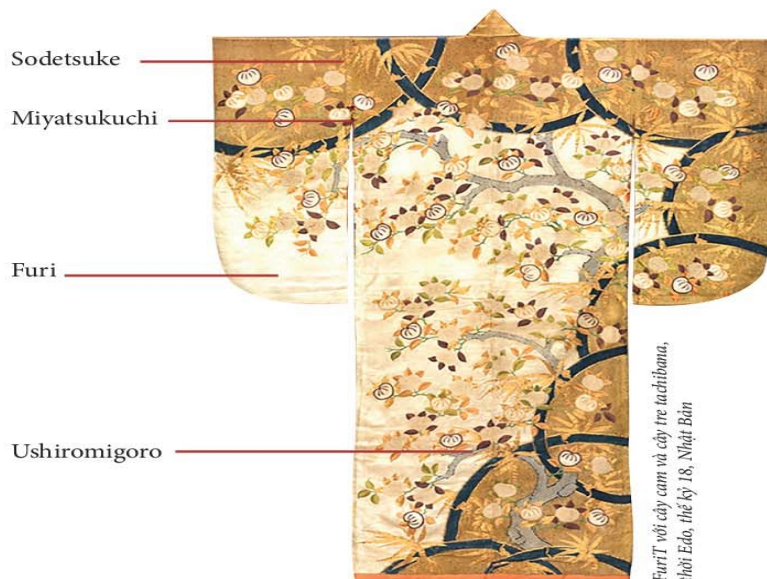
Có lẽ Kimono là trang phục nổi tiếng nhất của Nhật Bản, khởi đầu của bộ Kimono có niên đại từ hơn một nghìn năm trước trong thời kì Heian. Mặc dù hiện tại nó không còn là một sự lựa chọn hàng ngày, nhưng trang phục truyền thống này vẫn được mặc trong dịp đặc biệt, chẳng hạn như đám cưới, đám tang và nghi lễ trà. Kimono tương tự như Kimono hiện tại bắt đầu được mặc trong thời kì Heian của Nhật Bản (794 - 1185). Nó thường được mặc với Hakama (một loại váy dài), hoặc một loại tạp dề được gọi là mo. Sau đó, nó đã trở thành thời trang người ta mặc những bộ quần

áo kiểu Kimono mà không cần Hakama. Điều này có nghĩa là người mặc cần một cách mới để giữ áo choàng đóng lại. Và do đó obi dài rộng đeo quanh eo được sinh ra. Kimono rất phổ biến vì nhiều lý do, chủ yếu là linh hoạt. Nó có thể dễ dàng được xếp lớp hoặc thay đổi để phù hợp với bất kỳ mùa nào. Kimono nặng có thể được mặc vào mùa thu và mùa đông trong khi bộ đồ vải lanh và cotton được gọi là yukata có thể được mặc vào mùa hè. Yukata vẫn thường mặc trong các lễ hội mùa hè và lễ hội pháo hoa.



Cấu tạo Kimono

Kimono gồm có 4 mảnh chính : hai mảnh làm nên thân áo, hai mảnh làm thành tay áo. Các mảnh nhỏ còn lại làm nên cổ áo và miếng lót đẹp



Một bộ Kimono bình thường được thiết kế theo một phong cách tự do, được nhuộm màu toàn bộ bề mặt hoặc dọc theo đường viền. Trước đây người ta mặc Kimono nhiều lớp với màu sắc khác nhau nhưng ngày nay người ta chỉ mặc đơn giản, mặc một lớp áo Kimono phủ bên ngoài một chiếc áo lót. Kimono có thể được trang trí bằng các hoa văn thêu hoặc



nhuộm. Có hai cách tạo màu sắc, hoa văn cho Kimono. Thứ nhất là sử dụng vải Tsumugi dệt từ những sợi nhuộm màu khác nhau và Tsumugi Kimono khi may xong sẽ luôn có màu sắc lẫn hoa văn. Thứ hai là Kimono may từ vải trắng với tên gọi là Iromuji Kimono, sau đó đem vải trắng đi nhuộm và vẽ hoặc thêu hoạ tiết lên trên.

Cách may Kimono

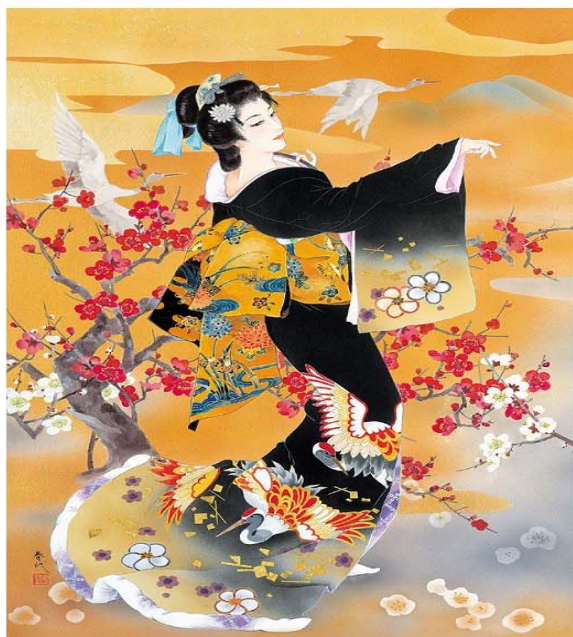
Cách thức may một bộ Kimono là độc đáo. Một mảnh vải dài từ 12 đến 13 mét và rộng từ 36 đến 40cm được cắt thành 8 mảnh. Những mảnh này được may lại với nhau để hình thành cơ bản một chiếc Kimono. Thường thì lụa được sử dụng để may Kimono, nhưng loại Kimono thông thường để mặc vào mùa hè thường chỉ được may bằng vải sợi. Với tám mảnh khác biệt, Kimono có thể dễ dàng thay thế từng mảnh khi bị cũ, phai màu hay rách. Màu cho vải may Kimono có thể thực hiện bằng hai cách: vải may được dệt bằng những loại chỉ màu khác nhau hoặc mảnh vải được nhuộm màu. Loại vải Kimono nhuộm được bắt đầu từ vải trắng, sau đó người ta nhuộm hoa văn hoặc thêu lên vải. Kỹ thuật này làm cho vải có màu sắc sống động. Một ví dụ về loại vải nhuộm là kyo-yuzen, được làm tại Kyoto, với đặc điểm có nhiều màu sắc và những màu này được nhuộm rất tỉ mỉ. Bên cạnh đó, khi cắt may một chiếc áo kimono bạn cũng cần lưu ý những điều sau: Kimono là một chiếc áo choàng, được giữ cố định và chắc chắn bằng một vành khăn rộng cuộn chặt vào người cùng với một sợi dây buộc và dây đai, ống tay áo rộng thùng thình và tương đối dài. Tùy theo tuổi tác của người mặc mà bạn lựa chọn màu sắc vải để cắt may áo kimono. Trong đó những màu có gốc sáng, đặc biệt là màu đỏ, thường được dùng cho phụ nữ trẻ chưa chồng và trẻ em.



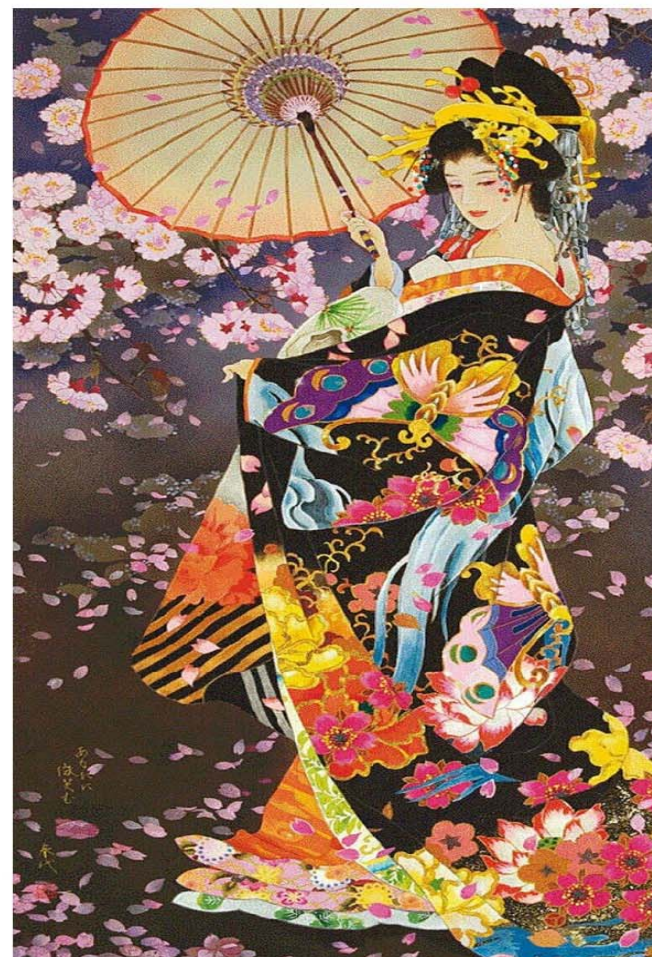
Hashiguchi Goyo, Người phụ nữ trẻ, 1920



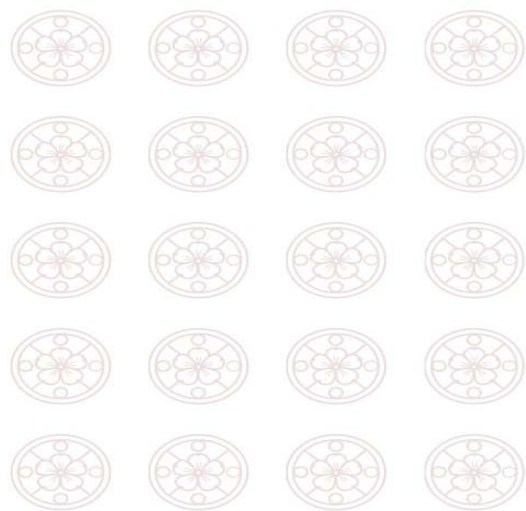
Nhìn chung trang phục Kimono sẽ là sự pha trộn các kiểu trang phục của các nước Trung Hoa, Triều Tiên và người Mông cổ. Để phù hợp với thời tiết khí hậu cũng như văn hoá người Nhật nên kiểu dáng Kimono đã ra đời từ đó. Trang phục nữ sẽ được trang trí nhiều hoạ tiết hoa văn khác nhau bao gồm rất nhiều lớp áo. Đặc biệt hoàng gia, các nàng công chúa có thể mặc lên đến 16 lớp. Bạn có thể căn cứ vào bộ Kimono để biết được người phụ nữ đó đã kết hôn hay còn độc thân. Trang phục dành cho các thiếu nữ thường được trang trí hoạ tiết rực rỡ, màu sắc tươi sáng. Các phụ nhân thì thanh lịch, trưởng thành hơn.



Morita Haruyo Haruyo Morita (1945)



Morita Haruyo Haruyo Morita (1945)



Paintings - Kimono





Phân loại KIMONO

Nhật Bản có nhiều loại Kimono khác nhau để phù hợp cho mục đích, lứa tuổi sử dụng phù hợp

Furisode

Là loại áo dùng để mặc trong những ngày lễ lớn như đi dự đám cưới hay dự tiệc. Đặc biệt Furisode chỉ dành riêng cho những cô gái chưa có chồng. Một trong những điểm đặc biệt của Furisode là ống tay áo rất dài và rộng để che kín được đôi tay và Kimono Furisode thường sẽ là màu sắc tươi sáng và làm bằng lụa chất lượng tốt. Theo văn hoá Nhật Bản, các cô gái tròn 20 tuổi khi làm nghi lễ trưởng thành và đó là lúc họ được mặc Furisode. Trong xã hội của Nhật, mặc Furisode là một tuyên bố rõ ràng rằng đó là một cô gái độc thân đã sẵn sàng để kết hôn.

*Bando tamasaburo sagi musume kimono đỏ của
"blackblizzard661" trên Flickr.*





Yukata

Là một loại Kimono làm bằng cotton bình thường, dùng để mặc trong mùa hè. Yukata không cầu kì như Furusode. Theo truyền thống xưa, áo Yukata thường chỉ có hai kiểu là trắng - xanh đen hoặc xanh đen - trắng, nhưng trong một vài năm trở lại đây áp Yukata đã được thiết kế với nhiều màu sắc nổi bật hơn. Thời xa xưa, áo Yukata chỉ dùng để mặc ở nhà sau khi vừa tắm xong. Nhưng ngày nay, áo Yukata rất được ưa chuộng (cả đàn ông lẫn phụ nữ đều có thể mặc được). Cách thiết kế đơn giản của Yukata là để các cô gái Nhật có thể mặc mà không cần sự giúp đỡ. Yukata thường dùng để mặc trong ngày Bon-Odori (ngày hội nhảy truyền thống của Nhật vào mùa hè) và các cuộc hội hè. Hơn nữa, Yukata còn được sử dụng rộng rãi trong các quán trọ truyền thống.



Phụ nữ Nhật Bản trong trang phục yukata với chất liệu nhẹ nhàng, màu sắc tươi sáng, trẻ trung



Shiromaku Kimono

Có thể gọi đây là trang phục cưới truyền thống của cô gái Nhật bởi nếu đám cưới diễn ra theo truyền thống thì cô dâu sẽ mặc loại Kimono này với tên gọi Shiromaku. Kimono Shiromaku có áo rất dài, có thể chạm đất và toả tròn ra. Chính vì vậy, cô dâu phải có sự giúp đỡ của một người đi kèm theo thì mới có thể đi lại trong chiếc Kimono này. Và màu trắng là màu duy nhất của Shiromaku Kimono vì nó tượng trưng cho sự tinh khiết của cô dâu về cả thể xác lẫn tinh thần.



Thương hiệu hạ cánh đầu tiên của nhà thiết kế cho những người nổi tiếng ở nước ngoài và trang phục màu gốc với giá trị phong phú cũng rất phổ biến.



Hình cô dâu của chiếc mũ bông trắng tinh khiết trang nghiêm



*Phụ nữ Nhật Bản trong trang phục Tomesode
Kimono màu đen tôn lên nét đẹp sang trọng*



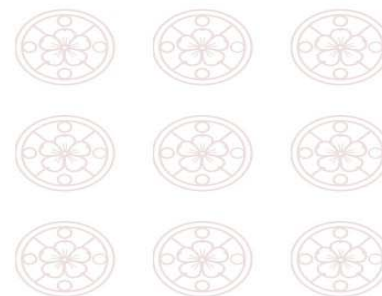
Tomesode kimono

Là loại áo Kimono dành cho phụ nữ đã kết hôn cũng có ý nghĩa như Houmongi song sự khác biệt duy nhất chính là Tomesode sẽ có đính gia huy tượng trưng cho họ tộc bên chồng của người phụ nữ và đây là dạng áo Kimono chỉ mặc vào các dịp lễ trang trọng trong họ hàng như là đám cưới. Nửa trên của Tomesode sẽ là màu đen nhưng từ chiếc thắt lưng thêu và nửa dưới của Tomesode có màu sắc rất sặc sỡ và sáng để phân biệt với Kimono Houmongi.



Quy tắc mặc KIMONO

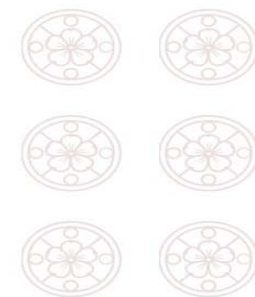
Những bộ Kimono Nhật Bản truyền thống thường mặc rất khó và phải có sự giúp đỡ của một người khác.



Bước đầu tiên phải mặc Kabushi và tất. Tiếp theo đến các đường nối của mặt sau đến trung tâm xương sống, rồi kéo phần bên trái quần chặt cơ thể, sau đó kéo phần thân Kimono bên trái chống lên bên phải. Điều chỉnh sao cho gấu áo dài đến đúng mắt cá chân của người mặc, nếu uốn một lớp vải thừa trên mỗi thắt lưng thì phải luồn dây thắt lưng từ trước ra sau nó, vắt chéo qua lưng và buộc lại. Dây lưng sau khi buộc xong rồi thì sắp xếp vải phía trên cho thật thẳng, xoay quanh người và buộc phía trước. Tiếp đến là bước cuộn dây đai quanh bụng, gấp miếng vải thừa và tạo hình nút thắt thao sở thích của bạn.

Tuỳ loại Kimono mà chọn cho mình giày dép phù hợp, kiểu tóc cũng khá được chú trọng khi mặc Kimono truyền thống. Mặc Kimono cũng cần phải học những nguyên tắc trước sau, trái phải, phụ kiện đi kèm,...việc mặc một bộ Kimono chính thống thường kéo dài từ 1-2 giờ đồng hồ với việc mặc 3 lượt áo Kimono, thắt 7 lần và đeo 2 dây lưng Obi, cài tram, bôi tóc... một dải dây lưng Obi dài đến 4,2 mét, rộng 30 cm và có hơn 100 kiểu thắt dây lưng Obi được quần sát vào người mặc. Sau khi hoàn thành việc mặc Kimono, người phụ nữ Nhật Bản sẽ phải mang thêm trên người từ 7-10 kg trọng lượng của một bộ kimono hoàn chỉnh. Đây quả thật là một cực hình với bất kì những ai mặc Kimono chứ không chỉ riêng gì phụ nữ Nhật Bản.

Các bước hướng dẫn cách mặc Kimono



Người phụ nữ mặc áo xanh
Kimono by Keiichi Takasawa,
thập niên 1970



Phụ kiện cho trang phục

Để có một bộ trang phục Kimono hoàn chỉnh tròn vẹn cần có thêm các phụ kiện đi kèm nhằm tôn lên nét đẹp cho người mặc Kimono.

Juban

Áo lót phải mặc trước khi mặc Kimono để bảo vệ Kimono khỏi bẩn. Được mặc dưới tay áo dài hoặc nửa tay áo. Vì nó tiếp xúc trực tiếp với da, nó được làm từ vải cotton như vải tẩy trắng, và cũng có các sản phẩm gạc và crepe. Nó thường là một tay áo với một cổ áo mỏng. Cổ áo thường có màu đen, xanh nước biển, xám, nâu cho nam, đỏ hoặc đỏ nhạt cho nữ và trắng cho trang phục trang trọng. Một số công được làm bằng ren.



Áo kimono truyền thống của phụ nữ Nhật Bản mặc bên trong

Obi

Là một miếng vải thuôn dài quấn quanh eo Kimono, vai trò là chiếc thắt lưng cố định nếp áo và tạo điểm nhấn cho chiếc Kimono, không những thế Obi còn mang tính hiệu ngấm cho thành phần xã hội.

Có 2 loại Obi :Fukuro Obi - Chỉ được trang trí một mặt và Nagoya Obi - Ở giữa hẹp hơn để thắt quanh người một cách dễ dàng. Một số Obi được làm từ Kyoto và Fukuoka được đánh giá cao về màu sắc,thiết kế phóng khoáng như dệt thêm vàng và bạc lên trên. Người Nhật có hơn 100 cách để buộc Obi khác nhau, trong đó được ưa chuộng nhất là Taiko - Musubi : cách buộc ở đằng sau,có dáng đơn giản,có thể dễ dàng kết hợp với bất cứ loại Kimono nào,không kén chọn tuổi tác. Ngoài ra còn có kiểu Bunko - musubi, giống như bướm bướm đang rù cánh. Kiểu Tateyanoji Musubi,g giống như hai tấm lụa dài vắt chéo sau lưng, kiểu này dành cho các Maiko (Những Geisha thực tập dùng).



Obi hoa văn

Obi thắt chặt

Obi thắt chặt bắt đầu trong những năm văn hóa của thời Edo. Rễ của đai obi là sợi dây mà diễn viên Kabuki , người nổi tiếng thời bấy giờ , buộc chặt đai obi để ngăn trang phục không bị mòn. Nó trở nên phổ biến trong số những phụ nữ bắt chước nó, và vì sự tiện lợi của nó, nó được người dân thường gọi là “obi obi”. Đôi khi nó được gọi là “chuỗi obitome” ở khu vực nông thôn. Ban đầu, dây tròn được sử dụng, nhưng khi việc hủy bỏ thanh kiếm được ban hành vào thời đại Meiji, bím tóc được sử dụng như một thanh kiếm dưới thanh kiếm đã được sử dụng để buộc chặt obi . Sau đó, dây buộc tròn hầu như không bao giờ được sử dụng, và bện bím tóc trở thành chủ đạo. Ngoài ra, độ dài của chuỗi, ngắn trong thời Edo, dần dần trở nên dài hơn và ngay cả sau chiến tranh, các sản phẩm dài đáng kể đã xuất hiện. Một trong những nền văn hóa kimono đã được trồng trọt mãi mãi ở Nhật Bản với bốn mùa, thắt chặt obi được phối hợp xem xét theo mùa và TPO theo kimono. Trong những năm gần đây, với sự phát triển của thiết bị điều hòa không khí, việc nghiền hạt đã được sử dụng ngày càng nhiều bất kể mùa nào. Ngoài ra, mặc dù bím obi thường không được sử dụng cho yukata, việc sử dụng sash cho yukata đã tăng lên trong vài năm qua. Có hai loại dây đeo obi. Một là một chuỗi được gọi là gói bóng, được gọi là kẹo cao su tròn, và một là một bím tóc . Dải bện được chia thành ba loại: “tròn (tròn)”, “vuông (vuông)” và “phẳng (phẳng)”. Braid là một nghề thủ công truyền thống của Nhật Bản đầu tiên đến từ Trung Quốc và sau đó phát triển độc đáo sang Nhật Bản . Phương pháp dệt hàng chục sợi theo nhiều cách khác nhau thay đổi nhịp điệu tùy thuộc vào màu sắc của sợi và độ dày của sợi, cho thấy nhiều biểu thức khác nhau. Chủ đề của vật liệu chủ yếu là tơ nhuộm là sợi, cần có sự tập trung và công nghệ kỹ năng đáng kể để hoàn thành việc buộc một chuỗi. Ngoài ra còn có cả vạt obi hiện đại , và cả vạt obi với hạt thủy tinh được thêm vào các sợi khi lắp ráp đang thu hút sự chú ý do độ sáng lấp lánh của chúng, và được ưa chuộng như một món đồ sở thích mạnh mẽ.



Quạt



Tay cầm quạt mùa

Quạt là một trong những công cụ tạo gió với quạt. Cũng được sử dụng trong các nghi lễ và nghệ thuật biểu diễn. Một vài đến hàng chục xương tre hoặc gỗ mỏng được bó lại và cố định ở một đầu (Kaname), được gấp lại khi không sử dụng và mở ra khi sử dụng. Giấy thường được gắn vào xương, và khi nó được mở ra, phần gắn giấy sẽ trở thành một chiếc quạt hình quạt. Nó có thể được lưu trữ nhỏ gọn bằng cách gấp. Để mở và đóng nó, đẩy xương bằng ngón tay cái bên phải của bạn để đẩy nó mở. Nói chung, nó là dành cho người thuận tay phải, nhưng người thuận tay trái cũng được bán. Cũng có một cách để mở nó bằng cách lắc quạt.



Bộ quạt túi MONOZY lụa đen Sakura Hoa

Vì hình dạng tuyệt vời của nó khi gấp lại, nhiều người yêu thích nó vì nó có thể được sử dụng để làm mát khi đi ra ngoài vào mùa hè. Chiếc quạt đầu tiên xuất hiện được gọi là quạt hinoki được tạo ra bằng cách xếp các tấm gỗ bách mỏng có chiều dài khoảng 30 cm và chiều rộng từ 2 đến 3 cm, và đây là một ví dụ được khai quạt từ thời Nara. Giấy không được dán, lý thuyết xảy ra với dải gỗ của một lỗ ở một đầu bó, nhưng những sợi được buộc qua dây như vậy trong đó. Ngoài ra, việc sử dụng ban đầu của quạt cây bách không phải là mở nó ra và viết nó xuống như một bảng ghi nhớ. Quạt cây bách sau đó được coi là một fan hâm mộ của mùa đông.

Guốc gỗ Geta Nhật Bản

Cùng với hoa anh đào, áo kimono thì những đôi guốc gỗ Geta đã trở thành 1 nét đẹp truyền thống không thể thiếu của xứ Phù Tang.

Mỗi trang phục truyền thống đi liền với giày dép hoặc phụ kiện phù hợp. Chẳng hạn như áo tứ thân người Việt thường đi liền với nón quai thao, guốc mộc thì người Nhật Bản, mặc cùng với kimono trang phục truyền thống của Nhật Bản là đôi guốc geta. Để ý trong các bộ phim Nhật Bản, chúng ta đều bắt gặp hình ảnh người phụ nữ hay người đàn ông Nhật Bản xưa với tiếng “lách cách” của đôi guốc thuở xưa một nét đẹp văn hóa truyền thống của người Nhật Bản. Vậy đôi guốc geta này bắt nguồn từ đâu? Tại sao nó thường đi liền với bộ kimono mà không phải là đôi giày khác? Chúng ta hãy quay ngược thời gian tìm hiểu về nét đẹp truyền thống này của người Nhật Bản nhé! Geta- Phụ kiện không thể thiếu khi diện kimono Geta là đôi guốc truyền thống của Nhật Bản, là sự kết hợp của guốc và dép xỏ ngón. Thường đôi guốc geta này thường làm từ gỗ và vải dù. Đây là phụ kiện không thể thiếu của người Nhật Bản khi diện kimono hoặc yukata.

Cũng có khi, chúng ta bắt gặp người Nhật Bản đi đôi guốc geta trong trang phục hiện đại vào những tháng mùa hè. Do guốc geta được thiết kế khá cao so với giày dép khác như zori nên guốc geta còn được sử dụng sử dụng khi đi trời mưa hoặc tuyết để giữ chân khô. Bên cạnh đó, chúng ta cũng bắt gặp hình ảnh đôi guốc geta trên bàn chân của các đô vật sumo. Những geisha học nghề, còn được gọi là “maiko”, cũng sẽ đi những đôi geta đặc biệt để phù hợp với tabi và trang phục của họ.

Sự độc đáo của guốc geta Theo tư liệu để lại thì guốc gỗ geta bắt đầu xuất hiện và trở nên phổ biến ở thành phố Edo (tức là thủ đô Tokyo bây giờ) từ thế kỷ 18. Guốc geta có một miếng đế bằng gỗ hình chữ nhật với hai miếng gỗ đỡ bên dưới và một cái quai ở bên trên. Các ngón chân giữ lấy phần trên của quai. Guốc được làm từ nguyên liệu chính là gỗ, đôi



Nimaiba geta (guốc của Courtesan), cuối thế kỷ 19 Gỗ, sơn, nhưng, sơn mài Nhật Bản.

khi được vẽ sơn mài, có các thớ nổi để kích thích lưu thông, tuần hoàn máu. Những đôi guốc tốt được làm từ vải dù loại xịn. Hầu hết có trang trí hoa văn theo phong cách truyền thống Nhật: cỏ cây, hoa lá, phong cảnh thiên nhiên... Guốc gỗ geta trở nên phổ biến và hưng thịnh nhất là năm 1955, tuy nhiên sau đó đã giảm dần. Guốc gỗ ngày càng trở nên cầu kỳ hơn, không đơn thuần chỉ bó buộc vào những đôi guốc gỗ bình thường mà guốc geta còn được sơn mài rất cầu kỳ. Âm thanh đặc biệt phát ra từ guốc gỗ geta Có lẽ, ấn tượng nhất khi đi đôi guốc gỗ geta chính là âm thanh “clacking” khi đi bộ. Âm thanh này được phát ra nhờ hai phần hỗ trợ cho geta được gọi là “răng” cũng làm bằng gỗ, nhưng thường rất nhẹ và có 2 răng. Mỗi khi đi bộ, chúng phát ra âm thanh rất đặc trưng, tiếng lách cách trên đường phố. Ngoài ra, có 1 số loại geta với một răng, ba răng.



Ô dù Nhật Bản

Không rõ chiếc ô được giới thiệu đến Nhật Bản khi nào, nhưng người ta nói rằng Baekje đã tặng một tán cây, một chiếc ô của các dụng cụ Phật giáo, vào thời Hoàng đế Kinmei, và nó được gọi là “karakasa” ngay từ đầu. Tang Kukasa vì nó được gọi là “chiếc ô giấy”. Cũng trở thành. Chiếc ô của Nhật Bản được làm chủ yếu bằng tre để làm trục và xương, và được làm bằng giấy chống thấm có phủ chất làm se, dầu hạt lanh, dầu tung, v.v. trên vải ô. Có nhiều loại ô Nhật Bản khác nhau, chẳng hạn như ô bang, ô mắt thạch và ô gấp, và ô mắt thạch là một tờ giấy màu xanh ở giữa và mép ô, và ở giữa. Nó được làm bằng giấy trắng và có một chiếc ô mở trông giống như hoa văn serpentine khi nhìn từ trên cao. Bạn cũng có thể thấy các biến thể như sơn vòng ngoài màu đen hoặc làm se.

Một chiếc ô Nhật Bản chỉ có một vài xương, trong khi một chiếc ô Nhật Bản có hàng chục xương tùy thuộc vào kích thước của nó. Điều này là do phương pháp triển khai của chiếc ô khác với phương pháp của chiếc ô phương Tây và cơ chế hỗ trợ giấy Washi được kéo dài bằng lực tre được sử dụng thay vì làm căng lớp màng thừa. Nó có tài sản là phần giấy Nhật Bản được tự động gấp lại bên trong khi nó được theo đuổi.

Mặc dù ô dù Nhật Bản cực kỳ không thấm nước, nhưng chúng không thể nói là có độ bền tuyệt vời, và do sử dụng nhiều vật liệu tự nhiên, chúng có nhược điểm là nặng hơn ô dù phương Tây. Do đó, quá nặng để triển khai lên trên và để tránh tác dụng lực quá mạnh lên bánh xe hoặc xương của thợ gốm, nó thường được triển khai xuống dưới và sau đó lên trên. Nếu bạn cất chiếc ô lộn ngược như chiếc ô tây, nước mưa sẽ tích tụ trên đỉnh đầu và có thể bị hỏng do lũ lụt, vì vậy cần phải cất nó treo trên trần nhà hoặc mái hiên. Vì giấy Washi được sử dụng rất nhiều, nó gây ra vấn đề xói mòn côn trùng, xói mòn bởi độ ẩm và chống thấm nước trong trường hợp mưa lớn. Ngoài ra, khi sử dụng trong một thời gian dài, màu sắc thay đổi tùy thuộc vào đặc tính của vật liệu. Nếu ô mưa không được sử dụng trong một thời gian dài, dầu để chống thấm có thể dính vào nó và có thể mất thời gian để triển khai.



Một người phụ nữ cầm ô trong tuyết (1892), Nobukuni Gangnam



Làm ô dù Nhật Bản (1860-1910)

Trang trí tóc



Một số loại kẹp thiết kế màu sắc tươi tắn, hiện đại cho giới trẻ hiện nay

Kẹp tóc

Các vật liệu được sử dụng cho Kadori là gỗ sơn mài (gỗ hoàng dương , paulownia , honoki , hoa anh đào, v.v.), kim loại mạ vàng hoặc bạc (đồng thau thường được sử dụng cho sức mạnh trong thời hiện đại), tortoiseshell (bekko), Từ một loạt các vật liệu như ngà voi và lụa , gần đây nhựa (có nhiều loại nhựa khác nhau) cũng được sử dụng. San hô , mã não , ngọc bích và pha lê cũng được sử dụng cho phần trang trí . Một số trong những người hiếm được cho là được làm từ xương sấu hoặc được sử dụng như một người tốt lành . Phạm vi bảo vệ của công nhân thay đổi tùy thuộc vào vật liệu như kim loại và rùa. Vào đầu thời Edo, những con tằm vẫn còn tồn tại có giá trị về chất lượng và vật liệu, và do đó là những vật phẩm sưu tầm quý hiếm . Trên hết, bakelite được làm từ bakelite trong thời kỳ đầu Meiji là một món đồ cổ cực kỳ được đánh giá cao .Trong tiếng Anh, nó được dịch là tiếng Anh : tóc trượt , tóc dính , nhưng vì nó là một vật trang trí truyền thống của Nhật Bản như đã đề cập ở trên, nó cũng có thể được sử dụng bằng tiếng Anh : Kanzashi .Có nhiều kiểu dáng và phong cách mặc. Ví dụ , tùy thuộc vào cách geisha mặc và cách họ mặc chúng, có thể xác định trạng thái của những người quen thuộc với “tsuu” và “suijin”.



Núm vận Kasuri làm việc Hoa Kanzashi Lễ trang trí tóc dành cho người lớn Lễ tốt nghiệp

Trang trí tóc Lễ trưởng thành FuriT. Trang trí tóc FuriT
Phong cách dành cho người lớn Trang trí tóc FuriT
Núm Nhật Bản và phương Tây Công việc Hoa cổ điển
knob Núm Kanzashi làm việc Kanzashi 2 mảnh đặt
"Đỏ đỏ x trắng mặn" Bản gốc của thị trấn Kimono

Lược

Trong số các loại lược, sashigushi cũng được sử dụng như một vật trang trí tóc cũng như vai trò điều chỉnh sự rối loạn của tóc buộc. Vì lược được gọi là “lược” và cũng được hiểu là “chết”, nên không có gì lạ khi thấy Kizen, được gọi là kẹp tóc hoặc trang trí tóc, như một món quà.



Lược Kushi cổ điển. Hoa cúc hiếm Rùa Celluloid Kushi Comb, khoảng năm 1930



Bộ trang trí tóc cổ của Nhật Bản với lược chải đen và tay kẹp tóc được vẽ bằng họa tiết lá tre. thời gian: Khoảng năm 1920 chất liệu: gỗ, sơn mài, khảm xà cừ



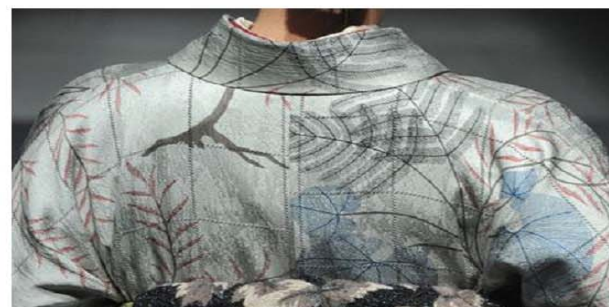
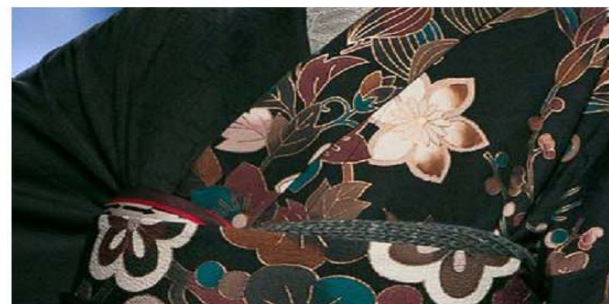
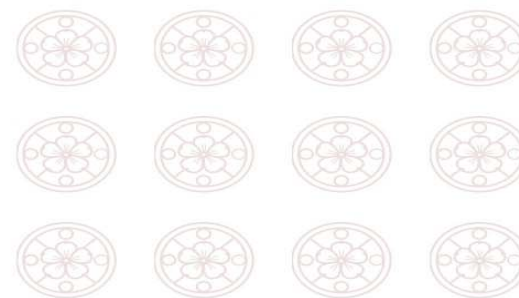
Lược sơn mài Nhật Bản
Nhật Bản, thế kỷ 19. Một chiếc lược hình nửa mặt trăng với trang trí gỗ sơn mài của một con gà trống và gà mái với một cái trống



Màu sắc hoa văn

Màu sắc của hoa văn của Kimono luôn được chú trọng và phối hợp một cách tinh tế, đầy hàm ý.

Đối với Kimono của nữ thường có hoạ tiết hoa lá, cỏ cây, biểu tượng cho tâm hồn yêu thiên nhiên của người Nhật. Đối với Kimono của nam thì rất ít khi có hoa văn, các gam màu cũng tối hơn, có in thêm gia huy của dòng họ, màu sặc sỡ nhất là màu đen truyền thống. Nhìn vào màu sắc của Kimono cũng có thể phán đoán được tuổi tác, hoặc vị trí xã hội của người mặc. Những màu sắc rực rỡ, tươi sáng, đặc biệt là màu đỏ được dùng cho trẻ em và thiếu nữ chưa chồng. Màu sắc trang nhã, gam màu nền nã hơn dành cho các bộ Kimono của những phụ nữ đã lập gia đình. Ngoài ra màu sắc của Kimono cũng biểu thị cho 4 mùa trong năm. Những trang phục dự lễ tang thì màu đen, trang phục cô dâu ngày cưới màu trắng tinh khiết.



*Bộ sưu tập Thu / Đông 2013 của thương hiệu
thời trang Nhật Bản JOTARO SAITO vào
ngày 18/3/2014, tại Tokyo.*



JOTARO SAITO | Tuần lễ thời
trang Amazon TOKYO



Ảnh 12/71 Collection Bộ sưu tập
nam và nữ của JOTARO SAITO
Thu / Đông 2016-17



Trang điểm & kiểu tóc

Lấy hình ảnh đại diện là các nghệ sĩ Geisha luôn xinh đẹp và bí ẩn lớp phấn trắng được phủ đều và dày tạo nên làn da mặt trắng bạch có lẽ là đặc điểm dễ nhận biết nhất của Geisha, càng nhấn mạnh màu đỏ của môi và màu đen của mái tóc Geisha phức tạp.

Trang điểm theo các nàng Geisha

Geisha là nữ nghệ sĩ giải trí, biểu diễn để góp vui, đã xuất hiện từ hàng ngàn năm trước tại Nhật Bản. Theo truyền thống, họ biểu diễn phục vụ giới quý tộc Nhật Bản giàu có, và chỉ chính thức trở thành Geisha sau một quá trình đào tạo khắc khe mất nhiều năm.



Nữ Geisha - Ayano



Tô môi đỏ - 2015

Kiểu trang điểm ấn tượng với khuôn mặt trắng như búp bê sứ và đôi môi đỏ thắm đã trở thành hình ảnh bất hủ về các geisha. Cách trang điểm này chịu ảnh hưởng của bộ môn kịch nghệ kabuki truyền thống của người Nhật, khi mà hàng trăm năm trước, người diễn viên phải biểu diễn dưới ánh sáng mờ ảo của những ngọn nến. Nếu không trang điểm đậm như vậy, thì khán giả sẽ khó có thể nhìn rõ biểu cảm của diễn viên. Ngày nay, nhiều người khi tiếp xúc trực tiếp với các geisha trong điều kiện ánh sáng bình thường đã thừa nhận rằng kiểu trang điểm này không quá đậm như khi nhìn qua ảnh.



Irving Penn 1970 Geisha

Bút chì than truyền thống được sử dụng để vẽ mắt, nhưng ngày nay, người ta sử dụng các dụng cụ trang điểm hiện đại. Lông mày và các viền mắt được tô màu đen; một maiko thường tô một màu đỏ quanh mắt. Khi trang điểm cho mắt, geisha thường rất cẩn thận và vững tay. Một sai lầm nhỏ có thể khiến họ phải bắt đầu quá trình lại từ đầu.





Tóc

Mái tóc cực kỳ quý giá đối với các geisha. Họ gìn giữ tóc bằng nhiều cách kể cả khi ngủ cũng như sử dụng gói chuyên dụng để tránh hư tóc. Thông thường có 4 kiểu búi tóc được nhiều geisha sử dụng:

Taka shimada - kiểu búi cao: Dành cho những người trẻ, chưa kết hôn.

Tsubushi shimada - kiểu búi thấp hơn: Dành cho những geisha đã có tuổi.

Uiwata - búi tóc và quấn một miếng vải màu họa tiết bông

Kiểu búi chia mái: Dành cho các Maiko (người thực tập để trở thành geisha)



Kagui trong October | Maiko Katsura mặc kiểu tóc Sakko



Nhân dịp năm mới



Tạo mẫu tóc theo cách truyền thống
Nhật Bản đầu những năm 1950

Kiểu tóc Nhật Bản được mô phỏng bởi hai geiko
(geisha) từ Osaka, Tondaya Yachiyo và Itakō Chiyo

Thời kì

PHONG KIẾN

Trong thời kì phong kiến nổi trội nhất là thời Kamakura (1192 – 1338) và thời Muromachi (1338 – 1573).

Trong lịch sử phát triển Kimono không thể bỏ qua hai thời kì này. Thời kì của các võ sĩ đạo Nhật Bản. Bộ lễ phục Kimono không chỉ được mặc ở tầng thượng lưu nữa mà giới võ sĩ và tầng lớp binh dân cũng khoác lên mình những bộ Kimono sang trọng. Nó trở thành những bộ trang phục phổ biến trong đời sống hằng ngày. Người dân vào thời kì này thường chuộng màu sắc sỡ. Những bộ Kimono dành riêng cho nữ giới và nam giới có nhiều điểm khác biệt. Đặc biệt trang phục của nam được may thêm quần chèn bên trong. Các võ sĩ đạo cũng tự sáng chế thêm trang phục riêng khi sử dụng trên võ đài. Nó được gọi là Hakama. Với 7 nếp gấp với 2 nếp ở đằng sau và 2 nếp ở trước tượng trưng cho 7 phẩm chất cần thiết trên con đường trở thành võ sĩ đạo. Bộ trang phục này sau này trở nên phổ biến trong nhiều hoạt động vì tính linh hoạt. Từ 1192 - 1333, vào giai đoạn này kinh tế Nhật Bản chủ yếu dựa vào quân sự, quyền hành tập trung vào các Shogun (Võ sĩ), xuất hiện tầng lớp binh sĩ và quân



Tác giả:
Takeji Fujishima

nhân. Những bộ Kimono cầu kỳ đã không còn được ưa chuộng mà thay vào đó là những bộ Kimono ngắn tay, nhẹ nhàng, đơn giản với tên gọi là Kosode, Kosode nhanh chóng được thịnh hành ở giai đoạn này. Kosode mang hình chữ T, tay áo đứng ý nghĩa như cái tên, ngắn và rộng rãi hơn. Các chiến binh sẽ mặc những trang phục màu sắc tượng trưng cho gia tộc của họ. Cho nên đôi khi trên chiến trường màu sắc sỡ như một buổi biểu diễn thời trang. Ở thời kì này Kosode được ưa chuộng. Kosode (tay áo ngắn) Kosode (tay áo nhỏ) là một chiếc áo choàng cơ bản của Nhật Bản cho cả nam và nữ; nghĩa đen của thuật ngữ kosode là “tay áo nhỏ”, dùng để chỉ việc mở tay áo. Nó được mặc cả như một lớp lót và một lớp lót, vì vậy đôi khi nó có thể hoán đổi với một nagajuban (lớp lót dài). Các kosode được mặc theo truyền thống trong thời kỳ Edo của Nhật Bản (1600 – 1868).



Áo kim nữ (Kosode)
Quần áo nhỏ tay với lá mùa thu,
quạt và thiết kế gió hàng

Kosode có hình chữ T, có độ lỏng hơn so với kimono và có độ dài khác nhau. Kosode được mặc với một obi (sash), nhỏ hơn đáng kể so với kimono hiện đại. Thường được mặc với hakama (váy xếp li, váy xẻ) cho nam hoặc naga-bakama (hakama rất dài) cho nữ, như trong trường hợp của miko. Kosode đã phát triển tại một số thời điểm vào cuối thế kỷ 14 và thay thế nhiều loại hirosode không có lớp. Theo thời gian kosode dần phát triển thành nhiều phong cách khác nhau, với các mẫu và vải.



Thời kì EDO

Thời này vào khoảng năm 1603 đến năm 1868. Trong lịch sử phát triển Kimono, đây là thời kì với nhiều thay đổi lịch sử.

Tộc chiến binh Tokugawa lúc này chiếm đóng Nhật Bản. Đất nước Phù Tang bị chia cắt ra thành nhiều vùng đất phong kiến do các lãnh chúa thống trị. Do đó, trang phục của các Samurai mặc trở thành đồng phục. Mỗi một màu tượng trưng cho vùng đất mà họ sinh sống. Kiểu dáng của các Samurai thường được chia ra làm 3 phần bao gồm Kimono, váy Hakama thuận lợi cho di chuyển và y phục không tay mặc ở ngoài gọi là Kamishimo. Kamishimo được làm từ vải lanh, sau đó hồ cứng nó lại để nổi bật phần vai.

Sự ra đời của thắt lưng Obi cũng khiến Kimono có nhiều thay đổi lớn. Nó không chỉ tạo nên sự gọn gàng cho người mặc mà còn mang đến nét thẩm mỹ riêng, tôn điểm thêm nét đẹp cho người mặc chúng. Để tạo nên một chiếc đai Obi cũng cầu kì không kém Kimono. Theo dòng phát triển lịch sử Kimono, nó trở thành một vật dụng không thể thiếu khi mặc Kimono. Tính đến nay có hơn 300 kiểu Obi, nhưng phổ biến nhất là kiểu “Taiko” giống như hình trụ ngang như cái trống. Đây là kiểu truyền thống nhất ưa chuộng cho các quý bà. “Fukura suzume” giống như hình con chim sẻ thường dành cho thiếu nữ.

Người phụ nữ mặc áo
kim sa đen 1783

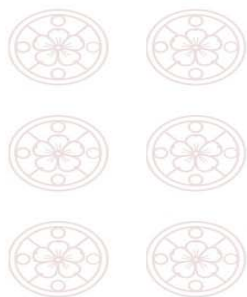




Thời kì Edo được xem là thời kỳ hưng thịnh nhất dưới chế độ Shogun, Kimono lúc bấy giờ được phân biệt nhờ màu sắc và chất liệu tạo nên. Quốc phục này được truyền từ cha đến con, mang đến một giá trị tinh thần vô cùng lớn. Thế nhưng việc bế quan toả cảng của Nhật dưới thời Mạc phủ đồng nghĩa với việc Âu phục được du nhập vào xứ sở hoa anh đào. Có thể hiểu rằng tần suất để người dân mặc Kimono không còn nhiều như trước nữa. Thay vào đó là những trang phục được tiếp nhận từ nền văn hoá của các nước bạn. Thời kỳ Edo đã giới thiệu rất nhiều kiểu dáng và kỹ thuật trang trí, đặc biệt là cho kimono được mặc bởi phụ nữ. Khách hàng chính của kimono là tầng lớp quân đội - samurai - người đã sử dụng quần áo xa hoa và những thứ xa xỉ vật chất khác để báo hiệu vị trí của họ ở trên đỉnh của trật tự xã hội. Do nhu cầu này, ngành dệt đã phát triển và sử dụng các phương pháp dệt, nhuộm và thêu ngày càng tinh vi. Trong thời kỳ này, phụ nữ đã sử dụng màu sắc tươi sáng hơn và thiết kế táo bạo hơn, trong khi kimono của phụ nữ và nam giới rất giống nhau. Sự gia tăng của một tầng lớp thương gia làm tăng thêm nhu cầu về trang phục phức tạp. Trong khi kimono thông thường thường được tạo ra bởi phụ nữ ở nhà, kimono lụa sang trọng được thiết kế và tạo ra bởi các nghệ sĩ chuyên gia thường là đàn ông. Bộ sưu tập Khalili bao gồm một số ví dụ satin trắng có hoa văn, hoa văn hình học hoặc biểu tượng như mây hoặc sóng. Những thứ này sẽ được mặc như trang phục chính thức của phụ nữ samurai. Mỗi liên hệ quân sự rõ ràng hơn trên một bộ kimono màu đỏ tươi được minh họa với những người hâm mộ chiến tranh gun Bạch. Một loại kimono khác dành riêng cho giới thượng lưu quân sự là goshodoki hoặc “phong cách cung điện”, sẽ được mặc trong nhà của một nhà lãnh đạo quân sự (một Shogun hoặc daimyō). Chúng sẽ có những cảnh phong cảnh, trong đó có những mô típ khác thường để cập đến văn học cổ điển. Bộ sưu tập có một số ví dụ về

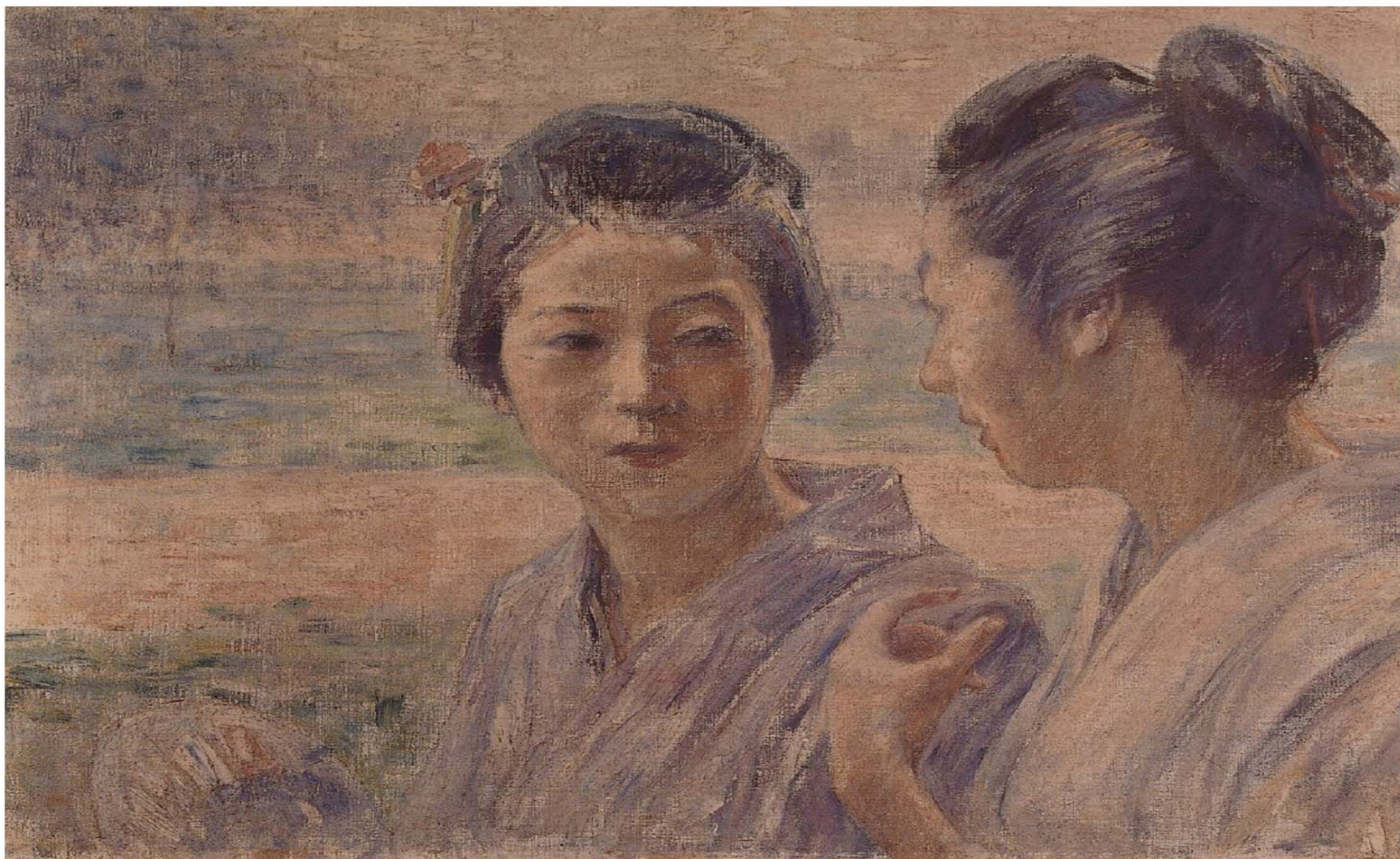
loại hình này, thường có tính biểu tượng để cập đến những câu chuyện được phổ biến bởi các vở kịch Noh. Những người đàn ông Samurai sẽ ăn mặc với một thiết kế tinh tế hơn, được minh họa bằng những món đồ trong bộ sưu tập với các thiết kế hình học tập trung quanh eo. Yogi, hay kimono ngủ, là một dạng dày của bộ đồ giường có thể mặc được. Bộ sưu tập Khalili có một số ví dụ từ các gia đình samurai: trong khi yogi thường có thiết kế đơn giản, chúng đặc biệt phức tạp và được làm bằng lụa thay vì bằng cotton thông thường. Các mặt hàng khác có trang trí phong phú từ chỉ thắt lưng trở xuống, và biểu tượng gia đình trên cổ và vai: một phong cách gọi là tsuma moyō. Những thứ này sẽ được mặc bởi phụ nữ của tầng lớp thương gia. Bộ kimono của phụ nữ thuộc tầng lớp thương gia bị khuất phục hơn so với các samurai, nhưng vẫn mang màu sắc táo bạo và thiết kế đại diện cho tự nhiên. Màu đỏ là màu phổ biến đối với phụ nữ giàu có, một phần vì sự liên kết văn hóa của nó với tuổi trẻ và niềm đam mê, và một phần vì thuốc nhuộm - có nguồn gốc từ nghệ tây rất đắt tiền, do đó, một bộ quần áo màu đỏ tươi là sự phô trương của cái. Các loại vải Ấn Độ, được các nhà nhập khẩu Hà Lan mang đến Nhật Bản, đã được đón nhận nhiệt tình và tìm thấy nhiều công dụng. Bộ sưu tập bao gồm một bộ kimono lờ lợc cho một người đàn ông được tạo ra bằng cách kết hợp các loại vải có hoa văn tinh xảo này với lụa và cotton dệt trơn. Các mặt hàng khác cho thấy các nhà thiết kế Nhật Bản bắt đầu in các thiết kế chịu ảnh hưởng của các mẫu Ấn Độ. Một ví dụ khác trong bộ sưu tập sử dụng vải nhập khẩu từ Anh hoặc Pháp: quyền sở hữu của hàng dệt kỳ lạ này biểu thị sự giàu có và hương vị, nhưng nó được mặc như một loại đồ lót mà thiết kế sẽ không được nhìn thấy. Được mặc bởi những thương nhân ít giàu có, hạ thấp quy mô xã hội, là kimono làm từ cotton hoặc ramie và nhuộm màu chàm, với thiết kế ít đậm đặc hơn nhưng vẫn có nhiều loại thuốc nhuộm, hoa văn và kỹ thuật.





*Kimono mùa hite trắng
giai đoạn Edo.*

Vào khoảng thời kì Edo muộn Do chính sách cách ly, vì lụa không còn được nhập khẩu từ nước ngoài, nên phần lớn lụa được sử dụng ở Nhật Bản là trong nước. Tương đối rẻ tiền, nhưng lụa trong thời crepe Edo nhưng cũng có người thường mặc, trong khoảng năm 1788 từ năm 1783 Nạn đói lớn của Tenmei đã xảy ra, Mặc phủ đã bị cấm đối với những người bình thường vào năm 1785 để mặc các sản phẩm lụa .. Những người bình thường mặc quần áo như cotton hoặc lanh. Người bán hàng rong thường đến trung tâm thành phố và những người bình thường sử dụng trang phục của họ một cách cẩn thận trong khi sửa chữa với những mảnh vải mà họ mua. Đối với quần áo của phụ nữ, thời trang dài tay đã tạo ra một bộ kimono cho váy cưới .Năm 1864, Mặc phủ , người đặt tên cho những người lính đã chinh phục Choshu vì lý do cấm cổng , đã quyết định làm đồng phục quân đội thời đó theo phong cách phương Tây, và người lính của thị trấn Kodenma Jihei Morita đã sản xuất 2.000 bộ quân phục. Tôi đã làm nó trong khi chấp nhận và dùng thử và lỗi. Sản xuất hàng loạt quần áo ở Nhật Bản được cho là đầu tiên miễn là nó được ghi lại.



"Đi dạo" - Tranh sơn dầu của Fujishima Takeji,
bảo tàng Geidai.



Đế quốc NHẬT BẢN

Nhật Bản bị ảnh hưởng mạnh bởi văn hoá nước ngoài. Khi đó chính phủ khuyến khích người dân chấp nhận trang phục và tập quán phương Tây.



Nhân viên chính phủ và quân đội bị bắt buộc mặc trang phục phương Tây cho các sự kiện quan trọng của chính quyền. Đối với công dân bình thường, khi mặc Kimono đến các sự kiện quan trọng thì Kimono phải được gắn thêm huy hiệu gia tộc để nhận biết gia tộc người mặc. Thời kì Meiji (1868 - 1912), thời kì này phụ nữ bắt đầu đi làm, không đơn thuần là chỉ ở nhà làm nội trợ nữa. Vì vậy Kimono thời kì này đòi hỏi sự gọn gàng, không quá cầu kỳ để thuận tiện cho công việc.

Nhật Bản, thời Meiji - Áo kimono mùa hè, Yukata (1868-1912).



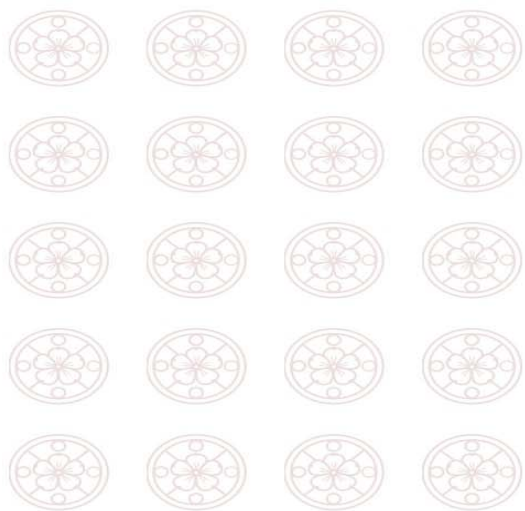
Trong thời đại Meiji, Phục hưng Meiji đã giúp phong trào phát triển công nghiệp của chính phủ gọi là “Shokusan Kogyo” xây dựng một nhà máy sản xuất sợi tơ tằm hiện đại và tăng cường sản xuất tơ lụa. Kể từ khi Nhật Bản mở cửa, ngoại thương đã phát triển và giá trị xuất khẩu của sợi tơ tằm (tơ thô) và các sản phẩm tơ tằm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị xuất khẩu, và Nhật Bản đã được coi là một khu vực sản xuất tơ lụa trên toàn thế giới. Với việc sản xuất hàng loạt sợi tơ tằm, lụa đã trở nên rẻ hơn so với các sản phẩm khác và các loại vải khác nhau đã được sử dụng cho kimono của phụ nữ. Silk Cùng với đó, crepe - Linz, summon, Meisen tăng các loại như. Vải thành phẩm đã được xử lý tạm thời bởi sự phát triển của công nghệ nhuộm, giúp tạo ra các mẫu Yuzen hơn bao giờ hết. Xu hướng nhuộm lụa komon tiếp tục rất phổ biến như quần áo mìn truyền thống từ thời Edo, nhưng các họa tiết sọc và kasuri, được nhuộm trước bằng chỉ nhuộm trước, cũng được ưa thích. Kể từ thời Meiji, quần áo đã được thiết lập tương đối nhanh chóng giữa những người có nhiều cơ hội tiếp xúc với Trung Quốc (hệ thống quý tộc theo Hiến pháp Hoàng gia Nhật Bản) và người phương Tây. Trong trường hợp của các quan chức chính phủ, người ta nói rằng bằng cách mặc quần áo, Nhật Bản có mục đích lôi cuốn người nước ngoài phương Tây mong muốn tìm hiểu khoa học và công nghệ hiện đại ở Tây Âu và hiện đại hóa nó, và thúc đẩy các cuộc đàm phán một cách thuận lợi. Người dân thường tiếp tục duy trì lối sống của họ kể từ thời Edo, bởi vì quần áo vẫn còn đắt tiền, và vì ý thức thẩm mỹ và gắn bó với truyền thống. Quần áo được nhập khẩu từ phương Tây và quần áo đã sớm được sản xuất tại Nhật Bản. Trước đây, quần áo truyền thống ở Nhật Bản được gọi là “Kimono”, nhưng ban đầu, Kimono chỉ có nghĩa là quần áo. Do đó, để phân biệt với quần áo, quần áo trước đây được gọi là “kimono” được gọi là “quần áo Nhật Bản”. Khi quần áo bắt đầu xuất hiện, người ta thường mượn chúng từ các cửa hàng cho thuê trang phục và mặc chúng. Trong thời đại Meiji, quần áo chủ yếu là đồ đi chơi của nam giới và trang phục chính thức, và hầu hết thời gian, quần áo Nhật Bản được sử dụng. Mặc dù có quy mô nhỏ, các cửa hàng cho thuê quần áo và bán lẻ quần áo có thể được mở ở nhiều nơi khác nhau. Kimono nữ là chính, tòa án thậm chí nhỏ Uchigi và Uchigi hakama.

*Nihonbashi Siche Kan: Oshu Komon Nho
Tôkyo Nihonbashi. Đó là chiếc Oshu Komon mà
Sakusen đã nhuộm.*

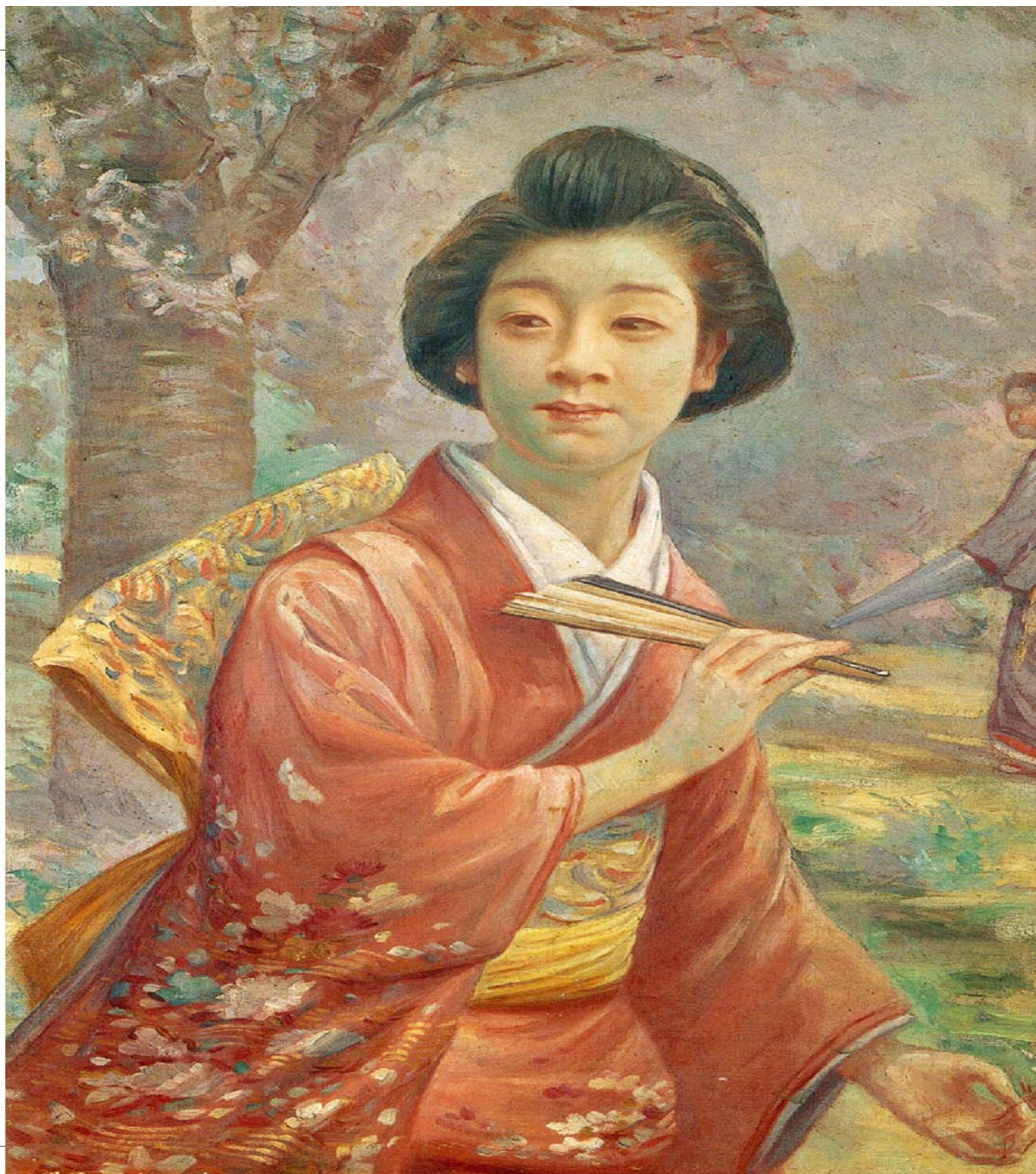


Bộ sưu tập kimono của Khalili.

Bộ sưu tập Khalili có những món đồ minh họa cho xu hướng của thời đại Meiji. Một số có màu trơn, đậm với thiết kế phức tạp xung quanh viền. Công nghệ của thời gian cho phép chuyển màu tinh tế thay vì đột ngột thay đổi màu sắc. Một xu hướng khác là cho hàng may mặc bên ngoài và bên trong có cùng kiểu dáng. Một xu hướng trong thời đại Meiji là dành cho phụ nữ mặc kimono được làm bằng cách kết hợp các mảnh vải khác nhau, đôi khi có màu sắc và kiểu dáng hoàn toàn khác nhau. Bộ sưu tập có các ví dụ về những điều này. Đối với nam giới, xu hướng dành cho kimono dưới trang trí cao sẽ được bao phủ bởi kimono bên ngoài được thiết kế đơn giản hoặc rất đơn giản. Trong số các ví dụ của Khalili, một bộ đồ lót mô tả những người biểu diễn và vũ công trong những bài thơ haiku. Một cảnh khác kết hợp những cảnh giống như bưu thiếp về sự tiến bộ của Nhật Bản với một cuốn nhật ký văn bản về thời đại Meiji. Ngay cả quần áo của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ cũng sử dụng màu sắc táo bạo, thiết kế phức tạp và các vật liệu phổ biến cho thời trang người lớn. Bộ sưu tập có nhiều ví dụ, bao gồm bộ kimono và áo lót kimono của một cậu bé, được trang trí bằng cần cẩu và cây thông, và một bộ đồ con gái kết hợp áo ngoài màu xanh đậm với lớp lót màu đỏ tươi. Đến thời kì Showa từ những năm 1926, thiết kế của những bộ Kimono cũng trở nên ít phức tạp hơn. Sau thế chiến thứ 2 khi nền kinh tế Nhật Bản dần được khôi phục thì Kimono bắt đầu được ưa chuộng trở lại và được làm ra với số lượng lớn và vẫn giữ được nguyên vẹn hình dáng ban đầu. Từ năm 1881 (Meiji 14) đến năm 1945 (Showa 20), tại các trường tiểu học ở Nhật Bản, nữ sinh đã tham gia các lớp học may để làm quần áo như kimono. Mục đích của giáo dục may này là dạy cho phụ nữ các kỹ thuật cơ bản của nghề may như một thợ may Nhật Bản để phụ nữ có thể tự may quần áo cho họ và gia đình họ, và nó được khuyến khích mạnh mẽ. Vào thời điểm đó, nhìn chung không có máy may, và chúng được may bằng tay.



*"Người đẹp dưới tán Anh Đào" - họa sĩ
Fujishima Takeji - Bảo tàng Sekisui.*



Hàn Quốc



Mỗi triều mỗi đại là một loại trang phục khác nhau. Trải qua mỗi thời đại, trang phục truyền thống của người dân Hàn Quốc nói chung và của nữ giới nói riêng lại có những thay đổi, nhưng tựu chung lại, chúng vẫn luôn là những điểm sáng kết tinh văn hóa truyền thống Hàn Quốc.



Các thiết kế Hanbok nằm trong bộ sưu tập thời trang của nhà thiết kế Lee Do Kyuk (S/S 2013).



Giới thiệu chung

HANBOK

trong dòng chảy lịch sử

Hanbok là trang phục độc đáo của Hàn Quốc. Trong lịch sử, người dân Hàn Quốc mặc quần áo độc đáo, và các vị vua và quý tộc đã giới thiệu nhiều trang phục khác nhau để tạo ra thời trang và mặc quần áo khác nhau theo hình thức của họ dựa trên phần áo ngắn và váy dài – hai bộ phận cơ bản nhất của Hanbok.

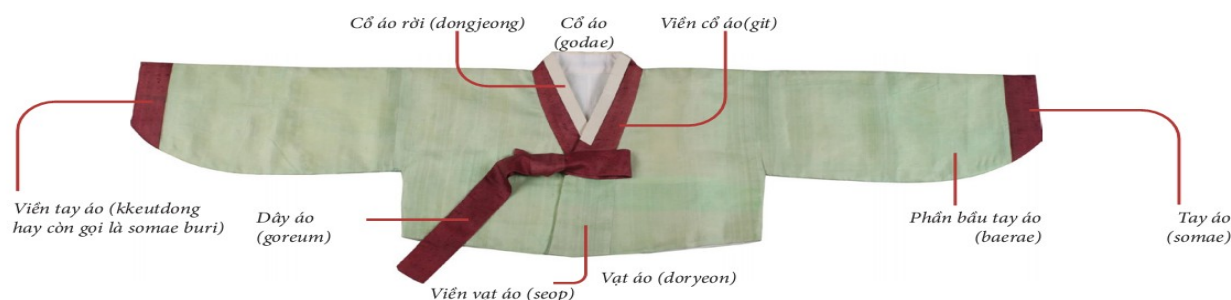
Thành phần của Hanbok

Hanbok của phụ nữ gồm 2 phần: phần áo khoác ngắn trong hanbok (Thân trên (jeogori)) và phần váy (Phần váy (chima)). Dưới lớp áo là áo lót, dưới lớp váy gồm váy lót và quần lót.

- Các lớp áo**
1. Lớp áo trong cùng (Hoeijang-jeogori)
 2. Lớp áo ngoài
 3. Lớp áo khoác (Jeogori)



- Các bộ phận áo**
1. Cổ áo (godaes)
 2. Viền tay áo (kkeutdong hay còn gọi là somae buri)
 3. Tay áo (somaes)
 4. Dây áo (goreum)
 5. Phần vạt dưới phải (u)
 6. Vạt áo (doryeon)
 7. vạt nằm trên (vạt nằm trên (gil))
 8. Phần bầu của tay áo (baerae)
 9. Chỗ ráp nối thân áo và tay áo
 10. Viền cổ áo (git)
 11. Phần cổ rời (dongjeong)



Phân áo (jeogori)

Thân trên (jeogori) đã được mặc từ thời cổ đại và có nhiều tên như yu, boksam và uihae trong thời Tam Quốc (57 TCN – 668CN).

Thân trên (jeogori) bao gồm phần chiếm nhiều diện tích nhất của chiếc áo, bao phủ phần trước và phía sau cơ thể (gil), viền trang trí cho cổ áo (git), phần cổ áo màu trắng có thể tháo rời đặt phía trên git (dongjeong), dây buộc vạt áo tại thắt lưng của (goreum). Dây cột vạt áo là phần dây dài nối với vạt áo trên gắn kết với vạt áo dưới. Dây buộc truyền thống thì ngắn và hẹp còn dây buộc hiện đại khá dài và rộng. Viền cổ áo chạy từ cổ dọc xuống phần thân.. Thân trên (jeogori) càng ngắn lại nên phần dây áo dần trở nên dài hơn và chỉ đóng vai trò trang trí. Dongjeong là phần cổ áo trắng có thể tháo rời, được làm riêng vì cổ áo là phần dễ dính mồ hôi. Dongjeong được làm ra để tiện lợi trong việc giặt giữ quần áo, đóng vai trò quyết định sự gọn gàng của

thân áo. Dongjeong được quấn 1 lần trên cổ áo thân trên (jeogori), 1 lần nữa trên áo khoác (durumagi). Hình thức của phần áo ngắn ngoài (jeogori) cũng đã thay đổi nhiều theo thời gian. Nếu phần thân trên (jeogori) nam có ít thay đổi, thì ở áo nữ bị rút ngắn lại trong triều đại Triều Tiên (Joseon) vào cuối thế kỷ 19. Tuy nhiên, phần thân trên (jeogori) hiện đại dài hơn một chút và đường xẻ vạt áo từ cổ áo cũng mở rộng. Theo truyền thống, phần thân trên (jeogori) được làm từ lụa, gai. Ba mảnh Jeogoris (áo khoác) này được xếp lớp với nhau khi chúng được phát hiện từ lăng mộ Yi Khan. Jeogori ở phía dưới, Hoeijang-jeogori có kích thước nhỏ nhất trong số ba và có sự kết hợp màu sắc trang trí trên cổ áo, cổ tay áo, nách áo và cả vạt. Lớp jeogori giữa hai mảnh trên được nhồi bông.

Váy lót (sokchima)

Phần váy (chima) là phần thân váy được mặc cùng với jeogori, hoặc một chiếc áo khoác ngắn trong hanbok, trang phục truyền thống của Hàn Quốc. Nó cũng được gọi là sang hoặc gun.

Phần váy gồm nhiều lớp, gồm quần lót, quần dài bên trong, váy lót và váy chima bên ngoài.

Khi so sánh các bức tranh tường vào khoảng thời Cao Câu Ly (Goguryeo), người ta tin rằng phụ nữ Cao Câu Ly (Cao Câu Ly (Goguryeo)) mặc váy trước và mặc jeogori bên trên, và đeo thắt lưng quanh váy.

Tuy nhiên, nhiều người cho rằng mặc váy (chima) và áo ngắn (jeogori) không quy củ như thế cho đến triều đại Cao Ly (Goryeo). Trong thời kỳ Tân La (Silla) thống nhất, phần váy dài được mặc bên trên áo, giống với nhà Đường (Trung Quốc).

Phần váy (chima)

Người phụ nữ thời Goguryeo mặc váy chima trước và áo jeogori bên ngoài, phủ lên trên thắt lưng. Váy được may từ vải hình chữ nhật có nếp gấp. Phần đai áo sẽ giúp cho váy quấn quanh cơ thể. Sokchima có cách may tương tự như váy ngoài. Cho đến đầu thế kỷ 20 khi đai áo được thêm vào, biến đổi thành lớp áo lót không tay và váy lót.

Có nhiều loại váy (chima) khác nhau: Loại một lớp, loại hai lớp và loại bằng bông. Phần váy rời (pul-chima) có phần lưng tách biệt, khi mặc sẽ buộc lại phía sau trong khi phần váy liền (tong-chima) có phần lưng được may lại giống như các loại váy hiện đại.

Tầng lớp thượng lưu thường sử dụng ramie làm vải để làm cổ áo mùa hè trong khi lụa trơn có hoa văn được sử dụng trong suốt phần còn lại của năm. Ngược lại, người dân thường bị hạn chế sử dụng bông.

Phụ nữ ở tầng lớp cao mặc váy (chima) dài chấm đất trong khi phụ nữ ở tầng lớp thấp hơn mặc váy (chima) ngắn hơn, chỉ dài đến bắp chân. Quý tộc Hàn Quốc mặc váy dài để khẳng định địa vị xã hội của họ.

Màu sắc: Các cô gái và phụ nữ chưa kết hôn thường mặc váy đỏ, trong khi phụ nữ có chồng và phụ nữ trung niên mặc màu xanh; phụ nữ lớn tuổi mặc màu xám.



Jeogori và Chima được phát hiện sớm nhất trên các hang động vào thời Tam Quốc Triều Tiên tại vương quốc Goguryeo.

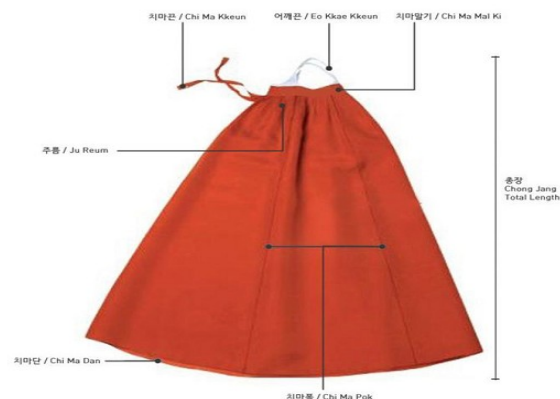


Các lớp bên dưới váy Chima :

1. Quần lót
2. Quần dài
3. Váy lót



Váy chima



Các bộ phận của váy (chima):

1. Chima-kkeun: dây buộc váy
2. Eo-kkae-kkeun: quai váy để xỏ vào tay
3. Chima-maiki: phần bo vào tạo đường cong
4. Ju-reum: phần lót
5. Chong-jang: Toàn bộ phần váy
6. Chima Dan: vạt váy
7. Chima-pok: tà váy

Cách mặc Hanbok

1. Mặc đồ lót và quần lót trước
2. Mặt váy lót để tạo độ phồng cho váy chima, cố định váy bằng dây buộc hoặc như Hanbok hiện nay có sẵn chun bao quanh, phần chun cao đến che quá ngực nên có thể mặc thêm áo jeogori lót hoặc không.
3. Sau đó mặc váy chima lên, buộc dây phía sau để tránh cộm phía trước
4. Cuối cùng, mặc áo jeogori.
5. Phần quan trọng là thắt nơ goreum sao cho đẹp. Goreum cần được thắt về bên tay phải người mặc, độ rủ mềm mại vừa phải để giữ được nét nữ tính và thanh lịch của phái nữ. Vải của bộ áo không được để nhàu và chima phải giữ được nếp và độ phồng.

Durumagi

Là loại áo khoác ngoài hanbok. Loại áo này thường được mặc ngoài cùng áo ngắn (jeoguri) và váy (chima). Durumagi có nghĩa là “áo kín quanh thân”, và cũng có tên gọi khác như jumagui, juchauui hay juui. Durumagi là áo mặc ấm và cũng là áo được dùng cho mục đích nghỉ lễ.

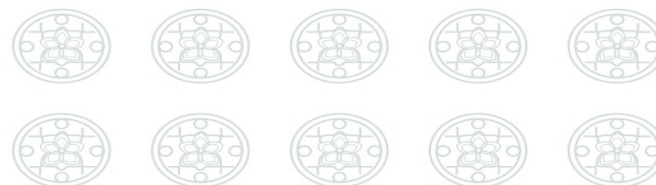
Nguồn gốc của áo durumagi có ít nhất từ thời kỳ Cao Ly (Cao Câu Ly (Goguryeo)), cho dù ảnh hưởng của Mông Cổ trong thời kỳ Cao Ly (Cao Ly (Goryeo)) đã làm thay đổi bề ngoài của loại áo này. Tay áo ngắn và rộng đã được kéo dài ra và thu hẹp lại theo phong cách áo khoác Mông Cổ xurumakci, người ta cho rằng tên gọi durumagi xuất phát từ đây.

Trong Triều đại Triều Tiên, áo durumagi ít được mặc như áo khoác ngoài nhưng lại được giới quý tộc mặc như áo khoác trong nhà còn giới bình dân mặc lúc ra ngoài. Năm 1884, vua Gojong của Đế quốc Đại Hàn đã ban dụ quy định thống nhất mẫu áo cho các tầng lớp trong xã hội. Tuy nhiên, chỉ dụ này vấp phải nhiều chống đối và phải đến 10 năm sau, sau cuộc cải cách Gabo năm 1894 thì durumagi mới trở nên phổ biến chung là một trang phục trang trọng.



Áo nubi-durumagi làm bằng vải nhung của Lee Young Hee. Tk.18

THỜI TAM QUỐC

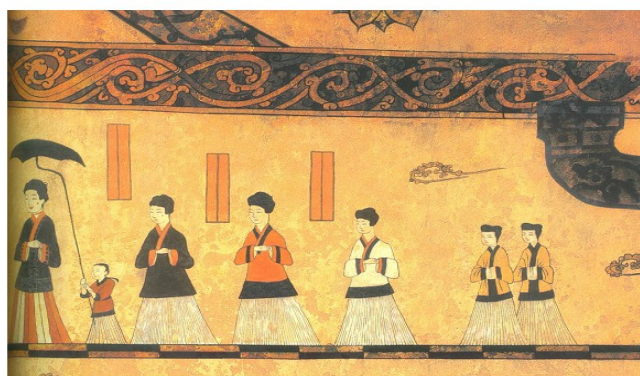


Thời Tam Quốc (37–676 TCN), Hàn Quốc được trị vì bởi 3 vương quốc Cao Câu Ly (Goguryeo), Bách Tế (Baekje), Tân La (Silla).

Thời Tam Quốc, trang phục về cơ bản đều có cấu trúc để mặc áo bên trên Yu (top) tương tự với jeogori, phần dưới là quần hoặc chima. Đặc biệt, quần áo quân vương và quý tộc đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Quốc. Vì ba quốc gia nằm liền kề nhau về mặt địa lý và có dân dòng chảy tương tự với các nền văn hóa liền kề, trang phục ba nước cho thấy sự tương đồng về tổng thể. Hình thức cơ bản trang phục thời Tam Quốc tập trung vào áo (jeogori) và váy. Gồm một chiếc áo khoác có tay áo hẹp và quần ống hẹp, để những người du mục có thể cưỡi ngựa mà không bị khó chịu khi di chuyển. 'Yu', có nghĩa là áo ngắn (jeogori) trong thời kì này, áo jeogori ở thời kì này dài xuống đến hông. Cổ áo xẻ dài theo hướng thẳng xuống. Tay áo của Yu vừa khít với cơ thể, phản ánh cuộc sống của những người lái xe hoạt động nhiều cần giữ ấm. Trên lớp áo (Yu), bất kể thời tiết nào, đều mặc áo khoác 'Po'.



Bằng chứng lâu đời nhất liên quan của Hanbok được vẽ trong các bức tranh thời Cao Câu Ly (Goguryeo) trước thế kỷ III trước Công nguyên.



1. Kiểu tóc phụ nữ quý tộc và hoàng gia Goguryeo. Tranh được khai quật ở mộ quần Yì phu nhân.
2. Váy áo jeogori và chima Silla. Jeogori thời đại này dáng dài qua hông. Váy dài chấm đất xếp ly.
3. Bích họa đầu tiên vẽ áo jeogori và váy chima xuất hiện ở thời Goguryeo.

Cao Câu Ly (Goguryeo)

Cao Câu Ly được thành lập vào năm 37 trước Công nguyên, có lẽ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, là một vương quốc ở phía bắc bán đảo Triều Tiên và Mãn Châu. Đây là một trong Tam Quốc (Triều Tiên), cùng với Bách Tế, Tân La.

Nghệ thuật Cao Câu Ly - được bảo tồn chủ yếu thông qua các bức tranh tường trong lăng mộ - nổi tiếng với những hình ảnh mang tính cường tráng và tràn đầy khí lực. Những bức họa chi tiết có thể được thấy trong các lăng mộ cổ của Cao Câu Ly và nhiều tác phẩm trang trí trên tường khác. Các bức bích họa trên vách hang động, lăng mộ đã khắc họa phục người dân Câu Cao Ly thời đó thường gồm có :

Yu Yu (Jogori Yu): Chiều dài của áo khoác đi xuống hông với chiều dài dài hơn so với áo (jeogori) hiện tại.

Hầu hết các loại mở áo đều mở ra phía trước, phía trước xẻ dài theo hướng thẳng xuống, được mặc bằng cách xếp từ trái sang phải.

Đường viền áo chạy quanh cổ áo, phần cuối tay áo có màu khác với nền.

Thắt lưng: Một băng vải to buộc thắt lưng để ngăn áo bị bung ra.

Áo khoác: Mọi người đều mặc áo khoác bất kể danh tính để bảo vệ bản thân trước cái lạnh. Dây áo thân trên được buộc ở phía trước và dây phần váy (gun) được buộc từ phía sau để chúng không bị chồng lên nhau.

Cao (quần cao): Cả nam và nữ đều mặc quần trong lúc bấy giờ.

(Người thuộc tầng lớp thấp hơn)

Váy (gun) dài quét đất, được xếp ly vòng quanh váy, có đường viền trang trí ở vạt váy tầng lớp quý tộc.

Chấm đồ ở mí mắt, son môi đỏ làm tăng thêm phẩm giá của quý cô. Vải sử dụng loại lụa cao cấp,thêu trang trí lá vàng dưới vạt, nhằm tăng thêm sự tinh tế. Quý tộc chủ yếu mặc quần áo với tay áo rộng và quần rộng, và người dân thường mặc chủ yếu là tay áo hẹp và quần hẹp.



Phụ nữ gia đình khá giả mặc Yu vạt thẳng và váy xếp ly bên trên lớp quần (cao).



Thường dân

Người phụ nữ có chồng trang phục gọn gàng. Người phụ nữ mặc áo dài đủ để che mông, mặc váy quần để vượt qua cái lạnh. Thường dân mặc chủ yếu là tay áo hẹp và quần hẹp. Phụ nữ Goruyo mặc váy dài xếp li, được làm bằng vải bố hoặc da động vật.



Tỳ nữ quý tộc

Quần áo của người giúp việc phải hoạt động nhiều, phù hợp với cơ thể hơn so với chủ nhân. Tay áo ngắn, hẹp và váy ngắn lộ ra quần dài bên dưới.



Nữ quý tộc cầm quyền

Váy và áo đều dài, áo được tạo thành từ nhiều mảnh vải chắp nối để kéo dài tay áo.



Trang điểm



1. Tranh tìm thấy trong mộ Yi phu nhân thể hiện các kiểu tóc phu nhân thời đó.
2. Kiểu tóc của hoàng hậu Goguryeo.

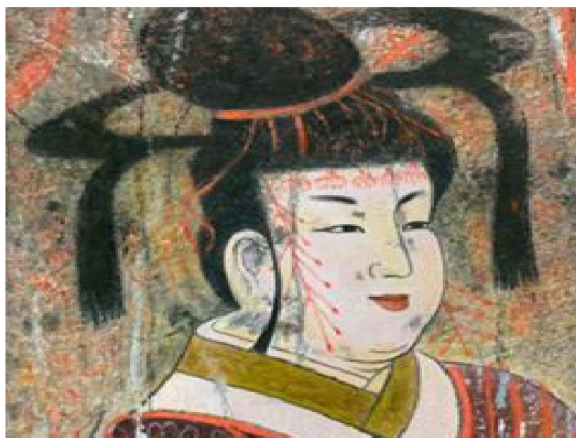


Các kiểu trang điểm và quan điểm thẩm mỹ của Goguryeo là một khuôn mặt tròn, lông mày mỏng và làm tóc, các kiểu trang điểm bị ảnh hưởng bởi Trung Quốc.

Mọi người đều thích trang điểm, bất kể địa vị hay giàu nghèo.

Theo bức tranh tường lăng mộ cổ ở Susan-ri và Ssangyoungchong, trang điểm của những quý bà hoặc hầu gái đã được miêu tả khái quát trên đó.

tất cả các nhân vật chính của bức tranh Ssangyoungchong đều trông giống quý tộc, tất cả họ đều chải tóc rất đẹp, tia lông mày và dùng phấn má.



1. Tranh tìm thấy trong mộ Yi phu nhân thể hiện các kiểu tóc phu nhân thời đó
2. Kiểu make up của các quý tộc thời đó.
3. Make up cô dâu thời Goguryeo.



Bách Tế là một vương quốc nằm tại tây nam bán đảo Triều Tiên. Đây là một trong Tam Quốc Triều Tiên, cùng với Cao Câu Ly (Goguryeo) và Tân La (Silla).

Bách Tế do Ôn Tộ (Onjo) thành lập, ông là người con trai thứ ba của người sáng lập Cao Câu Ly là Chu Mông (Jumong) và Triệu Tây Nô (So Seo-no). Bách Tế cùng với Cao Câu Ly và Tân La, có lúc chiến tranh và cũng có lúc liên minh với nhau. Vào thời kỳ đỉnh cao của mình, khoảng thế kỷ 4, Bách Tế kiểm soát hầu hết miền tây bán đảo Triều Tiên, phía bắc lên đến Bình Nhưỡng.



Hoa văn trên cổn miện hoàng hậu Bách Tế (Baekja)

Bách Tế (Baekja)

Phụ nữ Bách Tế (Baekje) không trang điểm và để tóc tết hoặc duỗi thẳng ra. Những người phụ nữ cũng sử dụng những đồ trang trí đẹp mắt như hoa tai, dây chuyền, vòng tay và nhẫn bằng vàng, có thể thấy khi nhìn từ các cuộc khai quật của lăng mộ vua Muryeong.

Nữ hoàng mặc một phần áo với phần tay áo rất rộng và thắt lưng bằng to bên trên áo, bên dưới là một lớp váy dài chấm đất, đeo vương miện được trang trí với Kimhwa (kim hoa), bông tai bằng vàng, đeo vòng tay bằng vàng và bạc, và vòng cổ bằng vàng, ngọc, hoặc hạt thủy tinh. Các tấm vàng được khâu lại với nhau.

Tay nghề trang trí vàng và bạc của Bách Tế (Baekje) được khẳng định trong các cuộc khai quật Lăng mộ Hoàng gia, vượt trội hơn so với bất kỳ quốc gia nào khác cùng thời kỳ, đồng nghĩa chất lượng trang phục và phục sức của Bách Tế (Baekje) cũng rất cao.



Địch y hoàng hậu Bách Tế (Baekja)



Các nghệ nhân Bách Tế đã tiếp nhận nhiều ảnh hưởng của Trung Quốc và tổng hợp chúng thành một truyền thống nghệ thuật độc đáo. Các chủ đề về Phật giáo có ảnh hưởng cực kỳ mạnh mẽ trong nghệ thuật Bách Tế. Tượng được tìm thấy trên nhiều tác phẩm điêu khắc Phật giáo đã thể hiện sự nhiệt tình đặc trưng của văn hóa Bách Tế.



Y phục Bách Tế (Baekja)



Y phục Bách Tế (Baekja)



Tân La (Silla)

Tân La (57 TCN– 935 CN) là một trong Tam Quốc Triều Tiên, và là một trong số các Triều đại duy trì liên tục lâu nhất trong lịch sử châu Á.

Vương quốc do Phác Hách Cư Thế (Park Hyeokgeose) sáng lập, ông cũng được biết đến với vị thế là người khởi thủy của dòng họ Park (Phác) tại Triều Tiên, tuy nhiên Triều đại này lại do gia tộc Kim Gyeongju nắm giữ ngai vàng trong hầu hết 992 năm lịch sử.

Các ghi nhận chủ yếu cho thấy tầng lớp quý tộc và vương hậu đều mặc tay áo rộng và quần rộng, người dân thường mặc chủ yếu là tay áo hẹp và quần hẹp. Cả đàn ông và phụ nữ đều mặc áo dài qua móng bên trên Ooty / Weihai (Yu), váy với quần bên trong Gaban (Cao) và áo khoác ngoài (Po).

Phụ nữ quý tộc và vương phi đội miện vàng trên đầu. Họ cũng mặc áo ngắn tay và đeo khăn choàng cổ trang trí quanh cổ.

Vương miện : Vương miện vàng được sử dụng bởi hoàng gia (biểu tượng của sức mạnh tuyệt đối và là biểu tượng của hàng thủ công kim loại Tân La (Silla). Hoa tai cũng thể hiện sự tuyệt vời trong kỹ năng chế tạo và thẩm mỹ cao của Tân La (Silla).



Vương miện hoàng hậu Tân La (Silla)



Trang phục của hoàng tộc Silla

Màu sắc

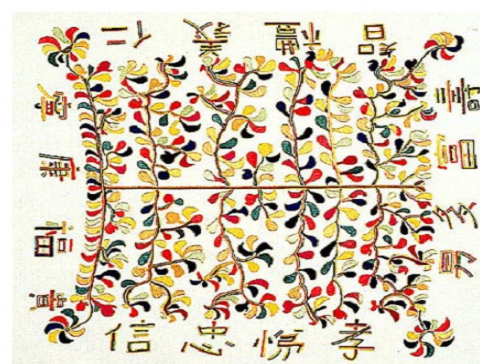
Kể từ thời Tam Quốc, năm màu sắc cơ bản : Đỏ - Đen - Trắng - Vàng - Xanh trời được sử dụng dựa trên triết lý âm dương và ngũ hành của phương Đông và được phân chia thể hiện cấp bậc trong hoàng gia. Ngoài ra, từ văn hóa của dân tộc Baekui, quần áo có màu trắng được sử dụng trong thời gian dài đầy thành kính, màu sắc của Hanbok cũng gồm một màu chính - màu sáng và một màu tối để tạo sự tương phản với màu trắng. Các tông màu tự nhiên được tái tạo ẩn tượng trong thời hiện đại như đặc trưng khiến màu sắc hanbok sang trọng hơn. Các màu tự nhiên như màu chàm, tím và màu nghệ tây, cũng như các loại thuốc nhuộm tự nhiên như dưa hấu và đỏ với màu nâu đỏ, đang làm cho màu sắc trang phục trở nên đa dạng hơn.

Nghề thêu

Trong Tam Quốc, các quý tộc Cao Câu Ly (Goguryeo) rất thích các sản phẩm thêu lụa và trong quá trình phát triển đã họ đã tạo ra những hoa văn thêu độc đáo. Mặt khác, vì Bách Tế (Baekje) có Tân La (Silla) có mối liên hệ gần gũi về văn hóa với Trung Quốc và Cao Câu Ly (Goguryeo), nên có nhiều hình thức thêu tinh tế và đơn giản như Yeonhwa, Indong Arabesque và Woonmun. Kỹ thuật thêu dưới sự ảnh hưởng của Phật giáo được khuyến khích rộng rãi trong xã hội và trở nên phổ biến trong thời kỳ Tân La (Silla) thống nhất vì sự ảnh hưởng của Phật giáo lúc này rất to lớn, đó là quốc giáo trong thời kỳ Cao Ly (Goryeo). Trong quá trình phát triển đó, các hoa văn thêu thường mang các hình ảnh hoa cúc, hoa sen, mùa thu lá, tre, mận, và nhiều hoa văn mang triết lý Phật giáo khác cũng xuất hiện.



1. Trang phục phụ nữ quý tộc Silla. Thịnh hành một chòàng khăn như nhà Đường Trung Quốc.
2. Trang phục thiếu nữ Silla. Áo jeogori vạt xéo nhẹ, váy dài.



Hoa văn Phật giáo thời Silla

TÂN LA THÔNG NHẤT (Unified Silla)

Sau khi thống nhất, khi văn hóa của Tân La (Silla) phát triển mạnh mẽ hơn, có nhiều sự phát triển và thay đổi trong quần áo, trong khi đó cũng là lúc sự sang trọng lên đến đỉnh điểm.

Trong thời kỳ Tân La Thống Nhất bị ảnh hưởng mạnh mẽ từ thời Đường (Trung Quốc). Sau khi thống nhất Tam Quốc, chính sách hòa nhập của người tị nạn Cao Câu Ly (Goguryeo) và Bách Tế (Baekje) đã được phát triển, và trao đổi với nhà Đường đã phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, như trong xã hội Tân La (Silla) dựa trên hệ thống tổng hợp, kiểu dáng hoặc trang phục được quyết định theo thứ bậc trong xã hội. Hệ thống trang phục bị ảnh hưởng mạnh từ nhà Đường, có ghi chép cho thấy nhiều đặc điểm của trang phục thời Đường được phản ánh trong Hanbok của phụ nữ và trở nên phổ biến đối với phụ nữ quý tộc. Mặt khác, Bột Hải (Balhae), người kế thừa Cao Câu Ly (Goguryeo), ban đầu cho thấy sự kế thừa của hệ thống trang phục của Cao Câu Ly (Goguryeo), chẳng hạn như mặc quần áo trang trọng truyền thống của Hàn Quốc.

Tân La thống nhất bán đảo Triều Tiên, phía Bắc tới Bình Nhưỡng, xa hơn nữa về phía Bắc là Bột Hải. Văn hóa Triều Tiên thời kỳ này đã chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hóa Trung Quốc (chữ Hán, Nho giáo, Phật giáo) đã du nhập vào Triều Tiên từ thời Tam quốc Triều Tiên, chữ Hán cũng là văn tự chính thức của Tân La Thống Nhất (Unified Silla).



Trang phục thiếu nữ quý tộc Tân La (Silla) mang nhiều yếu tố giống với thời Đường (Trung Quốc) bởi phần váy nằm trên phần áo.



Sau đời vua thứ ba có qua lại với nhà Đường, những nhà quý tộc cũng học theo trang phục nhà Đường, người ta ước tính rằng người dân nói chung đã trộn lẫn một số quần áo của Cao Câu Ly (Goguryeo) và các nước nhỏ khác (Malgat, Georan). Trang phục Tân La thống nhất (Silla) bị ảnh hưởng nhiều bởi nhà Đường (Trung Quốc) với phần váy chữ A xòe rộng thay vì suông như các triều đại trước. Đây cũng là thời kì duy nhất váy chima nằm trên áo jeogori phồng theo trang phục nhà Đường.

Trang phục thiếu nữ quý tộc Tân La (Silla) mang nhiều yếu tố giống với thời Đường (Trung Quốc) bởi phần váy nằm trên phần áo.

CAO LY

(Goryeo)

“Khi Cao Ly (Goryeo) trở thành một quốc gia giàu có trong thế kỷ 13 có nhiều ảnh hưởng bởi triều Nguyên, công chúa Mông Cổ được gả đến hoàng gia Cao Ly (Goryeo) và ảnh hưởng đến trang phục ở tầng lớp quý tộc trong triều đình. Những nữ quý tộc Cao Ly chịu ảnh hưởng trực tiếp của giới thượng lưu Mông Cổ. .”

Trang phục quý tộc

Những nữ quý tộc Cao Ly (Goryeo) chịu ảnh hưởng trực tiếp của giới thượng lưu Mông Cổ. Theo triều đại Cao Ly (Goryeo), những người phụ nữ quý tộc ra đường đều phải đeo một loại nón che mặt gọi là mongsu. Nó được làm bằng lụa đen bao trùm một phần đầu. Seongun là một loại áo phủ bên dưới, được mặc bên dưới nhằm mở rộng chiều rộng váy giống như một triều đại Joseon. Vì vậy, váy được mặt giống như tạp dề với dây buộc cố định ở phía sau, vì để làm váy trở nên to hơn nên váy này rộng và dài. Có vài ý kiến cho rằng váy được mặc bằng cách buộc ở ngang nách, những người phụ nữ trong gia đình giàu có thể có đến bảy đến 8 mảnh vải để làm váy bên trong đến đến váy. Jokduri có nguồn gốc từ mũ của phụ nữ Mông Cổ đôi khi ra ngoài, nó bắt đầu được sử dụng trong khi các cuộc hôn nhân giao hảo giữa Cao Ly (Goryeo) và nhà Nguyên của Trung Quốc diễn ra. Tuy nhiên, jokduri trong thời kỳ Cao Ly (Goryeo) được cho là to hơn và cao hơn so với thời kỳ Triều Tiên (Joseon).

Trang sức Cao Ly

Trong triều đại Cao Ly (Goryeo), người ta cho rằng đồ trang sức sử dụng kim loại quý rất phát triển với vòng đeo tay và đồ trang trí kiểu nút ngọc, dây chuyền và đồ trang trí. Seokyo được xây dựng bởi Cao Ly (Goryeo) Dokyung sử kí đã viết: “Các mệnh phụ tầng lớp quý tộc ở Hàn Quốc đã đeo những bông tai vàng và túi vàng trên thắt lưng của họ. tay và đồ trang trí kiểu nút ngọc, dây chuyền và đồ trang trí. Seokyo được xây dựng bởi Cao Ly (Goryeo) Dokyung sử kí đã viết: “Các mệnh phụ tầng lớp quý tộc ở Hàn Quốc đã đeo bông tai vàng và túi vàng trên thắt lưng của họ.”Trình độ chế tác phục sức, trang sức ở Cao Ly (Goryeo) thời kỳ này hết sức tinh vi và nổi bật.



1. Phục sức công chúa Mông cổ liên hôn đến Cao Ly.
2 Phụ nữ quý tộc ra ngoài đều phải đội mongsu.



Nhận xét chung

Triều đại Cao Ly (Goryeo) đến thời vua Gwangjong đã đạt đến đỉnh cao quyền lực tập trung vào tay quân vương. Vào thời vua Gwangjong, vương quốc Cao Ly (Goryeo) đã có những điểm khác biệt về quần áo và màu sắc, dựa trên xuất thân của mỗi người. Theo đó, Gwangjong đã định nghĩa bốn màu: tím, đỏ, xanh nhạt và tím hai năm sau khi thực hiện trong quá khứ.

Mặc dù ảnh hưởng của hàng may mặc của các quốc gia khác đối với hanbok không kéo dài hoặc hơi hợt, nhưng chỉ có Mông Cổ có tác động lớn bất thường, về mặt thực nghiệm gây ra thay đổi thị giác ở hanbok. Khi Cao Ly (Goryeo) trở thành một quốc gia giàu có trong thế kỷ 13 có nhiều ảnh hưởng bởi triều Nguyên, công chúa Mông Cổ được gả đến hoàng gia Cao Ly (Goryeo) và ảnh hưởng đến trang phục ở tầng lớp quý tộc trong triều đình. Như một minh chứng, chúng ta có thể nhìn vào Jeogori, nó trở nên ngắn hơn khi nó đi qua thời kỳ Tam Quốc đến Triều đại Cao Ly (Goryeo) và Triều đại Triều Tiên (Joseon). Nhưng chiều dài của Jeogori thay đổi theo dòng chảy của thời gian, chiều dài và hình dạng của váy cũng biến đổi khác nhau.

3. Phụ nữ quý tộc ra ngoài đều phải đội mongsu và nón đội.
Đây là tiền thân của noeuri thời Joseon.
4. Trang phục hoàng hậu Cao Ly.
5. Trang phục cưới của hàng hậu Cao Ly.



Địch Y Hoàng hậu

Hà Bí

Địch y (Chijeokui) là loại áo choàng nghi lễ màu đỏ với các vòng tròn xuống gấu áo của cả hai tay áo và ở phần dưới của vạt sau. Địch Y thời Cao Ly có màu đỏ với hà bí đen.

Địch y

Hà bí (hapi) là một loại phục sức khoác trên vai của các nữ quyền hoàng gia. Nó giống như một chiếc áo khoác đặc biệt chỉ có duy nhất phần cổ áo rất lớn và vạt giữa cân xứng hai bên. Cao Ly bị ảnh hưởng bởi trang phục thời Tống, tùy theo phẩm cấp cao thấp ra sao thì Hà Bí có sự khác nhau về màu sắc và hoa văn. Đến cuối thời Cao Ly, phục sức này tương đối gần giống với triều Minh khi có quy định cực kì chi tiết về cấu tạo của Hà Bí, và có sự khác biệt rõ rệt về giai cấp.

Địch y của Minh Thánh vương hậu, vợ vua Hiến Tông vào cuối triều Cao Ly, dựa trên Quốc triều tục Ngũ Lễ nghi tự lệ. Đến đầu thời Joseon cũng sử dụng lễ chế địch y như thế này.

Quý tộc và người thường

Seongun là một loại váy lót bên dưới, được mặc bên dưới nhằm mở rộng chiều rộng váy giống như một triều đại Joseon. Vì vậy, váy được cố định ở phía sau, vì để làm váy trở nên to hơn nên váy này rộng và dài. Có vài ý kiến cho rằng váy được mặc bằng cách buộc ở ngang nách, những người phụ nữ trong gia đình giàu có thể có đến bảy đến 8 mảnh vải để làm váy bên trong đến độn váy.

Trang phục người phụ nữ Cao Ly điển hình với Jeogori dài dụng hông và váy xếp ly đến mắt cá chân.



Trang phục thị tỳ và bé gái Cao Ly với phần váy chima chỉ dài qua đầu gối, vạt áo thẳng xuống và được buộc lại bởi thắt lưng. Bên trong bận quần Po lộ ra.



Trang phục thị tỳ và bé gái Cao Ly với phần váy chima chỉ dài qua đầu gối, vạt áo thẳng xuống và được buộc lại bởi thắt lưng. Bên trong bận quần Po lộ ra.

TRIỀU TIÊN (Joseon)

Thời Triều Tiên đã chủ xướng hai giai đoạn phát triển văn hóa rực rỡ. Jeogori (phiên âm là xích cổ lý) ở thời kì này bị bó chặt và rút ngắn lại.

Vào thế kỷ 16, jeogori được rút ngắn trên của thắt lưng và sau đó vào khoảng thế kỉ 19, lên ngang ngực.

Đặc điểm của trang phục ở trung kì thời Triều Tiên (Joseon) là cả hanbok nam và nữ đều có phần lưng áo dài rơi xuống phía dưới thắt lưng. Lúc đầu, jeogori của phụ nữ dài, rộng và che eo. Dựa trên xu hướng này, jeogori của phụ nữ được rút ngắn xuống chưa từng có vào cuối triều đại Triều Tiên, chiều dài của Jeogori bị giảm xuống, trong khi chiếc váy trở nên dài và rộng chưa từng thấy. Jeogori từng dài khoảng 65 cm vào thế kỷ 16, 55 cm ở thế kỷ 17, 45 cm ở thế kỷ 18 và 28 cm ở thế kỷ 19, với một số ngắn tới 14,5 cm.

Theo đó, để che phần có thể bị lộ ra giữa váy và áo vì áo không thể che hết phần bên dưới, họ quấn một miếng vải vào phần này để che chắn, được gọi là heoritti hoặc mặc áo lót jorinmal để che ngực.

Xu hướng mặc jeogori ngắn với heoritti đã được bắt đầu bởi gisaeng và nhanh chóng lan sang phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu. Phụ nữ thuộc tầng lớp thấp kém không theo trào lưu này mà chỉ mặc 1 lớp jeogori ngắn để lộ ngực sau khi sinh con để tự hào rằng họ đã sinh con trai.

Geodeulji là một mảnh vải trắng nhỏ được gắn vào mép tay áo của hanbok để che tay vì cho thấy bàn tay trước mặt người cao niên được coi là không lịch sự trong triều đại Triều Tiên (Joseon).



Hanbok thời Triều Tiên (Joseon) vào thế kỉ 18 với các đường nét cơ bản gần giống nhất với hanbok hiện đại.



Chiều dài của jeogori bị rút ngắn qua các năm



Tranh hoàn chỉnh vẽ một thiếu phụ vào thế kỉ 18 với jeogori ngắn, hình bóng của Jeogori đã được thay đổi thành hình dạng như một chiếc chuông. Hanbok ngày nay là sự kế thừa của hanbok thời kì Joseon.



Các kĩ nữ đã quấn một miếng vải vào phần này để che chân, được gọi là heoritti hoặc mặc áo lót jorinmal để che ngực.



Để che chân khi ra đường, họ đội nón neoui nhằm hợp với tóc giả gia thế.

Phụ nữ phát cuồng vì tóc giả - gia thế (Gia thế (gache)) vào những năm 1788, Vua Jeongjo của Triều Tiên (Joseon) đã cấm và cấm theo sắc lệnh của hoàng gia về việc sử dụng Gia thế (gache) vì họ bị coi là trái với các giá trị của Khổng giáo đang thịnh hành trong xã hội lúc đó.

Neoul là loại nón cao có khăn che mặt được sử dụng bởi nữ quý tộc thuộc giới thượng lưu. Họ đội nó khi ra ngoài, tham dự các nghi lễ, đặc biệt khi cưới ngựa. Chiều dài và màu sắc của neoul được phân biệt bởi địa vị. Nữ hoàng và các phi tần có màu đen dài, còn nữ quý tộc dùng khăn ngắn màu xanh. Neoui có nguồn gốc từ khăn Mongsu thời Goryeo.



Địch y hoàng hậu Triều Tiên

Áo mặc ngoài của trang phục Ví Địch nguyên gốc màu đen huyền thêu hoa văn chim trĩ. Sang tới thời Đường- Tống nó được thay bằng màu xanh thẫm, trên thân áo thêu hoa văn chim trĩ 12 hàng, tổng cộng 134 con, viền tay áo và cổ áo đều thêu rồng, kiểu thiết kế này được dùng tới hết thời Minh-tương đương đầu giữa thời Triều Tiên.

Mặc dù vậy Lễ phục Ví Địch vẫn có sự biến dị nhất định theo từng thời điểm - hoàn cảnh - quốc gia.

Với Triều Tiên thay vì đội mũ Phượng quan thì hậu phi lại búi tóc thành búi lớn (Hoặc đội một bộ tóc giả lớn) sau đó cài trang sức và trâm vàng lên mái tóc đó, chính số trang sức trên tóc là thứ phân biệt đẳng cấp.

Ở viền tay áo, thay vì những vòng tròn hoa văn phượng như hoàng hậu Cao Ly đã mặc đúng theo thể chế nhà Tống- Minh thì Triều Tiên thêu rồng.

Triều Tiên Nhân Tổ - Nhân Hiến vương hậu trong Võ Địch

Triều Tiên Cao Tông, vị vua thứ 26, cũng là vị vua đầu tiên của nhà Triều Tiên xưng danh hiệu Hoàng đế trong khi các vua trước của Triều Tiên chỉ xưng Vương. Ông cho đổi tên nước thành Đế quốc Đại Hàn năm 1897 và xưng ngôi Hoàng đế, trở thành Hoàng đế đầu tiên của Đế quốc Đại Hàn. Đại Hàn giữ quan điểm “ nội đế, ngoại vương”, các loại triều phục đều có sự thay đổi từ màu đỏ (thường dành cho vương) sang vàng (cho đế), trang phục cho hoàng hậu cũng không ngoại lệ.



Hình 1. Địch y vào đầu vừa giữa thời Triều Tiên với hoa văn vòng tròn ở viền tay áo.
Địch y triều đại Anh Tổ đã thay đổi một chút sang phong cách Hàn Quốc (thêu nguyên bản (hoa văn chìm trĩ tròn) trên cả hai tay áo).
Hình 2. Địch y giữa thời Cao Ly sau khi được phong Triều Tiên quốc vương.

Trang phục giới quý tộc

Đường y (Dangui)

Đường y (dangui) là một loại áo được vương hậu, vương phi mặc như trang phục thường ngày đơn giản hoặc cho các nghi lễ quốc gia nhỏ, các mệnh phụ quý tộc mặc nó như một trang phục hàng ngày.

Đường y (dangui) có thể được chia thành hai loại tùy thuộc vào số lớp áo gồm 2 loại : hai lớp (đường y (gyeop-dangui), và một lớp duy nhất (đường y (hot-dangui)). Cái trước thường được mặc trong mùa đông trong khi đường y một lớp (hot-dangui) còn được gọi là dang-jeoksam hoặc dang-hansam được mặc cho mùa hè.

Đặc điểm của đường y (dangui) là nhấn mạnh vẻ đẹp của những đường cong trang phục. Hình thức của đường y (dangui) tương tự như của jeogori, nhưng chiều dài của cả mặt trước và mặt sau tới đầu gối đều gấp ba lần so với jeogori với mặt trước dài hơn mặt sau.

Tay áo của đường y (dangui) hẹp với các đường nối và viền được uốn cong.

Các đường y (dangui) cho Nữ hoàng, công chúa hoặc hoàng thân thường có họa tiết geumbak (lá vàng) được trang trí từ phần vai qua phần cuối của tay áo, cũng như mặt trước và mặt sau, và goreum. Trong các mẫu geumbak, hình minh họa hoa hoặc dơi hoặc Hanja để cập đến tuổi thọ (su,), tài sản (bok,) hoặc hạnh phúc kép (hui,) đã được sử dụng. Chỉ có Nữ hoàng (vương phi) mới được sử dụng hoa văn phượng hoàng trên ngực áo.



Đường y được mặc bởi vợ vua Yeongchin



Đường y được mặc bởi hoàng hậu với phần ngực thêu phượng hoàng.

Hoa văn

Hanboks cho đến triều đại Triều Tiên (Joseon) có các mẫu khác nhau tùy thuộc vào trạng thái của chúng, và có nhiều loại mẫu khác nhau, chẳng hạn như đường mạ vàng, thực vật, động vật và mô hình hình học. Chúng có ý nghĩa riêng trong mỗi mẫu. Đặc biệt, hoa mẫu đơn, hoa hồng và hoa văn nguyên bản chủ yếu được sử dụng cho trang phục cưới. mỗi mẫu được nói là ví dụ từng cái một, vị thần có ý nghĩa duy nhất của mỗi nghiên cứu được tượng trưng cho dấu hiệu tốt lành đi và một hình ảnh gọn gàng. Hổ và rồng cho thấy sự quý phái của địa vị của họ cùng với bộ phận. Glyph là những khái niệm bao gồm thêu, lá vàng và điêu khắc, và các mẫu khác nhau không chỉ hanbok, mà còn chiếm một nét trong văn hóa Hàn Quốc.



Nghê thêu

Vào thời của triều đại Triều Tiên (Joseon), thêu theo phong cách Hàn Quốc đã xuất hiện, và ngay cả những người dân thường cũng tự do thêu dệt khỏi sự ảnh hưởng của Phật giáo, và sự chia sẻ của họ trong khu vực tư nhân được mở rộng và mở rộng. Chẳng hạn, ý thức về cái đẹp đã được nâng lên đến mức có một hàng phòng thủ dành riêng cho việc thêu thùa trong cung điện.

Lá vàng

‘Pak’ có nghĩa là vẽ một mảnh giấy Hàn Quốc và tạo hoa văn bằng cách chạm khắc. Lá vàng và lá bạc là đại diện, và lá vàng là hoa văn khắc vàng. Cho đến triều đại Triều Tiên (Joseon), trang trí của Park thường được sử dụng trên hanbok của phụ nữ để trang trí váy và áo, chủ yếu ở cổ áo khoác, dọc theo viền gấu áo dưới váy. Thời kỳ giữa Triều Tiên (Joseon) nơi Kim Jong-hee của Wandang Kim sống, giấy vàng và giấy bạc đã được sử dụng rộng rãi ở Trung Quốc và Nhật Bản, và được nhập khẩu vào Hàn Quốc.



Trang trí geumpak trên y phục của hoàng hậu

Các loại mũ thời Joseon



Jokduri được cài trên tóc như một món trang sức thường nhật với giới quý tộc sau khi tóc giả gia thể (gache) bị cấm.

Jokduri

Vào thế kỷ 19, phụ nữ quý tộc thuộc tầng lớp yangban –tầng lớp thống trị bắt đầu đội jokduri, một chiếc miện nhỏ thay thế cho tóc giả (Gia thể (gache)). Tuy nhiên, tóc giả (Gia thể (gache)) vẫn được yêu thích rộng rãi và sử dụng rộng rãi trong giới kỹ nữ và các đám cưới truyền thống. Vào cuối thời Triều Tiên (Joseon), Vua Yeongjo (1724-1776) và Jeongjo (1776 Ném1800) cấm phụ nữ ăn mặc khêu gợi bao gồm cả tóc giả và thay vào đó, khuyến khích họ đội jokduri. Jokduri trở nên phổ biến vào trung kì Triều Tiên (Joseon). Tuy nhiên, một số gia đình đã bán tất cả tài sản cho cuộc hôn nhân của con gái và chuẩn bị jokduri. Kết quả là, jokduri như một vật thay thế cho tóc giả gia thể trong danh sách của hồi môn.



Ayam

Ayam và Jobawi là một loại mũ mùa đông được phụ nữ và các cô gái đội để chống rét. Trong cả hai loại, dạ dày đều mở và bịt tai. Ở phía sau, dải đuôi phía sau mũ Ayam được xếp thành hàng xuống như thắt lưng.

Cả hai loại đều là mũ, nhưng sự khác biệt nằm ở Ayam không bịt tai. Ayam và Jawbawi được sử dụng mà không phân

biệt. Ajam nhanh chóng biến mất khi

Jawbawi trở nên

phổ biến và biến

mất nhanh nhất

trong số các thành phần của Hanbok. Do đó, như một loại mũ mùa đông,

Jobawi được sử dụng rộng rãi từ nửa trên của triều đại Triều Tiên (Joseon) cho đến người dân thường. Phần che tai được hơi lõm vào bên trong và được lót bằng vải để tránh gió. Mặc dù hai loại không được phân biệt rõ ràng về màu sắc, lớp lót và màu bên ngoài của đá là khác nhau, và thay vì sử dụng màu. đen hoặc tím, lớp lót sẽ có màu ngược lại.

Jobawi



Jobawi được đội bởi những người phụ nữ quý tộc lớn tuổi.

Jobawi là một loại mũ mùa đông truyền thống của Hàn Quốc với phần mũ kéo dài che phủ tai được đội bởi phụ nữ, chúng được làm bằng lụa. Kể từ lần đầu tiên xuất hiện vào cuối thời Triều Tiên, nó đã được sử dụng rộng rãi để thay thế cho ayam (mũ có đuôi dài phía sau). Mặc dù jobawi cũng được đội bởi giới thượng lưu cũng như thường dân, nhưng nó chủ yếu được sử dụng bởi giới quý tộc thời đó như một chiếc mũ đội đầu trang trí khi họ đi ra ngoài. Ngoài ra, jobawi còn được đội vào những dịp đặc biệt. Jobawi cũng không che trên đỉnh đầu giống như các loại mũ mùa đông khác như ayam, nambawi và pungcha. Nhưng nó che phủ hoàn toàn trán và tai ở hai bên nhằm chống lại cái lạnh.

Nambawi



Nambawi là một loại mũ mùa đông truyền thống của Hàn Quốc được cả nam và nữ đội trong thời kỳ Joseon để bảo vệ chống lại cái lạnh. Các tên khác cho nó là pungdengi và nani (nghĩa đen là tai ấm lên). Nambawi cũng được gọi là egom (nghĩa đen là “che tai”) được đeo vào đầu thời Joseon, mặc dù nó có nguồn gốc từ nắp. Ban đầu nó được giới thượng lưu mặc như một chiếc mũ hàng ngày, nhưng lan sang người bình dân và phụ nữ trong thời kỳ sau đó.

Nambaw không che trên đỉnh đầu giống như các loại mũ mùa đông khác như ayam và jobawi, cả hai đều được điều chỉnh từ nó, nambawi che phủ hoàn toàn trán, lưng và tai ở hai bên để cung cấp sự ấm áp chống lại cái lạnh. Bộ lông viền thường có màu đen, nâu sẫm hoặc xanh đậm và tua rua có màu hồng.

Áo trùm đầu

Jang-ot

Aó trùm đầu (Jang-ot) được sử dụng bởi những người phụ nữ tầng lớp bình thường vào cuối triều đại Joseon như một tấm màn che mặt của họ.- Jangot tương tự như. Sự khác biệt là, một jangot có cổ áo (git) và phần dây để buộc (goreum). Nó cũng từng được sử dụng để trùm đầu bởi phụ nữ tầng lớp quý tộc vào trung kì Joseon.



Hình 1. Thiếu nữ trùm Jang-ot vào thế kỉ 18.
Hình 2. Phục dựng trang phục cuối thời Joseon
tại Bảo tàng quốc gia Hàn Quốc.



Sseugae chima

Nếu Jang-ot là áo trùm đầu của thường dân thì sseugae-chima là áo trùm đầu của các phụ nữ quý tộc. sseugae-chima thì ngắn nhỏ hơn một chút so với váy chima thông thường nhưng không có dây cột áo và có phần bo áo màu trắng.



Hình 1. Tranh Đôi lứa dưới trăng của Shin Yun-bok (1758-1858)
Hình 2. Ảnh chụp thiếu nữ choàng sseugae chima vào đầu thế kỉ 19



Trang trí tóc thời Joseon

Gia thế (gache) là một bộ tóc giả lớn được phụ nữ Hàn Quốc đội. Phụ nữ ở tầng lớp quý tộc, trong cung và và kĩ nữ (kisaeng) rất thích đội chúng. Giống như đương thời người phương Tây coi tóc giả to hơn và nặng hơn để có tính thẩm mỹ hơn. Một gia thế (gache) thường nặng khoảng 3 đến 4 kg bao gồm các đồ trang trí.

Gia thế có chiều dài dao động từ 33 cm đến 40 cm và khi nó trở thành tài sản độc quyền của phụ nữ đã kết hôn, phong tục gửi một chiếc kẹp tóc đính ước như một lời dạm hỏi cũng bắt đầu từ đây.

Baetssi

Baetssi là một kiểu tóc của các cô gái trẻ

Vào triều đại Triều Tiên (Joseon), vào ngày trở thành người lớn, các cô gái đã tổ chức một buổi lễ để trở thành người lớn bằng cách đặt binyeo lên đầu.

Đối với tất cả các kiểu tóc, bạn sẽ nhận thấy rằng từ Meori được sử dụng rất nhiều. Meori có nghĩa là “đầu”, “tóc trên đầu”, hoặc “làm tóc”.

Daenggi Meori nghĩa là tóc buộc ruy băng, một trong những kiểu tóc cổ điển nhất dễ dàng được nhìn thấy nhất. Với daenggi meori, mái tóc dài được tết thành một bím dài duy nhất và được tạo điểm nhấn bằng một dải ruy băng màu sáng (được gọi là daenggi) ở cuối. Chỉ có phụ nữ chưa chồng mới có thể buộc tóc theo kiểu đầu daenggi meori.



Tóc buộc ruy băng đỏ - baetssi daenggi

Eon'jeun Meori

Cũng là một lựa chọn phổ biến của phụ nữ có chồng ở Hàn Quốc truyền thống. Thay vì búi tóc sau gáy, nó “nghỉ ngơi” (eon'jeun) trên đỉnh đầu.

Điều đáng chú ý về kiểu tóc này - và có lẽ là lý do tại sao nó không tồn tại lâu như các kiểu tóc khác đã làm - thường là, phụ nữ sử dụng tóc giả gia thế (gache) để làm tóc. Chúng rất nặng và rất đắt. Cũng do chi phí của nó, một số gia đình thuộc tầng lớp thấp hơn đã mất tới 6-7 năm để chuẩn bị một bộ tóc giả mới cho con dâu mới của họ.



Eon'jeun Meori



Jokjin meori

Jokjin meori có lẽ là kiểu tóc thường thấy nhất vào triều đại Triều Tiên (Joseon), vì kiểu tóc có thể được nhìn thấy cho đến ngày nay. Jokjin meori dành cho phụ nữ đã có chồng, được hình thành bằng cách chia tay đầu tiên và giữ phần tóc phía trước và sau đó buộc tóc thành búi sau gáy.

Để giữ búi tóc lại với nhau, họ sử dụng trâm (binyeo). Chất liệu và thiết kế cho binyeo rất đa dạng, và mang đến một phong cách cho phụ nữ truyền thống. Binyeo có thể được làm bằng vàng, bạc, ngọc bích, gỗ, tre, xương động vật và thiết kế bao gồm các biểu tượng cho phượng hoàng, rồng, vịt hoang dã, hoa sen rất đa dạng.



Binyeo



Jokjin meori

Eoyeo Meori

Kiểu tóc này gần như được làm hoàn toàn bằng tóc giả. Kiểu tóc này được làm cho các vương phi, vương hậu các vị vua vương đại phi (mẹ của vua). Trang trí bổ sung (được gọi là tteoljam) để thêm trang trọng.



Darae



Eoyeo Meori

Keun Meori

Kiểu đầu này được làm trong những dịp lễ chế trang trọng bởi các vương hậu, vương phi. Trên đỉnh eo'yeo meori, một bổ sung khổng lồ được gọi là tteoguji nên kiểu tóc này còn được gọi là tteoguji meori. Ban đầu phần tóc đệm thêm được làm hoàn toàn bằng tóc người thật. Nhưng sau khi có lệnh cấm tóc giả, tteoguji được làm bằng gỗ vaf chạm khắc sơn đen để giống tóc người.



tteoguji



Phục sức đi kèm hanbok



Trâm cài

Kẹp tóc là đồ nữ trang được đeo bởi phụ nữ với tóc buộc và cuộn lại để hỗ trợ họ. Chiếc kẹp tóc được viết là chữ Hán trong các ký tự Trung Quốc, và phụ nữ đã kết hôn đeo nó làm bằng chứng của hôn nhân. Do đó, đối với một người phụ nữ, kẹp tóc là một biểu hiện của lòng chung thủy và nhân phẩm.

Trong triều đại Joseon (1392 -1910), nó đã trở thành một vật phẩm dành riêng cho phụ nữ. Hơn nữa, chú rể sẽ tặng nó cho cô dâu của mình như một biểu tượng của tình yêu khi họ tham gia hôn nhân. Theo truyền thống truyền miệng của các nền văn hóa cổ đại, Binyeo cũng đóng vai trò là phương tiện để những người yêu nhau gặp gỡ, người dân thường được trao cơ hội mặc Binyeo hình rồng trong đám cưới. Nhiều nguyên liệu khác nhau đã được sử dụng để tạo ra Binyeos tùy thuộc vào ai sẽ là chủ sở hữu. Những người mặc Binyeos làm từ vàng, bạc và ngọc thuộc về giới thượng lưu; trong khi đó, những người mặc Binyeos làm bằng gỗ là những góa phụ. Cuối cùng, tên của Binyeo phụ thuộc vào hình dạng của Jamdu, phần lõi ở cuối.

Jamdus biểu thị những dấu hiệu tốt lành như sự giàu có, sức khỏe tốt và tuổi thọ.





Đồng tâm kết (norigae)

Trang trí Hanbok thường được biết đến nhất là một vật trang trí ở thắt lưng được đeo trên đai hoặc váy của phụ nữ. Ý nghĩa của đồng tâm kết (norigae) là “bảo vật quý giá” nhằm thể hiện “sự yêu thương và có người quan tâm chăm sóc”. Đồng tâm kết (norigae) được đeo bởi hầu hết tất cả phụ nữ, bất kể địa vị của họ, và nhiều người tin rằng nó đã xuất hiện vào thời đại Tân La (Silla) và triều đại Cao Ly (Goryeo), dây thắt lưng đã được rút ngắn trong triều đại Triều Tiên (Joseon).

Đồng tâm kết (norigae) có tác dụng tăng thêm vẻ đẹp cho trang phục. Các sắc thái của nó trải dài từ đỏ, nam và vàng, đến mười hai màu như tím, tím và ngọc bích, và mặc các loại khác nhau, từ hoàng gia đến phụ nữ.



Túi thơm (yeonpang)

Vì trong hanbok không có túi, nên người ta thường đeo túi thơm quanh eo và túi thơm thường làm quà tặng. Do không có thiết kế và quy định túi riêng biệt, bất kể tuổi tác hay giới tính, đều sẽ đeo một hoặc hai túi mang theo, tùy thuộc vào hình dạng và cách sử dụng, chúng được gọi là túi tai, túi thơm và túi đựng tiền.

Trang phục cưới

Đường y (dangui) được mặc như một chiếc váy cưới, cô dâu mặc nó trên một chiếc chima (váy quần) và jeogori. Người đeo cũng đặt một hwagwan (hoàng quan) trên đầu, gắn một đồng tâm kết (norigae), đeo phụ kiện trên goreum, và mang một đôi giày làm bằng lụa. Nó rất dễ mặc và gọn gàng, vì vậy đường y (dangui) là một trong những trang phục cưới thường được mặc trong số những người bình thường trong triều đại Triều Tiên (Joseon).

Wonsam

Là trang phục được các vị vương hậu, công chúa, hoàng thân mặc trong các dịp lễ đặc biệt trang trọng. Sau này khi được cho phép phổ biến trong dân gian, dân thường được phép mặc wonsam trong đám cưới, nhưng chỉ có wonsam với phần viền tay áo xanh (nokwonsam). Ngày nay, wonsam được mặc chủ yếu trong các đại diện của nghi lễ hoàng gia Triều Tiên (Joseon) và như một trang phục cưới với mọi người.

Hwarot, áo cưới của công chúa, vương hậu với phần áo choàng dài được thêu công phu với tay áo dài và rộng để che tay người mặc. Nó được ghép với nhau bằng nhiều tấm, có các khe bên dài và tương tự như hanbok. Hwarot rất tốn kém để tạo ra một chiếc áo choàng duy nhất trong nhiều thế hệ. Sau nhiều năm sử dụng, cần phải sửa chữa nhiều lần được thực hiện như sử dụng các miếng vá thêu từ áo choàng khác. Sự khác biệt giữa áo choàng và hanbok là các đường thẳng và đối xứng của áo choàng so với quần lót và nó đóng ở phía trước so với các sản phẩm may mặc khác ở châu Á. Bên. Wonsam có màu đỏ và bên trong màu xanh để tượng trưng cho mối quan hệ âm dương giữa người chồng và cô dâu. Tay áo có ba dải lụa màu đỏ, xanh và vàng với công trắng. Áo choàng thường được trang trí với các biểu tượng được cho là mang lại sự giàu có, may mắn và khả năng sinh sản cho cặp vợ chồng mới. Một số họa tiết phổ biến có trong thêu là hoa, thực vật, chim và cặp động vật có ý nghĩa đại diện cho cặp vợ chồng cô dâu. Tranh thêu hwarot cũng thường chứa các ký tự. Đến ngày nay hwarot mới được là một trong những chọn lựa cho trang phục cưới của người bình thường.



Giúp đỡ cô dâu mặc áo cưới, rất khó để tự mặc đồ cưới vì có nhiều lớp áo



Hwarot phục dựng từ hwarot thế kỷ 19

Hwagwan là một loại coronet Hàn Quốc được phụ nữ mặc, theo truyền thống cho các dịp nghi lễ như đám cưới. Nó tương tự như jokduri về hình dạng và chức năng, nhưng hwagan thì công phu hơn. Hwagwan lớn hơn một chút so với 'jokduri' và phục vụ để nhấn mạnh vẻ đẹp bằng cách trang trí vàng, bích辉 và ngọc trai trên vải



Minh họa Trang điểm







Trung Quốc – Nhà Thanh

Nữ tử nhà Thanh có xu hướng trang điểm thanh nhã, giản lược, Các kiểu khuôn mặt và vật trang trí phức tạp như hoa điểm, mặt yếm về cơ bản đã dần biến mất khỏi giai đoạn này, nhưng tình yêu dành cho phấn mắt và bột màu vẫn còn. Hồng trang vẫn là kiểu trang điểm yêu thích của phụ nữ thời bấy giờ, trang điểm đa số dùng Chu phấn mỏng, tươi mát thanh lịch và tao nhã, so với thời Đường hồng trang trở nên thanh nhã rất nhiều, nhưng một số phụ nữ thanh lịch thích hồng trang rực rỡ nổi bật.

Lông mày: Do tư tưởng phong kiến nặng nề vào thời Thanh, khiến cho địa vị của người phụ nữ trong xã hội còn rất thấp, chỉ có những phụ nữ trong Cung cấm như Hoàng Thái hậu và Hoàng hậu thì địa vị mới được nâng lên. Vì vậy, người phụ nữ lúc nào cũng phải ăn mặc và trang điểm để phục vụ cho nhu cầu của nam giới. Hình dạng lông mày của phụ nữ thời đó rất đặc biệt, đầu lông mày cao, đuôi thấp, hình dạng tinh tế thon dài, cong giống như trăng non, và càng ngày càng làm nổi bật lên nữ tính thanh tú ôn nhu tư thái của người phụ nữ.

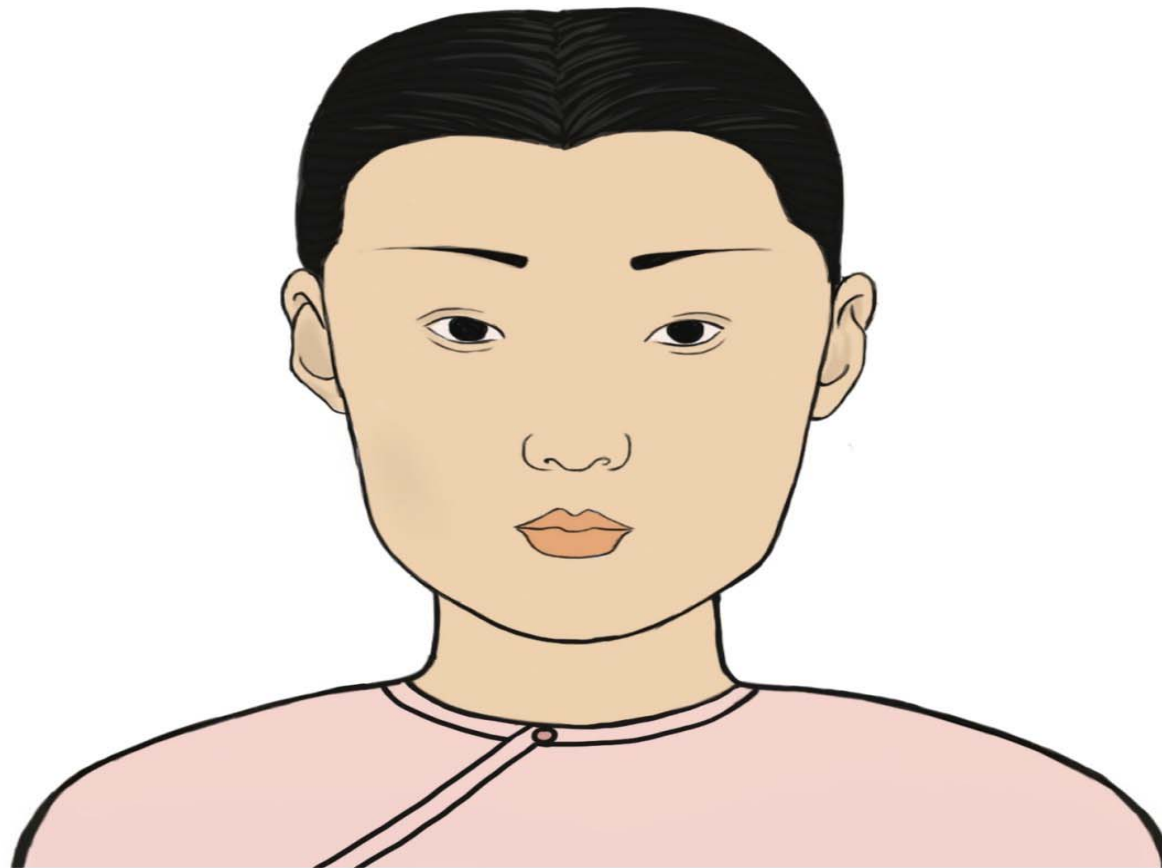
Mắt trang: Trang điểm mắt của phụ nữ thời nhà Thanh hiếm khi được nhắc đến trong văn học. Theo những bức tranh cũng như hình ảnh được lưu truyền thời bấy giờ, hình dạng của mắt về cơ bản tiếp tục phong cách thanh mảnh và tự nhiên của thế hệ trước.

Môi trang: Lúc này, trang điểm môi vẫn đẹp với miệng nhỏ bằng quả anh đào, theo phương pháp vẽ môi. Ngoài miệng anh đào nhỏ, cách trang điểm môi điển hình hơn là thoa son ở môi trên, và chỉ một chút ở giữa môi dưới. Kiểu trang điểm môi này rất phổ biến tại thời điểm đó. Một phương pháp khác là chỉ áp dụng môi dưới chứ không phải môi trên. Vào cuối triều đại nhà Thanh, phụ nữ cũng bắt đầu thoa son lên toàn bộ môi theo hình dạng của môi.



Hình ảnh minh hoạ cho kiểu thoa son ở môi trên, và chỉ một chút ở giữa môi dưới.







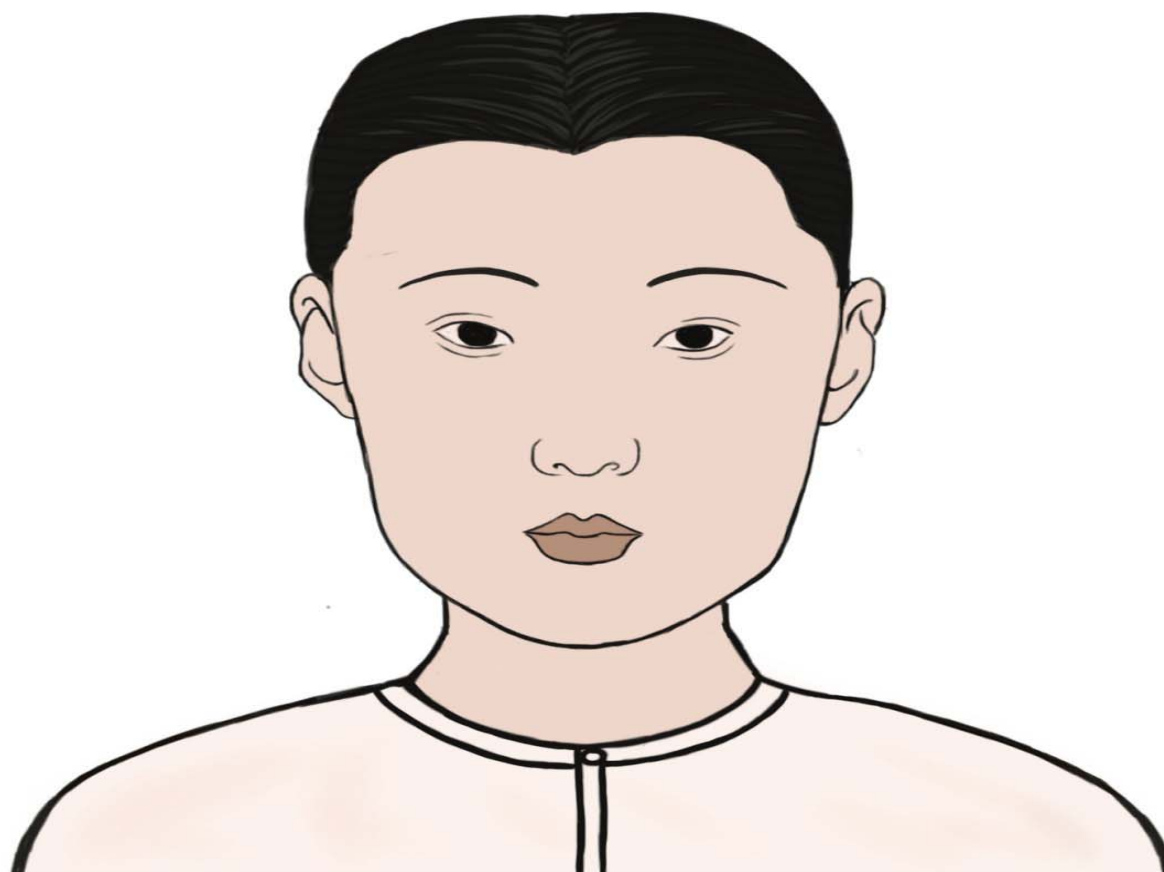
Việt Nam – Nhà Nguyễn

Dùng phấn nọ pha nước sền sệt đánh mặt trắng bệch như vôi, nhưng từ dưới cằm xuống cổ, và hai tai, lại để da trần. Bà bôi lên mỗi gò má một khoanh tròn phấn hồng. Môi trên dưới đều đánh phấn trắng, nhưng sau đấy bà dùng ngón tay tò sấp lên môi trên, và chỉ một điểm sấp son vào chính giữa môi dưới. Như vậy để môi chum chim như một nụ hoa. Lòng mày cũng được đánh che hết bằng phấn trắng, để rồi được tô lại bằng bút lông với muội than gỗ diên điển (có thể thay gỗ diên điển bằng nút bắc). Bà Tần giải thích rằng khi một nữ nhân đã nhập nội (vào làm vợ vua) rồi thì ngoài chồng, tức là vua, không một người đàn ông nào khác được thấy mặt mình nữa, dù là cha ruột. Gặp những dịp các bà phải có mặt ngoài cung cấm, thì các bà phải đánh phấn trắng như vậy để “trăm Mẹ như một”. Người ngoài chỉ được thấy cái mặt giả của các bà. Bà nói các kỹ nữ (geisha) bên Nhật cũng phải theo nguyên tắc này. Mặt thật của họ chỉ có chồng con được biết thôi. Theo lệ thời cuối Nguyễn Triều thì các hoàng thái hậu và các bà hậu, phi trong tam cung không phải đánh phấn trắng lối này. Các bà trong lục viện mới phải đánh mặt trắng. Ba viện trên được đánh sấp môi lên môi trên và một chấm sấp giữa môi dưới. Ba viện dưới đánh trắng môi trên với một chấm son giữa môi dưới. ...Phụ nữ trong cung thừa xưa dùng phấn nọ để trang điểm. Gọi là phấn nọ vì do cách sản xuất thời bấy giờ, mỗi viên phấn có hình dáng giống như một nụ hoa nho nhỏ. Các bà tự làm ra phấn nọ để dùng chứ ít khi họ tin tưởng vào phấn mua ngoài phố. Phấn nọ được làm từ chất cao lanh thượng hạng mua từ Trung Quốc và đem về chế biến. Lối đánh phấn trắng bệch với phấn hồng và môi điểm nọ chỉ được dùng trong các dịp đại kỵ trong cung ngày xưa. Vào các lễ lạc khác và ở đời thường, phấn nọ và sấp môi cũng chỉ được điểm trang như cách phụ nữ vẫn làm ngày nay mà thôi. Phấn nọ vẫn được làm thành từng thỏi lớn và bán tại các hàng xén trong chợ Đông Ba ở Huế. Nhưng các bà xưa vẫn thường tự mua cao lanh về làm phấn nọ để dùng riêng. Họ phải kỹ vì chất cao lanh loại thấp cấp dễ gây tổn hại cho da mặt.



Cách trang điểm của phi tần hậu cung nhà Nguyễn được tái hiện bởi bà Lê Thị Đình là cung nữ thân cận của Đức Từ cung (mẹ vua Bảo Đại).







Nhật Bản – Geisha

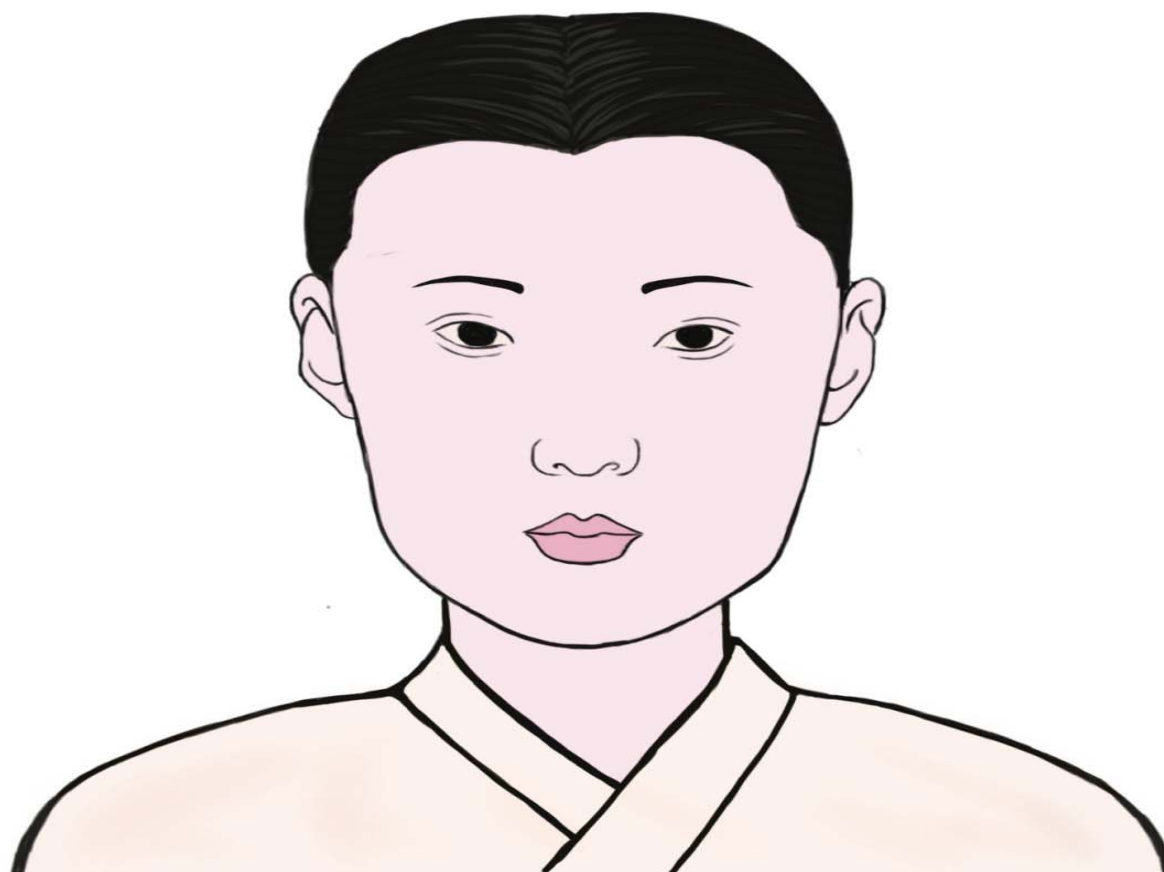
Các kiểu tóc được trang điểm cầu kỳ với lược và trâm và đa số hiện nay các Geisha đều sử dụng tóc giả trong cuộc sống hàng ngày của mình và những bộ tóc giả đó phải được bảo dưỡng định kỳ bởi các nghệ nhân có kỹ năng cao.

Các kiểu tóc được trang điểm cầu kỳ với lược và trâm và đa số hiện nay các Geisha đều sử dụng tóc giả trong cuộc sống hàng ngày của mình và những bộ tóc giả đó phải được bảo dưỡng định kỳ bởi các nghệ nhân có kỹ năng cao.

Mặt phấn trắng dày, mắt kẻ đen, môi tô đỏ là cách trang điểm của hầu hết Geisha thực tập. Sau khi trở thành Geisha 3 năm họ bắt đầu thay đổi cách trang điểm theo xu hướng nhẹ nhàng hơn. Ngày nay người ta nhìn vào ngoại hình mà hiểu sai nghĩa về họ, dù càng ngày càng suy giảm theo thời gian nhưng Nhật bản vẫn luôn giữ được truyền thông Geisha tốt đẹp chứ không phải theo cách nghĩ của đa số trong xã hội.









Hàn Quốc

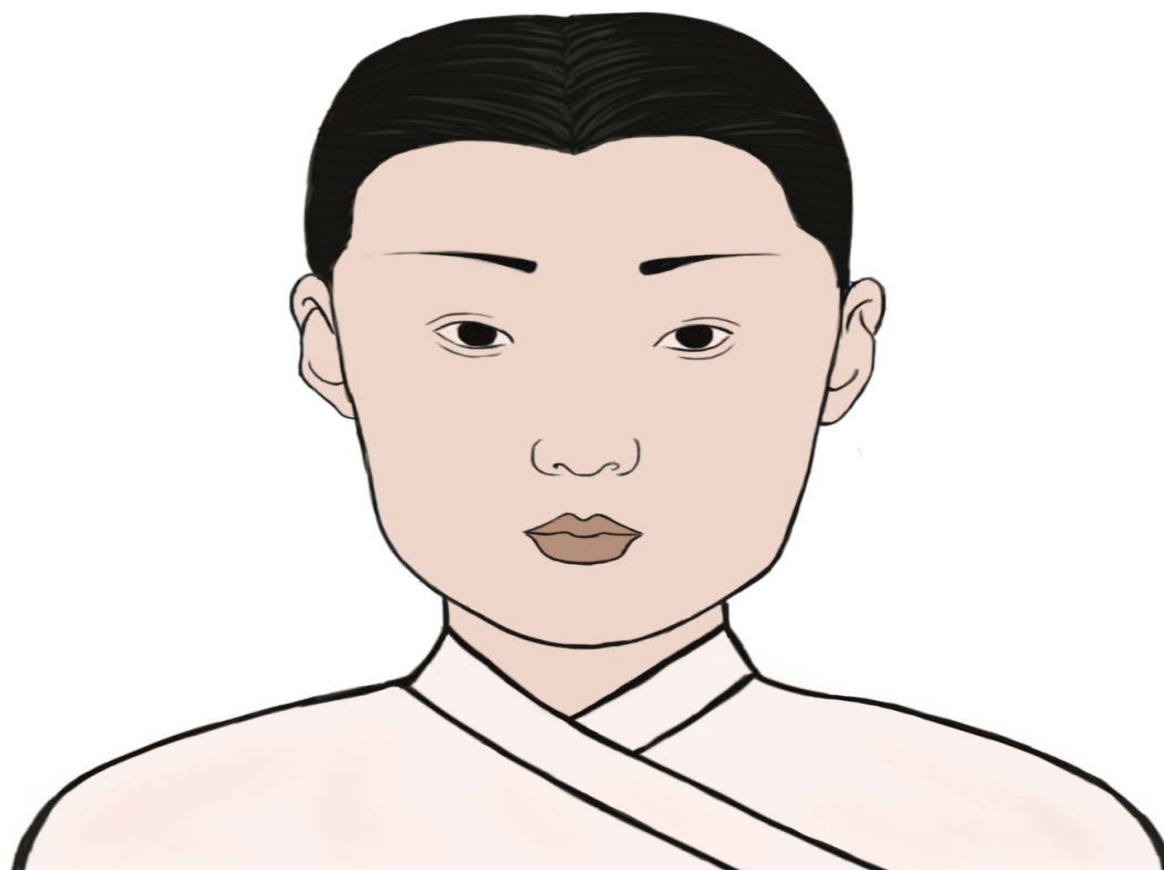
Các kiểu trang điểm và quan điểm thẩm mỹ của Goguryeo là một khuôn mặt tròn, lông mày mỏng và làm tóc, các kiểu trang điểm bị ảnh hưởng bởi Trung Quốc.

Mọi người đều thích trang điểm, bất kể địa vị hay giàu nghèo. Theo bức tranh tường lăng mộ cổ ở Susan-ri và Ssangyoungchong, trang điểm của những quý bà hoặc hầu gái đã được miêu tả khá quát trên đó.

Tất cả các nhân vật chính của bức tranh Ssangyoungchong đều trông giống quý tộc, tất cả họ đều chải tóc rất đẹp, tía lông mày, đánh phấn trắng và dùng phấn má.









Tư liệu tham khảo

Trung Quốc

1. Trang phục thời Đường là đỉnh cao của Trung Hoa cổ đại - tourtrungquoc.net.vn/
2. Trang phục phụ nữ Trung Quốc thời Đường - Tư Duy Lịch Sử
3. Quần áo thời nhà Tống: Quần áo phụ nữ thời nhà Tống - <http://www.qulishi.com/>
4. Phục trang của các phi tần, hoàng hậu thời nhà Thanh phức tạp ra sao - tinhhoa.net/
5. THANH TRIỀU - Chuyện đề II : Giới thiệu một số phụ kiện thường gặp trong trang phục triều Thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
6. KỈ HẢI- Đồi giày truyền thống của phụ nữ mãn thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
7. Hộ chỉ - Món trang sức sang chảnh của Thanh cung - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
8. Y phục và sức phẩm trong Như Ý Truyện - Hậu cung Như Ý truyện.
9. Quần áo nhà Minh - baike.baidu.com/
10. Văn hóa nhà Tống: Trang phục triều đình nhà Tống - baijiahao.baidu.com/
11. Phục sức thời Đường - mythuatms.com/
12. MINH TRIỀU CẬN ĐÀM - Số 2 - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
13. Tổng hợp về các kiểu trang phục của phụ nữ thời nhà Thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
14. Zhou, Xibao (1984). 【中國古代服飾史】 [History of Ancient Chinese Costume]. Beijing: Zhongguo Xiju.
15. Xu, Jialu (許嘉璐) (1991). 【中國古代禮俗辭典】 [Dictionary of Rituals and Customs of Ancient China]. Xu, Jialu (許嘉璐) (1991).
16. Huang, Nengfu (黃能馥); Chen, Juanjuan (陳娟娟) (1999). 【中華歷代服飾藝術】 [The Art of Chinese Clothing Through the Ages].
17. Hua, Mei (華梅) (2004). 【古代服飾】 [Ancient Costume]. Beijing: Wenmu Chubanshe.



Việt Nam

1. Ngàn năm áo mũ (Trần Quang Đức) - Tổng quan trang phục cung đình Việt Nam (Tr.19)
2. Ngàn năm áo mũ (Trần Quang Đức) - Trang phục thời Lý (Tr.49)
3. Ngàn năm áo mũ (Trần Quang Đức) - Trang phục thời Trần (Tr.101)
4. Ngàn năm áo mũ (Trần Quang Đức) - Trang phục thời Lê (Tr.153)
5. Ngàn năm áo mũ (Trần Quang Đức) - Trang phục thời Nguyễn (Tr.275)
6. Trang phục Việt Nam (Đoàn Thị Tình) - Vài nét về thời Ngô - Đinh - Tiền Lê (Tr.19)
7. Trang phục Việt Nam (Đoàn Thị Tình) - Thời Lý (Tr.22)
8. Trang phục Việt Nam (Đoàn Thị Tình) - Thời Trần (Tr.29)
9. Trang phục Việt Nam (Đoàn Thị Tình) - Thời Lê - Mạc - Trịnh - Nguyễn - Tây Sơn (Tr.39)
10. Trang phục Việt Nam (Đoàn Thị Tình) - Trang phục lễ tang (Tr.152)



Nhật Bản

1. Trang phục thời Đường là đỉnh cao của Trung Hoa cổ đại - tourtrungquoc.net.vn/
2. Trang phục phụ nữ Trung Quốc thời Đường - Tư Duy Lịch Sử
3. Quần áo thời nhà Tống: Quần áo phụ nữ thời nhà Tống - <http://www.qulishi.com/>
4. Phục trang của các phi tần, hoàng hậu thời nhà Thanh phức tạp ra sao - tinhhoa.net/
5. THANH TRIỀU - Chuyên đề II : Giới thiệu một số phụ kiện thường gặp trong trang phục triều Thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
6. KÌ HẢI- Đôi giày truyền thống của phụ nữ mãn thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
7. Hộ chi - Món trang sức sang chảnh của Thanh cung - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
8. Y phục và sức phẩm trong Như Ý Truyện - Hậu cung Như Ý truyện.
9. Quần áo nhà Minh - baike.baidu.com/
10. Văn hóa nhà Tống: Trang phục triều đình nhà Tống - baijiahao.baidu.com/
11. Phục sức thời Đường - mythuatms.com/
12. MINH TRIỀU CẬN ĐÀM - Số 2 - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
13. Tổng hợp về các kiểu trang phục của phụ nữ thời nhà Thanh - Góc Trung Quốc - Văn hoá Nghệ thuật và Lịch sử.
14. Zhou, Xibao (1984). 【中國古代服飾史】 [History of Ancient Chinese Costume]. Beijing: Zhongguo Xiju.
15. Xu, Jialu (許嘉璐) (1991). 【中國古代禮俗辭典】 [Dictionary of Rituals and Customs of Ancient China]. Xu, Jialu (許嘉璐) (1991).
16. Huang, Nengfu (黃能馥); Chen, Juanjuan (陳娟娟) (1999). 【中華歷代服飾藝術】 [The Art of Chinese Clothing Through the Ages].
17. Hua, Mei (華梅) (2004). 【古代服飾】 [Ancient Costume]. Beijing: Wenmu Chubanshe.



Hàn Quốc

1. Korean Costume : Three kingdom Silla – Goguryeo – Baekja .blog.naver.com
2. Characteristics of Baekje costumes. seoul.co.kr
3. Korean woman costume in Goryeo. Blog.naver.com
4. Korean Costume from Three kingdom – Sunset. Blog.naver.com
5. [Hanbok] Change of Hanbok by Period. instiz.net
6. Costume of the Three Kingdoms Era - Yonghwan. Blog.daum.net.
7. The Joseon Dynasty | Hanbok & Dramas – Vee.aminoapps.com
8. List of Korean clothing- readtiger.com
9. Traditional Korean Hairdo for Women – Ask a Korean. Askakorean.blogspot.com
10. Samuel Songhoon Lee (2015). Hanbok: Timeless Fashion Tradition. Seoul Selection.
11. Martina Deuchler (1992). The Confucian Transformation of Korea: A Study of Society and Ideology. Harvard Univ Asia Center. p. 307
12. Clothing of Goryeo Dynasty : Changes by periods- Manchuri. Blog.naver.com
13. Korean Costume/Clothes of Women in the Joseon Dynasty –Sunset. blog.naver.com
14. Traditional and etiquette : Chosun Dynasty Traditional Costume (Female)-Replenishing longsleeved clothes and skirts/photo materials – Talks. Blog.naver.com
15. Korean Traditional Hanboks – christinathepolyglot.wordpress.com
16. The K-drama Hanbok (한복) Collection (A helpful guide to the Hanbok fans with Introduction) - djappleblush.forums.soompi.com
18. Women's Overgarment - Glimja . devianart.com
19. Joseon Dynasty: Queen's Vestments - Seo Hyeon. madoria.egloos.com
20. The history of fashion and costume : Vestment of queen (Jokie1, Queen's Ceremonial Robe) - Hye-Sook Yoon Fashion Critic.



Lời cảm ơn

Để cuốn sách này được hoàn thành, nhóm chúng tôi đã được hỗ trợ cả về tinh thần và vật chất từ nhiều người. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến: Giáo viên hướng dẫn Nguyễn Quốc Thanh đã đưa ra những lời khuyên và những góp ý quý báu về thiết kế dàn trang cũng như ý tưởng về đề tài nhóm thực hiện trong đồ án lần này.

Các thành viên trong nhóm đã cùng nhau thực hiện cuốn sách này:

Nguyễn Phạm Nhơn Ái

Đinh Gia Linh

Trần Thị Nhật Quyên

Võ Tường Vy

Mọi tư liệu trong cuốn sách này đều chỉ mang tính chất tham khảo vì những thông tin đều do thành viên trong nhóm tổng hợp từ các nguồn có sẵn, giá trị tư liệu chưa được kiểm duyệt. Rất mong nhận được sự góp ý thiện chí từ những người có kinh nghiệm cũng như kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực nhóm đang nghiên cứu.





